

THUỐC MUỐI SÙI TÂM

# VECENO

Chuyên trị:  
BỘN-Ợ CHUA-BUỒN NÔN-ỢI MỬA  
AN KHÔNG TIÊU-NÓ HƠI-SÔI RƯỢT  
BAO-TỬ CỜ RÚT

CÓ BÁN KHẮP  
ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

# PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM  
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỒ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỜI SỐ 67 — 15-10-1961

1.— Gái trai thời loạn (Xã-luận) . . . . .	Nguyễn-Vỹ	6 — 9
2.— Đôi mắt (truyện ngắn quốc tế) . . . . .	Duy Dân	10 — 19
3.— Nhân vật xuân thu . . . . .	Thiếu Sơn	20 — 28
4.— Xa lạ (thơ) . . . . .	Băng Linh	29
5.— Duyên kỳ ngộ (thơ) . . . . .	Đào Tứ Lang	30
6.— Chuột reo (truyện vui) . . . . .	Huy Nghĩa	31 — 37
7.— Kỹ giả thuở trước . . . . .	Té Xuyên	38 — 44
8.— Chuyện lạ cổ kim . . . . .	Điền Sơn	45 — 50
9.— Đền thờ cá voi . . . . .	Trịnh Thiên Tứ	51 — 58
10.— Nước Nhật ngày nay . . . . .	Nông Bằng Giang	59 — 66
11.— Nửa đêm (thơ) . . . . .	Huỳnh Minh Tấn	67
12.— Mưa gió nặng nề (truyện ngắn) . . . . .	Lam Giang	68 — 72
13.— Tuấn, chàng trai nước Việt . . . . .	Nguyễn Vỹ	73 — 80

# HO BÁC-SỸ TÍN



Chuyên trị:  
HO cảm HO gió HO đàm HO tức ngực  
VIÊN BẢO-CHẾ  
343, Đ. LỤC-TÍNH CHULON Có bán khắp nơi

14.— Chung quanh nghi án lịch sử :		
« Vua Quang-Trung chết... » . . . . .	Thiện Sinh	81 — 85
15.— Lặng buồn (thơ) . . . . .	Ngọc Điệp	86 — 87
16.— Một giấc mơ hoa . . . . .	Duyên Hồng	88 — 92
17.— Khi người đẹp thất vọng . . . . .	Hoàng Thống	93 — 104
18.— Minh ơi ! Chiếc phi thuyền đầu tiên bay lên không gian . . . . .	Diệu Huyền	105 — 113
19.— Mồ hôi nước mắt. . . . .	Nguyễn Vỹ	114 — 119
20.— Thơ lên ruột . . . . .	Duy-Hiền	120
21.— Đáp bạn bốn phương . . . . .	Diệu Huyền	121 — 130

- ★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong. Tạp-chí PHỒ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

## g á i t r a i t h o i l o a n

### T I N - T Ú C

lặt-vật phệ bày trên các mặt báo hằng ngày tường-thuật những vụ xảy ra khắp các giới thanh-niên trong mấy năm gần đây, khiến cho chúng ta giật mình và rất băn-khoăn, lo-ngại cho tiền-đồ bạn trẻ. Hầu hết các vai chủ-động là các em từ 14, 15 tuổi trai hay gái, đến tuổi trưởng thành 21, 22... Sự thiếu giáo dục và kiểm-soát của gia-đình, thiếu kỹ-luật của học-đường, đã để cho một số đông các phần-tử hoa-niên còn thơ-ngây, bông bột, có những cơ-hội sa-ngã dễ-dàng trong truy-lạc và tội lỗi, dưới mọi hình-thức tinh-thần và vật-chất.

Chúng ta hãy kiểm-điểm lại một vài hành-động đã xảy ra tại Saigon, và các nơi thành-thị. Nhiều vụ đồ bê đã gây ra tai-tiếng và đã được tường thuật trên các báo. Những « tình yêu » 13 tuổi, những em bé 14, 15 tuổi bỏ nhà trốn đi theo « chàng », theo « nàng », chàng có thể là một anh thợ hàn, thợ mộc, một anh tài-xế, một chú kếp hát cải lương; nàng có thể là một em

Đo Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74), tặng Huỳnh Chiêu Đẳng chủ nhân Quán Ven Đường

bé nữ-sinh đệ lục, đệ ngũ, con gái một công-chức, một nhà triệu-phú, một bác thợ nề, những nhóm học-sinh năm bảy cậu rủ những nhóm nữ-sinh năm ba cô từ tỉnh lên Sài-gòn thuê phòng-ngủ ở với nhau, hoặc từ Sài-gòn đi du hí nơi các bờ biển, ngủ đêm trong các khách sạn ; các cô gái lấy cắp tiền và nữ-trang của mẹ, các cậu trai lấy trộm xe hơi của cha, đề đi «xây ồ uyên-ương» ở Dalat, Nha-trang, Vũng-tàu ; các cô các cậu «cúp cua», bỏ giờ học đề đi ciné với «bò», đi ăn uống trong các trà thất, đi nhày trong các lớp dạy khiêu-vũ ; các cậu học-trò đánh thầy giáo ; các «giáo-sư» đú - đởn với nữ-sinh ; đối với người lớn thì hồn-xược, vô-lễ, đối với cha mẹ thì ngỗ-nghịch, đối với bạn hữu thì lừa dối, hoặc chia phe chia đảng, thù-nghịch nhau, đâm chém nhau vì một cô gái lãng-loàn ; con gái 13, 14 tuổi đã đeo soutien-gorge, đã đi giày cao gót (đi học cũng mang giày cao gót), đã uống tóc theo kiểu Brigitte Bardot ; con trai 16, 17 tuổi đã hút thuốc thơm, uống rượu mạnh, đã bê-tha trong các hộp-đêm, đã vênh-vào «ta đây», của «Thế-hệ Đợt sóng mới»...v.v...

Nhưng lớp thanh thiếu-niên ấy đã hư-hỏng quá sớm, hoặc đang theo cái đà xuống dốc trụ-lạc, suy đồi, mà hiện tại không có gì cứu-vãn được, chính lại là không phải lỗi của họ ! Bình tĩnh và sáng-suốt nhận xét về căn-nguyên của thời đại, chúng ta không nên đổ tội cho các lớp trẻ còn non-nớt, ngây thơ, tâm-hồn chưa ổn-định.

Thành phần thanh-thiếu niên ấy, đáng lẽ phải là những phần tử ưu-tú, anh-dũng, quật cường, mà nay chúng ta đau-dớn nhìn thấy họ đã thành những kẻ lạc-lồng, điên-cuồng, vô ý-thức, vô trách nhiệm, vô kỹ-luật, chính là tại họ thiếu căn-bản giáo-dục ở gia-đình và học-đường.

Tội lỗi, chính là tại nơi gia-đình và học-đường, hai cơ-cấu chủ chốt này, đã gần như đồng-lỏa mà bỏ rơi họ, không chiếu-cổ đến họ, không săn-sóc đến họ, không giáo-dục cho họ. Hơn nữa, gia-đình và học-đường đã vô-tình thúc-đẩy các lớp thanh-thiếu-niên đáng thương-hại mà đáng quý-mến kia, vào con đường phiêu-lưu, bệ-dạt, liều-lĩnh điên cuồng.

Đã đời giữa thời bình-dao kình-không, đây rày mau mẹ, một-mu khơi lửa, họ ngo-ngác sau cơn ly-loạn, bơ-vơ giữa một xã-hội bị đảo-lộn đang tái-tạo trên những điêu-tàn và những xác chết, các lớp người còn non dại kia đã được ai chiếu-cổ đến đâu ? Đã có ai vỗ-về họ ? Nâng đỡ họ ? Diu dắt họ ?

Gia-đình thì bỏ bê họ, học-đường thì lơ-là họ, ai nấy đều lo lợi-lạc riêng mình, hầu hết các cơ-cấu xã-hội đều chỉ lợi-dụng tình-thế hỗn-độn, đầu-cơ khai thác chợ đen, hốt tiền cướp của, mua bán chức-trước, tranh-đoạt lợi quyền, giành dật địa-vị, nào có ai lo lắng cho đám thanh thiếu-niên đang lạc-lồng giữa điêu-tàn ? Nào có ai đề tâm đào-tạo hiện-tại, xây-dựng tương-lai cho các bạn trẻ đang ngo-ngác trước Lịch-sử còn quân-quại trong đau thương ?

Họ tự nhận thấy họ không có chỗ đứng, không có hướng đi, không người diu-dắt. Họ mất hết tin-tưởng. Họ trông thấy thực-tế đầy tàn-nhân, đầy giá-dối đầy thù-đoạn, mưu-mô. Cho nên họ chán nản.

Họ thấy họ không có trách-nhiệm gì cả. Không có lý-tưởng nào cả. Rồi họ chìm đắm trong các cuộc truy-hoan. Rượu chè. Đản dịch. Ca hát. Họ lao mình trong các cuộc phiêu-lưu đề thỏa mãn những vật-dục dề-hèn, bất chấp tội lỗi. Họ «yêu» cho xác thịt. Họ hụp mũi vào ly rượu cho say sưa giòng máu, cho giết chết linh hồn của họ. Rồi họ đi chém giết những kẻ khác mà họ gọi là kẻ thù, nhưng sự thật chỉ là để giành nhau một nụ cười loi-là, để thỏa-mãn thú tính tà-dâm, để bảo vệ lòng tự-ái suy-đổi, hung-hăng, một moi...

Mặc dầu họ sẽ ngã gục xuống nước mắt và hối-hận !

Tôi gặp họ nhiều lần lắm. Tôi hiểu họ nhiều lắm. Tôi thương họ và quý-mến họ lắm. Họ không có tội gì cả. Họ vẫn còn ngây-thơ trong tuổi hoa-niên.

Lỗi ? — Lỗi ở các bậc CHA MẸ. Các ngài Thân-sinh ra bạn thiếu-niên «cao-bồi», «lưu-manh» kia, phải tự mình nhận lãnh trách-nhiệm không săn-sóc dạy dỗ con. Các ngài không làm tròn bổn phận giáo-dục của cha mẹ, của anh chị. Các ngài chỉ lo sinh-kế hoặc lo «làm giàu», lo sắm xe hơi, lo tậu nhà lầu, hoặc ngày hai buổi cặm cùi đi làm việc ở các công sở, tư-sở, các xưởng máy, các hãng buôn. Các ngài không chú trọng đến một việc quan-trọng vô cùng : là chỉ-bảo, diu-dắt con em trong nhà. Kiểm soát hành-dộng của con em. Là dạy bảo, khuyên-răn, khuyến-kích cho con em khỏi đi lầm đường lạc lối.

Lỗi ở một số các THẦY GIÁO, CÔ GIÁO, và một số các ông HIỆU-TRƯỞNG. Tôi nói một số các ngài nào đó thiếu lương-tâm nhà nghề, kém tinh thần đạo-đức, không làm tròn nhiệm-vụ khai hóa con em. Chỉ ham kiếm tiền, mà không nghĩ đến trách-nhiệm cao-quý vô cùng, tốt-đẹp vô cùng của nhà giáo : là đào tạo thanh-niên. Một số không tha-thiết với nghề. Làm hư hỏng tuổi trẻ.

Chính một số Thầy giáo kém mô phạm kia đã làm cho giáo-giới ngày nay giảm mất nhiều uy-tín và vinh-quang trước dư-luận của đa số phụ-huynh học-sinh và nhân-dân.

N. V.

# ĐÔI MẮT

\* Nguyên tác bằng tiếng Kerala (Ấn-Độ)  
● của K.T. MOHAMED

● Dịch ra Anh-văn :

Mrs SUSHEELA MISRA

\* Dịch ra Việt-văn : DUY-DÂN

**T**ẤT cả những kẻ có mắt để nhìn đều cười khi thấy tôi. Có người cười đến ngắt đi vì họ cho tôi có nhiều chuyện kỳ cục. Tôi biết họ cười gì rồi và tại sao mà họ cười đến như vậy.

Một lý do làm họ cười là như tôi mà cũng có người yêu, hơn thế nữa, tôi đã cưới nàng. Nếu các bạn muốn biết chuyện vui kỳ lạ này tất họ mời các bạn nhìn vào tôi. Vâng, tôi sẽ xin kể trước với các bạn vậy.

Có gì đâu, dầu sao tôi cũng là thằng người. Tôi là một thằng hèn, đen như than, tay chân dài quá cỡ. Cái đầu bự của tôi làm

nổi bật cái thân hình méo mó cũng như cái hình dạng kỳ dị của tôi. Trên mặt, một cặp mắt tròn xoay nằm trong đôi hố sâu, một cái miệng cá ngạo và cái trán hẹp nằm giữa đôi vành tai rộng. Da mặt lốm đốm vết sẹo đậu mùa năm 20 tuổi. Thuở bé, tôi lại bị ngã què mất một chân. Thật tôi là một «cây xấu». Người ta bảo lúc mới nhìn tôi, họ thấy giống như một con khỉ đen. Nhưng thấy khỉ thì chẳng ai buồn cười. Họ cười vì họ nhận ra con vật giống khỉ ấy lại là người đồng loại với họ. Một bạn đi trên đường phố, tôi nghe người ta nói : Thằng cha ấy giống thằng gù trong «Notre Dame». Mặc

dầu tôi không gù nhưng không bao giờ tôi cải lại, và chẳng tôi cũng chẳng cần phải bảo là giống ai. Dù cái cười của họ làm cho tôi biết khá nhiều về tôi.

Các thiếu nữ đi trên đường phố khẽ gặp tôi là vội ngoảnh mặt ngay như gặp phải con cú mang điêm xấu lại cho họ. Và những kẻ kiêu kỳ ấy không thèm coi tôi như đồng loại của họ và không chịu xem những cảm nghĩ của tôi như cảm nghĩ của họ, ấy là lúc tôi thấy buồn tủi cho số phận của tôi.

Bẩm sinh như bất kỳ một kẻ nào khác, tôi cũng biết rung cảm trước cái đẹp, nhưng đối với tôi, họ cho đó là một tội nặng không thể tha thứ được. Tóm lại, xã hội đã công bố trắng ra rằng : những thằng người như tôi không có quyền sống lẫn lộn với họ. Tôi cũng biết như vậy...

Cha tôi qua đời hồi tôi chưa biết gì, gia đình tôi chỉ còn lại một mẹ già. Ai là kẻ chịu trách nhiệm về cái thân hình kỳ dị đáng thương của tôi. Cha tôi hay Mẹ tôi ? Không ! tôi không oán trách ai cả. Sao lại oán trách các cụ được. Các

cụ sinh tôi ra, có lẽ cũng không biết rằng sẽ sinh tôi. Nhưng, mẹ tôi cũng như tôi, muốn cho gia đình không bị tuyệt nòi. Tình gia đình, theo nghĩa con người, bắt đầu thể hiện ở người mẹ hiền của tôi. Bà hỏi tôi : « Con ơi ! rồi con cũng phải có vợ chứ. » Câu nói của Mẹ tôi không làm tôi ngại nhiên tý nào. Nén lòng tôi đáp : « Dạ ! thưa Mẹ có chứ. »

Từ đó, Bà bắt đầu thăm dò ý tứ cô láng giềng tóc xám. Cuộc thăm dò kéo dài. Ngày lại ngày. Bà trở về với một vẻ đau khổ trên nét mặt. Ngày nào tôi cũng hỏi : « Ra sao, Mẹ ». Và bà vẫn trả lời : « Không ! Có sao đâu ». Sau câu trả lời bình thản đó, chúng tôi một trái tim thất vọng và bất lực của một bà mẹ.

Hai tuần qua, Bà không đi đâu nữa. Những kẻ trước kia không cười tôi bây giờ cũng cười. Có người nói : « Thật khổ, Mẹ nó đi kiếm vợ cho nó thật là khó khăn. Trời ơi ! Sao bà lại sinh ra những thằng con như vậy. »

Tôi bắt đầu âm thầm chải chuốt. Tôi ăn mặc quần áo thật bảnh,

ĐÔI MẮT

nhưng ý định tôi lại làm thiên hạ cười thêm. Có lẽ tôi xấu thêm chăng? Điều mà tôi nhận ra rằng: Bơi lội không thể biến con quạ khoang thành con thiên nga. Tôi xin tiếp tục kể đời tôi. Sau rớt, tôi cũng có một ý trung nhân. Các bạn hãy kiên nhẫn để nghe nốt thiên tình sử của tôi và cũng là câu chuyện một tấm lòng bác ái. Tôi ao ước yêu và được yêu, điều đó hiển nhiên. Tình sử của tôi quả thật là huyền diệu, trong đó cũng có một thiếu nữ yêu tôi say đắm và về sau lấy tôi, hoàn toàn không kể đến cái bề ngoài nó từng buộc mọi cặp mắt phải ngoảnh đi và mọi ý nghĩ phải ghé tởm.

Việc mẹ tôi cố gắng để có con dâu chăm dút trong sự đổ vỡ vì không có người đàn bà nào muốn làm vợ của con «khỉ người». Buồn khổ vì sự thất bại này, mẹ tôi trở thành nạn nhân của tuổi già bệnh hoạn.

Mẹ tôi, người vẫn thường thoa dịu tấm lòng bùng cháy của tôi với ngọn gió mát lạnh của tình mẫu tử; người mẹ thân mến của tôi, người đã làm cho tôi tha thiết với cõi trần thế thiếu tình thương này bởi những sợi giây

vàng của lòng người; Mẹ tôi, người chính là nguồn sống của tôi, người độc nhất đã tìm thấy một vài nét đẹp trong cái thân hình xấu xí méo mó này, đã chết đi để mình tôi cô-độc.

Và câu chuyện tình xảy ra... Có tiếng cái gậy khuơ lách-cách vào bậc thềm, tiếp theo là tiếng nói của một thiếu nữ: «Ông bà có gì cho kẻ ăn xin này với. Thân con mù lòa». Đó là một đứa gái ăn xin. Tôi nhìn nàng rồi cặp mắt nàng, một cảnh tượng đáng thương.

Tôi quên cả chính mình và nghĩ: «Con bé khốn nạn còn trẻ mà mù lòa — biết đâu trong con người đó chẳng có một con tim biết cảm nghĩ.

Nàng không đẹp nhưng thân hình cân đối của nàng có cái vẻ hấp dẫn của tuổi trẻ. Khốn nạn thật, tôi đem lòng yêu nàng.

Tôi chân thành bảo nàng: «Em có thể vào ngồi đây». Nàng sờ soạng tìm đến cửa. Tôi đứng dậy và đưa tay dẫn nàng. Đây là lần đầu tiên tôi đụng chạm đến một người con gái. Tôi nhìn lại mặt nàng, mặc dầu mù lòa, tuổi trẻ đã dành cho nàng một

khuôn mặt xinh xắn. Bộ ngực cao của nàng không xa bộ ngực tôi mấy. Tôi chưa kịp suy nghĩ thì thân tôi run rẩy như gặp cơn gió lạnh, môi tôi như khô cháy, chân tay bủn rủn lạ thường, hơi thở gấp lên.

Tôi dẫn nàng đến một chỗ ngồi ngoài hiên. «Em có thể ngồi xuống đây». Không biết nàng có cảm thấy bàn tay tôi đang run run không? Tôi cho nàng một ít thức ăn và tiền. Nàng nói cho tôi biết tên nàng là Leela, mẹ nàng và nàng ở trong một túp lều tranh gần xưởng thợ của thành phố.

Rồi nàng ra đi, tôi dặn nàng nhớ trở lại. Từ đó, Leela thường xuyên đi lại nhà tôi và thành thói quen. Chúng tôi chuyện trò với nhau hết cả mọi việc. Tôi cảm thấy một cái gì làm sống lại điệp khúc của lòng và của đời tôi. Cuộc sống lúc này là những phút hấp dẫn...

Cặp mắt của Leela, nếu cặp mắt đó sáng chúng sẽ làm cho nàng tươi đẹp thêm. Phải chăng cái liếc mắt của một thiếu-nữ làm cho người ta điên lên được. Dầu điều đó tôi chỉ được biết qua kinh nghiệm của người khác thôi, nay

tôi được biết ý-nghĩa điều-đó như thế nào rồi. Con tim thèm khát của tôi cũng có điều kỳ vọng riêng của nó. Nếu như Leela có đôi mắt sáng! Tôi không còn biết rằng điều ước vọng đó điên rồ đến mức nào! Nếu như nàng có đôi mắt sáng thì nàng không là kẻ ăn xin, cũng như lúc bấy giờ nàng chẳng thèm nhận một chút gì dù chỉ là của bố thí không thời. Không! Cặp mắt sáng của nàng không để nàng đến đây nói chuyện hàng ngày với tôi. Tôi cứ suy nghĩ một cách tàn nhẫn như vậy bởi vì tôi chẳng được bằng một ai. Đó không phải là lỗi của tôi.

Thiên hạ biết những cuộc gặp gỡ của chúng tôi nhưng không một ai thèm muốn. Vốn sinh ra là khỉ người, nên tôi là cái đích cho họ chế nhạo, nay câu chuyện tình của tôi lại làm cho họ cười thêm, họ cười vì cuộc gán bó của sự quái đản và sự mù lòa. Có điên rồ không?

Một hôm, tôi hỏi Leela: «Leela em có nghĩ gì về anh không?» Nụ cười e lệ của nàng làm tôi sung sướng vô cùng. Tôi van lơn: «Leela, em hãy nói đi».

Nàng thì thầm : « Thì em có bảo anh là người xấu bụng đâu. » Tôi khoái trá vì nhận thấy lời nàng nói là chân thật. Tôi hỏi nàng - đầu đuôi này tôi không có định trước — với một chút cảm động : « Leela, em có thích tôi không ? » Nàng e thẹn, cúi đầu và không nói gì. Tôi cảm thấy tất cả về duyên dáng của cuộc đời đều chứa chất trong khung cảnh đó.

Sau đó, Leela lại ra đi. « Leela » từ nay tôi cũng có một cái tên để kể kể tình thương trong cái xã hội trống trải cô độc này. Trước kia tôi hồ hững với cuộc sống thì nay thấy thú vị. Đó không phải là hạnh phúc của tôi hay sao ! Những ai cười tôi đều là kẻ thù của tôi cả. Ôi ! giá như có kẻ nào làm cho Leela biết được cái thân hình xấu xí của tôi ! Có thể có kẻ đã làm điều đó rồi ! Ai mà biết nổi ! Nhưng làm sao mà nàng có thể phân biệt nổi cái vẻ đẹp kiều diễm với cái xấu xí ghê tởm khi mà nàng không biết ngày và đêm ? Nàng đã nói cho tôi biết mắt nàng bị mù từ thuở lọt lòng. Tôi chẳng đã từng nghĩ cái mù lòa từ thuở lọt lòng của nàng là điều may mắn vô cùng cho tôi và là cái bất hạnh của

chính nàng hay sao ?

Hôm sau Leela trở lại, tôi nghĩ đến việc thành hôn giữa hai chúng tôi, làm thế nào cho công việc này xong xuôi. Có cần đến một người thay mặt Thượng-đế để chứng kiến cho cuộc hôn phối không ? Nhưng không một tu sĩ nào sẵn sàng làm lễ hôn phối cho chúng tôi vì các ngài viện nhiều lý lẽ về mặt « thiêng liêng ». Tôi và Leela, về tôn giáo không thể kết hợp với nhau được. Các ngài không thể giúp gì được cho chúng tôi, đầu có van lên rằng trong xã hội này có ít trai nhiều gái, nhưng không một cô nào, trừ Leela ra, bằng lòng lấy tôi.

Chắc các bạn chưa biết rằng tôi là người có đạo hồi-giáo. Nhưng điều đó có quan hệ gì chớ ?

Tôi hỏi nàng : « Leela, em có bằng lòng lấy anh không ? » Biết tôi là người Hồi-giáo nên nàng bàng hoàng : « Anh nói sao ? » Thì ra, ở trong người đàn bà này, cảm tình cũng có biên giới, mà sự mù lòa và đói khổ cũng cảm biết được.

« Leela ơi ! hãy bằng lòng đi, nếu em nhận rằng anh là một Con Người. Thượng-Đế đã đưa em

đến với anh. Giai cấp và tín điều chỉ là sự đặt bầy của con người. » Tôi van lơn mà nhìn vào cặp môi nàng mấp máy. Tôi cảm thấy tôi là một tội nhân đang chờ quan tòa phán quyết. Vâng, chính lúc này, nàng đang quyết định là tôi được sống hay phải chết. Leela im lặng. Tôi tiếp tục van lơn. « Mỗi tình anh chưa thắm thiết hay sao ? Leela em nói đi. Anh muốn được che chở cho em. Em hãy hứa đi cho anh vui lòng. » Cuối cùng nàng đáp : « Vâng, em bằng lòng. Em nghe thiên hạ bàn tán nhiều về em. Mỗi khi đi đâu lại nghe nói : Kia vợ thằng người khi sắp tới. Theo ý họ thì anh không được đẹp. »

« Thế em nghĩ như thế nào ? » Nàng nói tiếp : « Em không hiểu họ nói đẹp là cái gì mà cũng chưa thấy khổ cho nên em cũng chẳng nghĩ đến điều đó. Em cũng không thể biết nữa, nếu họ có nói rằng anh là người đẹp trai nhất thế giới này. Em chỉ có thể nhìn thế giới bằng con tim, nhìn vẻ đẹp và cái xấu bằng con tim. Anh là người Hồi-giáo, em là Ấn-độ-giáo. Nếu anh không thấy gì cần trở thì chính em lại chẳng có chút ý niệm gì. Em chỉ nghĩ

rằng trong xã hội này, không có một kẻ nào thành thực thương em — nhưng...

Tôi băn khoăn. Em bảo « nhưng » là nghĩa làm sao. Vâng, chính thế, trong số kiếp của kẻ hành khát này có một điều « nhưng » to lớn. Em không còn là một người đàn bà trọn vẹn để hiến dâng cho anh. Dầu thân em, mù lòa em cũng cần yêu đương. Nhưng bát cơm của kẻ hành khát này vẫn cứ voi suốt ngày và đôi dạ dày cứ xẹp lép của 2 mẹ con, cho nên em đã khuất phục trước những con vật dâm dục qua bóng tối hãi hùng, nên đối với em thì còn gì phải nói chuyện xứng đôi nữa. Không một kẻ nào nhân danh bác ái để mang của bố thí cho một con ăn xin trẻ tuổi, xin lỗi anh, em nghĩ chính cái thiện cảm ban đầu của anh cũng không ngoài ý nghĩa đó. Nhưng hôm nay, em không còn kính mến một ai trừ anh.

Tôi bàng hoàng trong chốc lát. Sau một phút im lặng, tôi bảo : « Leela ! đó là những chuyện ích kỷ bản thủ của con người. Anh

không thèm nghĩ đến nó nữa.»  
Nàng ngồi im lặng.

Sau đó ít hôm, chúng tôi làm lễ thành hôn, không cần một ai chứng kiến. Hai chúng tôi — Leela và Abdula — đứng cạnh nhau im lặng thề nguyện thành đôi bạn trăm năm.

Thiên hạ lại càng cười khi Leela và mẹ nàng đến ở chung với tôi, họ nhìn xoi bói vào gia-đình chúng tôi. Người ta không thể hiểu rằng hai con tim nồng cháy đã say mê nhau cùng bực và lấy nhau. Tôi đem hết lòng để làm cho Leela vui lên. «Leela ơi, để mặc họ cười, họ sẽ điên hết!»

Chúng tôi sống với nhau, một cuộc sống đầy hạnh phúc mà nhân loại hằng khát khao. Nhưng đạo lý xã hội và thành kiến tôn giáo đưa đến những sự trả thù khắt khe; chúng tôi không được ai giúp đỡ hoặc cộng tác làm ăn. Chúng tôi không giám nghĩ cuộc sống được yên vui mãi mãi, nhưng chúng tôi cần phải sống nên sẵn sàng để đối phó với mọi khó khăn.

Việc xây đến: Leela sắp thành mẹ. Chúng tôi không cần đếm xỉa đến sự bàn tán nhảm nhí hay dèm pha của thiên hạ. Cái phút sung

sướng mà trước kia tôi không hề dám nghĩ nay đã đến. Tôi đã trở thành người yêu, người chồng và sắp sửa đây, thành một người cha. Cám ơn Thượng-Đế, Ngài quá rộng lượng. Xin Thượng-Đế để cho đôi mắt mù lòa của Leela!

Nhưng, Leela ngã bệnh 2 tháng trước ngày sanh. Tôi mời y-sĩ đến khám bệnh và xin y-sĩ hết lòng cứu sống nàng. Y sĩ bảo: «bệnh không có gì nguy hiểm, tôi chữa khỏi.» Một lát sau, y-sĩ hỏi tôi: «Mắt vợ ông đui từ thuở mới sinh?» Ông khám lại và cho biết: «Cặp mắt này có thể chữa khỏi, nhưng phải đợi ngày để xong, khoẻ mạnh đã.»

Lời nói của y sĩ rung động tận tim, tuổi trẻ và đời tôi. Y sĩ có thể chữa được mắt cho Leela! Khi mắt sáng rồi, nàng có rùng mình khi nhìn thấy tôi không! Người mà nàng biết bằng trái tim có đáng được thương yêu không? Cái phút mà nàng thấy ánh sáng thì nàng còn kính yêu tôi nữa không? Tôi phải nói với y sĩ ra sao đây. «Không, cặp mắt của Leela không cần phải chữa lành». Tôi định kêu gào những ý nghĩ đó ra, nhưng lại nói với Leela rằng: «Leela,

Y-sĩ bảo bệnh mù có thể chữa lành». Điều đó nàng đã nghe rồi, nhưng miệng tôi tự nhiên cứ lặp lại.

Làm thế nào để có thể giảng giải cho nàng nghe cặp mắt sáng của nàng sẽ cắt đứt chính ngay cuộc sống của tôi? Chữa một bệnh mù từ thuở cha sinh mẹ đẻ phỏng dễ mà làm nổi!

Leela, người đã hiểu hết lòng tôi có bao giờ biết cái phương diện thể xác của tôi. Nàng nói với tôi: «Nếu mắt em mà được sáng! Anh có vui sướng không? Nếu em nhìn thấy anh, em biết anh sẽ yêu em hơn bao giờ hết. Dầu rằng còn mang bệnh, nhưng mặt nàng tươi hẳn lên. Phải chăng chỉ vì một cuộc sống mới đang nảy mầm.»

Y-sĩ cho một liều thuốc và hẹn khi sức khoẻ nàng trở lại bình thường thì đến gặp ông để nói chuyện mổ xẻ cặp mắt.

Leela yên lòng lắm, nhưng có biết đâu rằng một trận sóng gió đang nhen nhúm trong lòng tôi. Đầu óc tôi nóng bừng lên vì những ý nghĩ dữ dội. Tôi bước đến đầu thềm nhà và ngồi xếp

xuống đất. Chỉ xưa kia, trong túp lều tranh bé nhỏ này mà lòng tôi được chút yên ổn. Cái thế giới mà tôi có thể sống nổi thật quá nhỏ bé. Không! ông đừng chữa cho mắt Leela. Ông Y-sĩ ơi! ông đang liên kết với những kẻ thù đáng khinh - bỉ của tôi để giết tôi. Nhưng tôi sẽ giết ông trước tiên. Sao ông nỡ đổ lửa thiêu đốt cuộc sống của chúng tôi!... Mà không, ông không tội lỗi gì! Ông có nhiệm vụ phải chiến đấu chống bệnh hoạn mà sự mù lòa là một bệnh nguy hiểm nhất, ông không thể đứng đưng trước bệnh hoạn đó. Ông phải làm cho cặp mắt nàng được sáng, không cần phải biết đến đời tôi. Cầu trời khẩn Phật cho mắt Leela được trông thấy ánh sáng như mọi người khác. Nhưng tôi cũng cần phải được chết đi trước lúc mà nàng biết được «khí người» là thế nào, để tôi có thể sống trong tim nàng bằng hình ảnh một con người giàu tình thương, cho cái đẹp và tình thương mà nàng tiên thấy nơi tôi được sống mãi! Lòng tôi rõ rệt.

Leela sinh một bé trai. Thiên hạ bối rối về sự ra đời không hợp

pháp của thằng bé. Vài người cười thêm, lạ lùng thật!

Cái thằng bé sinh hạ từ một người cha xấu xí và một người mẹ mù lòa đâu có tội tình gì. Nó giống Leela, nhưng cặp mắt sáng như mắt bố nó.

Leela lành bệnh, nàng nhắc lại điều mà lòng ích kỷ buộc tôi phải cảm nín: «Ta đã đi Y-si bây giờ chưa?» Nàng đâu có biết những lời đó đã gây bao nhiêu là sóng gió trong lòng tôi. Tôi đối nàng: «Anh quên mất rồi, Anh sẽ tìm được lại ông ta nội nhật ngày hôm nay?» Tôi ra đi và sau vài giờ trở về để cho nàng hay: «Ông Y-si đã chết.» Chỉ có bấy nhiêu thôi, nhưng tôi tưởng là không thể nào nói lên được. Tôi cũng không có thể làm lộ ra mặt cái vẻ đau khổ của một thằng chồng, của nạn nhân về cái chết của ông y-si. Tôi đành dằn lòng giữ kín trong tâm can sự phát sinh lòng độc ác và ích kỷ. Những ngày sôi nổi qua dần...

Ngày kia, khi trở về nhà tôi đã phải chứng kiến một cảnh quá đau lòng. Mẹ Leela quên cắt các chậu đồng ở giữa phòng, Leela trong

lúc lật đặt chạy lại ấm thằng bé đang khóc thét, quên cầm gậy đã xây chân ngã vào cách cửa. Nàng bị chảy máu nhiều và tôi đưa nàng vào bệnh viện.

Cuộc sống chúng tôi đang tiêu tan. Tôi không biết than thở với ai, mà có ai để ý đến những lời than van đó.

Leela, nàng là cuộc sống của tôi, thế giới của tôi! Y si cho tôi biết: «Vết thương nặng lắm». Tôi bước lại gần Leela, nàng đang quần quai vì vết thương.

Tôi nói chuyện với nàng, nàng thỏ thẻ trả lời: «Minh đây phải không? Em chết mất. Ước gì em được thấy mình dù một lần thôi.» Sự ước vọng cuối cùng đó như kết án trọn đời tôi.

Leela, nhìn thấy anh điều đó không quan hệ nhưng em có thấy được anh bằng trái tim rộng lượng và trong trắng của em không? Anh biết rằng trong xã hội này chỉ có mình em là người nhìn thấy anh một cách đúng đắn mà thôi. Người ta không thể biết nhau bằng cặp mắt. Hãy an tâm, nay mai em sẽ mạnh khỏe. Leela lắng nghe tôi và nằm yên.

Mặt trời lặn. Leela bắt đầu khóc,

nàng đang hấp hối. Tôi muốn nói cho nàng biết cái bí ẩn của lòng tôi. Tôi không thể đứng đây mà nhìn được. Mẹ Leela đặt thằng bé vào cánh tay nàng. Thằng bé khóc thét lên có lẽ vì cái cảnh tượng đau thương này. Mẹ Leela cũng khóc và tôi không thể làm gì được nữa.

Rời linh hồn thanh bạch của Leela thoát khỏi thể xác. Tôi không nhớ lúc đó tôi đã làm

những gì. Một trái tim ngưng đập nhưng có vài trái tim lại muốn vỡ ra. Mặt trời lúc này tắt hẳn và bóng tối dày đặc.

Thiên hạ không thể biết cái tâm trạng ẩn náu trong cái thân hình quái đản này và thiên tình sử bi đát này, nên vẫn còn cười khi thấy tôi. Đôi khi tôi tự hỏi: «Nếu tôi cũng mù luôn nữa thì phỏng đời tôi sẽ ra sao?»



★ TÀI HÒN

A hỏi B:

— Tài hôn có nghĩa là sao vậy?

A thuyết một mạch:

— Có nghĩa là hôn nhau hai lần. Ví dụ đôi tài tử ôm nhau hôn một «pha» thứ nhất rất ngắn, ông đạo diễn không bằng lòng, bắt buộc hôn lại lần thứ hai cho ông ấy xem...

THƯƠNG-THƯƠNG-MUỜNG  
(Phan-thiết)





Chúa cho tới cùng. Người đó là Bá-lý-Hề. Sau khi Ngu-Công đã thành ra tên tù bị giam lỏng ở Tấn, Bá-lý-Hề vẫn ở khít bên chúa cũ. Tên phản tướng nước Quắc là Chu-chi-Kiêu được tấn phong làm đại-phu lại tiến-cử Bá lý-Hề và vua Tấn cũng sẵn lòng thân-dụng. Nhưng Bá-lý-Hề đã từ khước và nói rằng : « Xin để cho tôi ở với chúa tôi cho trọn đời thì hay hơn. » Từ rồi ông tự nhủ với ông rằng ; « Người quân-tử hễ bị mất nước thì chẳng nên

## Xuân Thu...

★ THIẾU-SƠN

**T** R O N G bài trước tôi đã nói tới hai người trung thần của hai nước Ngu là Cung chi-Kỳ và Bá lý-Hề. Một người can không được rồi bỏ đi biệt-tích. Một người không thêm can vì biết thế can không nổi nhưng nhứt-dịnh ở lại với

**BÁ - LÝ - HỀ**  
và  
**KIÊN - THỨC**

bước chơn tới nước cừu của mình, hưởng chi là làm quan ». Nhưng Chu-chi-Kiêu mắc cỡ nhứt định trả thù và kiếm cách cho ông phải chia lìa với Chúa cũ. Nhon vua Tấn hỏi con gái vua Tấn nó liền đề-nghị cho ông đi phù dâu.

Đi tới giữa đường ông liền bỏ trốn và chạy qua nước Sở.



Bá-lý-Hề người nước Ngu, tự là Tĩnh-Bá, ngoài ba mươi tuổi mới được cưới vợ và sanh dạng một con trai. Ông muốn châu-lưu thiên-hạ, tìm minh-chúa mà thờ để ra tài kinh-bang tế-thể cho hiện-dạt tấm thân nhưng quyen-luyến vợ con, ông không nỡ lìa nhà. Đỗ-thị nói với chồng :

« Thiếp nghe đồn ông chí tại bốn phương, nay chàng còn trai tráng mà không ra làm quan với người ta, cứ bận bịu vợ con mà chịu nghèo như vậy sao ? Thiếp làm ăn nuôi con cũng dặng. Chàng chớ lo ». Nhà nghèo quá, chỉ còn con gà mái ấp, Đỗ-thị bèn làm thịt để làm lễ đưa chồng. Thiểu củi phải rút cây cửa sau ra nấu. Lúc chia tay, Đỗ-thị nắm vạt áo chồng

vừa khóc, vừa nói : « Như dặng giàu sang, xin chớ quên nhau. » Bá-lý-Hề lau nước mắt từ giã ra đi. Qua nước Tề muốn cầu ra mắt Trương-Vương mà không ai tiến cử. Túng quá phải đi ăn xin nơi đất Chât. Lúc đó đã 40 tuổi. Tại đây có một người tên là Kiên-Thức thấy tướng mạo Bá Lý Hề thì thấy lạ mà nghĩ thầm rằng : « Người này không phải là tướng ăn mày, sao lại cùng khổn như thế này được ? » Kiên-Thức hỏi thăm tên họ, mời về nhà ăn cơm và sau khi đàm đạo biết là người có tài mà chưa gặp thời nên kết làm anh em.

Kiên-Thức hơn Lý-Hề một tuổi, làm anh. Nhưng Kiên-Thức cũng nghèo nên Lý-Hề phải đi chăn trâu mượn cho người dặng lấy tiền độ-nhật. Khi nghe Công-tôn Vô-Tri thí Tề-Trương-Công để đoạt ngôi rồi treo bảng cầu hiền, Bá Lý Hề muốn đi thì Kiên-Thức cản lại mà rằng : Trương - công còn có con ở ngoài nước, Vô-Tri tiếm-lập « ắt không dặng bền lâu ». Được ít lâu, quả-nhiên nước Tề có loạn. Sau nghe nhà Châu có Vương-tử Thuật có tánh ưa trâu,

những kẻ nuôi trâu đều được âm thưởng, Bá Lý Hề bèn từ giã Kiên-Thúc mà qua Châu. Lúc anh em chia tay, Kiên-Thúc có khuyên rằng: « Hề là kẻ trượng-phu thì chẳng nên nhẹ mình mà đầu người. Nếu đầu lờ rồi lại bỏ đi thì chẳng trung. Còn theo mà chịu hoạn-nạn thì không trí. Em đi phen này phải ráng mà dè-dặt. Anh liệu việc nhà xong rồi cũng sẽ qua Châu mà thăm em.»

★

Ở nuôi trâu cho Vương-Tử-Thuật được ít lâu, Bá-Lý-Hề được tin dùng như một vị gia-thần. Thành-linh Kiên-Thúc qua chơi. Lý-Hề đưa vào giới thiệu với Tử-thuật. Khi ra Kiên-Thúc nói: «Tử-Thuật chí lớn mà tài sơ. Những kẻ tay chùn đều là quân sàm nịnh, chẳng phải chỗ cho chúng ta trông nhờ. Anh chắc va sẽ thất bại chỉ bằng đi trước thì hơn.» Bá-Lý-Hề xa cách vợ con đã lâu, ý muốn trở về nước Ngu, Kiên-Thúc liền cùng đi với Lý-Hề qua Ngu-quốc. Ở đây ông có quen một hiền-thần của vua Ngu là Cung-chi-Kỳ bèn nhờ tiến dẫn Bá-Lý-Hề và nhờ đó mà Bá-Lý-Hề được làm quan ở nước Ngu. Vợ Lý-

Hề nghèo quá lúc ấy đã phải bỏ xứ mà đi nhưng cũng không biết là đi đâu khiến cho ông đau lòng khôn xiết kể. Kiên-Thúc sau khi hội-kiến với Ngu-công có nói nhỏ với Lý-Hề rằng: «Anh xem Ngu - Công là người thấy biết rất hẹp, lại hay tr dụng một mình, không phải là chúa đáng thờ đầu.» Lý-Hề nói: «Em cùng khốn đã lâu, như cá ở trên khô nên muốn gặp nước mà nương thân.» Kiên-Thúc đáp: «Em cũng vì nghèo túng nên phải ra làm quan, không lẽ anh cản trở hoài. Vậy ngày sau muốn tìm anh thì qua nước Tống kiếm làng Minh-Lộc. Chỗ ấy rất nên u-nhã. Anh sẽ cất nhà ở đó.» Nói rồi liền từ biệt mà đi, Bá-Lý-Hề ở lại phò Ngu công nhưng chẳng được bao lâu thì Ngu-công mất nước, đúng như lời Kiên-Thúc nói trước chẳng sai. Lúc đó Bá-Lý-Hề mới tỉnh ngộ mà rằng:

«Ta chẳng trí rồi, lẽ nào lại còn dám chẳng trung.» Ông muốn tận trung với chúa và quyết ở lại với Ngu-công trong những ngày đen tối. Nhưng kẻ tiều nhân đã kiếm thế đuổi ông ra khỏi nước Tần, bắt ông làm kẻ

phù dâu và khiến ông lại phải đi nuôi trâu chuyển nữa.

★

Trốn qua nước Sở, Bá-Lý-Hề bị bọn thợ săn nghi là quân gian-tế bèn bắt mà trói lại. Ông nói rõ lý-lich, tự giới-thiệu có nghề nuôi trâu nên được thả ra và bắt giữ nuôi trâu cho họ. Trâu càng ngày càng mập, bọn thợ săn cả mừng và tài nuôi trâu của ông được truyền-tụng thẩu tới tai vua Sở. Sở-Vương cho vời Bá-lý-Hề tới và hỏi về thuật nuôi trâu. Ông đáp: «Hề nuôi thì phải dưỡng sức nó, phải cho nó ăn có chừng và coi nó như mình vậy.» Sở-Vương khen rằng:

«Lời người luận hay lắm. Chẳng những trâu mà ngựa cũng vậy.»

Từ đó Bá-lý-Hề được vua Sở phong cho chức giữ ngựa ở Nam-Hải.

★

Khi rước dâu về Tần-mục-Công coi thợ thấy có tên Bá-lý-Hề đưa dâu mà không thấy trình-diện thì ngạc-nhiên mà hỏi ông quan phụ-trách đám rước dâu.

Sau khi nghe báo cáo biết kẻ trốn đi là người hiền thì vua Tần bèn nghĩ muốn cho đi kiếm về mà dùng. Có kẻ biết Lý-Hề đương chăn ngựa cho vua Sở, Mục-Vương muốn cho đem lễ-vật qua vua Sở để chuộc Bá-lý-Hề. Nhưng quần-thần can rằng không nên làm thế vì vua Sở sẽ biết tài mà trọng-dụng Lý-Hề. Vua tôi bàn tính với nhau rồi chấp-thuận một kế-hoạch như sau:

Cho người đem qua dâng Sở-Vương 5 tấm da dê và xin chuộc Bá-lý-Hề về để làm tội vì đi đưa dâu mà bỏ trốn. Quả-nhiên Sở-Vương bị gạt, nhận 5 tấm da dê và giao Lý-Hề cho vua Tần.

Khi tới bờ cõi nước Tần, Lý-Hề được mời ra khỏi tù xa và được ân-cần trọng-dãi. Một trọng thần ra khỏi thành nghinh tiếp và mời thẳng vào đền ra mắt Mục-Công. Mục-Công thấy Bá Lý Hề đầu tóc bạc phơ thì hỏi liền: «Khanh bao nhiêu tuổi?» Hề đáp: «Mới 70 tuổi chẵn». Mục-công than rằng: «Già rồi còn chi, ta rất tiếc». Hề đáp: «*Như khiến đi đuổi chim bay, bắt thú dữ thì tôi già thiệt. Còn như khiến tôi ngồi mà lo việc*

nước thì tôi còn trẻ lắm. Xưa Lữ-Vọng tuổi đã 80, ngồi câu nơi sông Vị, vua Văn - Vương rước về, phong làm thượng-phu mà đẩy nghiệp nhà Châu. Nay tôi gặp chúa-công đây, sánh với Lữ-Vọng thì chẳng phải là còn sớm hơn 10 năm hay sao ? »

Mục-Công nghe lời mạnh mẽ thì cả mừng bèn hỏi : « Nước Tần bờ cõi ở gần các nước mọi, chẳng dựng hội minh với Trung quốc, Khanh có chước gì dạy ta sao cho khỏi thua sút các nước chư-hầu ». Bá Lý Hề đáp :

Chúa-công chẳng khi tôi là tôi mất nước, chẳng chê gì cả suy yếu mà hỏi đến tôi thì tôi há dám chẳng hết lòng mà nói hết cái ý ngu của tôi ra hay sao ? Đất Ung-Kỳ là chỗ vua Văn, vua Võ nhờ đó mà hưng, núi như răng chó, nguồn như rắn dài, nhà Châu không biết gìn giữ lại để lại cho Tần, ấy là trời khiến cho nước Tần đầy vụn. Và lại bờ cõi gần nước mọi thì binh mạnh. Chẳng dựng hội minh thì đủ sức. Nay miệt Tây-Nhung mấy nước đều trống, lấy hết đất ấy cũng đủ mà cày, thâu hết dân ấy làm kho nhân

lực, ấy là chỗ các nước chư-hầu nơi Trung-quốc chẳng bằng Chúa công đó. Chúa - công cứ lấy đức mà vỗ an bá - tánh, lấy sức mà chinh-phục đất-đai.

Hễ dựng trọn hết phía Tây rồi chừng ấy sẽ lấn vào Trung-quốc. Như vậy thì ân, oai đều ở trong tay Chúa-Công rồi, nghiệp bá át nên dựng. »

Mục-Công nghe nói liền đứng dậy mà tạ rằng : « Ta dựng Tĩnh-Bá đây thì cũng như Tề dựng Trọng-phụ vậy. »



Tần Mục-Công biết tài Bá-lý-Hề muốn phong làm Thượng - Khanh thì Bá-lý-Hề liền từ chối mà thưa rằng : « Tài tôi chẳng bằng bạn của tôi là Kiên-Thúc. Kiên-Thúc lớn hơn tôi thập bội. Nếu Chúa-Công muốn cho nước này mạnh thì phải dùng người ấy. Còn tôi thì để phụ theo. Như vậy thì nghiệp bá mới nên. » Rồi Lý-Hề thuật lại cho vua Tần đời sống trôi nổi của mình, tình bạn giữa ông và Kiên-Thúc cùng là những nhận xét và những lời khuyên can của bạn. Rồi ông kết luận :

«Đã hai phen tôi nghe theo lời đều dựng khỏi họa, mới cái lời có một phen mà gần bị hại. Vậy thì người ấy có trí hơn tôi xa lắm. Nay Kiên-Thúc về ở ẩn tại làng Minh - Lộ bên nước Tống, xin Chúa-công hãy rước về cho sớm mà dùng. »

Mục-công nghe theo liền cho người qua nước Tống kiếm Kiên Thúc, đem theo một bức thư của Lý-Hề và lễ-vật cực-kỳ trọng-bậu.

Kiên-Thúc lòng không muốn đi nhưng vì thương bạn mà đành theo về Tần cùng với người con là Kiên-Bính. Mục-công khiến Bá-Lý-Hề ra rước vào thành, Kiên-Thúc vào đền, Mục-công xuống ngai thì lễ nghinh tiếp, hỏi quân nhắc ghế cầm-đôn mời ngồi rồi hỏi :

«Tĩnh Bá thường khen tiên-sinh là người hiền, nay tiên-sinh đến đây có điều chi dạy ta chẳng ? »

Kiên-Thúc đáp : « Nước Tần nằm ở phía Tây, gần mấy mán mọi, đất hiểm mà binh mạnh, tôi cũng đánh dựng, lui cũng giữ - dựng, song chẳng dựng đứng vào hàng chư-hầu Trung-quốc là vì oai đức chẳng bằng. Không có

oai thì ai sợ, không có đức thì ai mến ? Chẳng sợ, chẳng mến thì làm sao cho nên nghiệp bá dựng ? » Mục-Công hỏi : « Oai đức hai điều, điều nào làm trước ? » Kiên-Thúc đáp : « Đức trước, oai sau. Có đức mà không oai thì ngoài nước ắt lớn. Có oai mà không đức thì trong dân ắt nát. » Mục-Công hỏi : « Nay ta muốn bỏ đức rồi sẽ lập oai, chẳng hay dùng đạo nào mà dựng ? » Kiên-Thúc đáp : *Nước Tần chung lộn thối tục của người mọi, cho nên dân không biết lễ. Oai phép chẳng phân, sang hèn chẳng rõ. Nay tôi xin giáo-hóa trước, rồi sẽ lập ra hình-phạt. Hễ giáo-hóa nên rồi thì dân biết tôn kính bề trên, chừng ấy ta ơn nó mới biết cảm, dụng hình nó mới biết sợ, trên dưới, trong, ngoài như tay chun, đầu mắt liên-lạc với nhau. Ấy là cách tiết-chế của Quán-di-Ngô đó. Hễ hiệu lệnh ra rồi thì trong thiên-hạ ai mà đánh cho lại ? »*

Mục-Công còn hỏi : « Y như lời tiên-sinh nói đó thì làm bá trọng thiên-hạ dựng chẳng ? » Kiên - Thúc đáp : « Chưa dựng. Muốn làm bá trong thiên-hạ hãy còn 3 điều

phải răn: một, chớ tham; hai, chớ giận; ba, chớ gấp. Tham thì hay mất. Giận thì hay khó. Gấp thì hay sót. Hãy xét việc nhỏ, lớn rồi sẽ toan, chớ tham. Phải xem kia, nhắm đây rồi sẽ liệu, chớ giận. Phải coi việc hoãn, gấp rồi sẽ làm, chớ gấp. Nếu Chúa công răn đề dặng 3 điều ấy thì nghiệp Bá mới nên». Mục-công khen: «Lời luận rất hay. Xin tiên-sinh luận việc hoãn gấp hôm nay cho ta nghe thử». Kiên-Thúc tâu: «Nhà Tần lập nước nơi Tây-Nhung, ấy là cội họa phước đó. Nay Tề-Hầu đã già, nghiệp bá gần suy. Chúa-công phải vỗ-về dân đất Ung-Kỳ, mà làm cho phục dân mán mọi. Chỗ nào không phục thì ra oai mà đánh dẹp. Hễ qui-phục dân mán mọi rồi thì gồm binh mà chớ Trung-Nguyên sanh biến, chừng ấy sẽ lược những chỗ của Tề bỏ sót mà rất nhơn-nghĩa ra. Dặng như vậy rồi, Chúa-công không muốn làm bá cũng không từ chối dặng.»

Mục-công cả mừng mà nói rằng:

«Ta dặng 2 ông lão này, thiết là phước của dân đó.» Mục-Công bèn phong Kiên-Thúc làm hữu thứ-trưởng, Bá Lý-Hề làm tả thứ-trưởng đều dự tước thượng khanh. Ở Tần, thứ-trưởng tức là thừa-tướng, người lãnh đạo chánh-phủ.

★

Từ ngày Kiên-Thúc và Bá-Lý-Hề giúp Mục-công trị nước thì Tần-quốc lần lần trở nên cường thịnh, kẻ hiền tài ở khắp nơi đua nhau kéo tới để phục-vụ minh-quân, oai đức vang lừng, nhơn-dân sung-túc, Tây-Nhung qui-thuận, Trung-quốc nề-vì.

Vợ Bá-Lý-Hề cùng con trời nổi nghe chông đã hiền-danh hiền kiếm tới để hưởng cảnh đoàn-tụ sau những ngày phân-ly gian-khò.

Con Bá-Lý-Hề là Mạnh-Minh cùng với Kiên-Bính là con Kiên-Thúc đều được trọng-dụng ở Tần.

Trong Ngũ-bá, Tần-mục-Công là vị bá chủ xứng-dáng nhất và bá-nghiệp của ông cũng được lâu-bền hơn hết. Được vậy là nhờ ông có đạo đức bản-thân và thứ nhất là nhờ ông biết người và

biết dùng người.

Có Bá-Lý-Hề mà lại thêm được Kiên-Thúc thật là một sự may-mắn vô cùng. Cả hai người đều nói tới cái vị-trí đặc-biệt của nước Tần, nơi vua Văn, vua Võ đã hưng-nghiệp mà thiết-lập nhà Châu nhưng con cháu đã rời bỏ đề thiên-dô qua Lạc-Áp và càng ngày càng suy-yếu lụn-bại. Nước Tần thừa hưởng cái vị-trí địa-dư đó chẳng những có thể làm bá-chủ mà còn có thể kế-nghiệp nhà Châu, điều mà cả hai bậc hiền-tài đều không dám nói ra nhưng lịch-sử sau này sẽ minh-chứng.

Tuy-nhiên, địa-lợi chưa phải là một yếu-tố quyết-định. Có địa-lợi mà còn phải có thiên-thời và thứ nhất là phải có nhơn hòa. Điều sau này chính Kiên-Thúc đã đề-cập tới một cách thiết-tha và sâu rộng. Ông nói tới «oai» và «đức» lại nói tới giáo-hóa và hình phạt. Ông đề đức trên oai, đề giáo-hóa trước hình-phạt làm cho ta nghĩ tới Pascal khi nhà triết-học bàn tới công-lý và cường quyền, phải lấy công lý chế-ngự cường-quyền nhưng phải đề cho cường-quyền phục vụ công-lý, nghĩa là phải làm cho công-lý được mạnh-

mẽ để cai-trị muôn dân và xây-dựng bá-nghiệp.

Nhưng còn một điều quan-trọng nữa đối với kẻ muốn làm bá-chủ thiên-hạ là «Chớ tham, chớ giận và chớ gấp». Tham thì hay mất. Giận thì hay khó. Gấp thì hay sót. Lời khuyên này chẳng những các vị vua chúa nên thuộc lấy nằm lòng mà ngay những người thường như chúng ta cũng nên ghi vào tâm-khảm. Tham thì hay mất, Ngu-Công vì tham mà mất nước đã cho ta một bài học thấm thía. Giận thì hay rồi, trong lịch-sử loài người đã biết bao nhiêu cơn thịnh-nộ làm đổ nước nghiêng thành, làm rối việc nội-trị và ngoại-giao không ít.

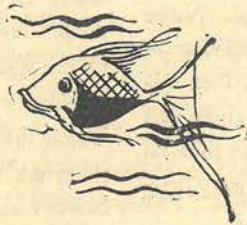
Tới như gấp thì hay sót, việc này chính bản-thân Bá-Lý-Hề đã thấu-lược được biết bao nhiêu kinh nghiệm. Ta không nên trách ông vì ông nghèo quá, đói quá làm sao có thể nhịn thèm, nhịn khát mãi được. Ông không có cái phong độ của Kiên-Thúc nhưng ông biết nghe lời và phục-thiện nên khi đã chọn được minh-chúa và sắp thực hiện được mộng Công-hầu thì ông nhớ ngay tới bạn. Về điểm này Bá-Lý-Hề khác hẳn

những kẻ dung-tục phàm-phu, giàu  
đồi vạ, sang đồi bạn hoặc muốn  
một mình hưởng trọn giàu sang  
và quyền thế, chẳng khi nào muốn  
chia sẻ cho ai.

Tình tri-kỷ Quán-Trọng và  
Bảo-Thúc là điển-hình. Nhưng

giữa hai người có nhiều điểm  
bất-đồng và thỉnh-thoảng có  
những cơn sóng gió. Chỉ như giữa  
Kiền-Thúc và Bà-lý-Hề tình bạn  
thật là êm đẹp, chơn thành, tận  
tụy và cao-cả vô cùng.

Một tình bạn như thế đủ làm  
gương cho muôn đời.



★ **Học tiếng Anh**

Giáo sư :— Trò Thạch, hãy dịch câu sau đây ra tiếng Anh xem  
nào : «Anh của anh tôi lớn hơn anh của anh anh».

Trò Thạch :— (suy nghĩ một lát mạnh dạn đáp) : You of you  
I is greater than you of you you.

Thầy và cả lớp cười rồ lên.

DƯƠNG VIẾT ĐIỀN  
(Đà-nẵng)

★ **Tình yêu, tình bạn**

Người ta yêu một người đàn-bà bằng tình bạn bởi vì..., Nhưng  
người ta yêu nàng bằng tình yêu mặc dầu...

(On aime une femme d'amitié parce que..., mais on l'aime  
d'amour bien que...)

HENRY DE MONTHERLAND  
(Văn-sĩ Pháp)



Trời còn xanh sao lòng tôi vương mây trắng  
Mang mùa đông đi giữa nắng Sài-dô  
Rời mai đây khi mộng cũ héo khô  
Còn đâu nữa để chúng mình thương nhớ  
Ôi ! thành phố xin cho ta than thở  
Chút u tình hoang dại tuổi đôi mươi  
Có đơn ơi ! đừng băng giá môi cười  
Để ta hiến ngày xanh nguồn tha thiết  
Tôi đâu muốn ôm riêng sầu đơn chiếc  
Để ngày xanh cần cõi ý bơ vơ  
Và ai kia mòn mỏi tháng năm chờ  
Chờ đợi mãi tiếng lòng tôi đáp lại  
Người có biết đâu tôi yêu người mãi mãi  
Thời gian này người chiếm hết còn đâu  
Bao thương yêu tôi dâng trọn tình đầu  
Bao hoa mộng tôi ngắt trao trọn vẹn  
Nhưng yêu tôi, đừng chờ câu hứa hẹn !  
Vĩnh-Cửu gì trong kiếp sống mong manh  
Để tôi yêu tất cả tấm chân thành  
Mãi mãi mãi người là chân điểm tuyệt  
Ngự lòng ta như tượng thần bất diệt  
Yêu một người tôi hận cả thời gian  
Buồn làm sao, khi xuân sắc ứa tàn  
Tình gần gửi tránh sao lòng nhợt nhạt  
Tôi đâu muốn tình yêu gầy mất mát  
Nên cam đành ôm hận đếm xuân qua  
Nhớ nhung nhau mong tình trẻ không già  
Xa cách mãi để đôi lòng chung mộng

Mong chờ đợi lấp đi đời trống rỗng  
 Tình ta tròn như ánh mắt yêu nhau  
 Đẹp trinh nguyên không bận ước đời trao  
 Người đâu biết chỉ trách tôi lợt lạt  
 Nhưng hay đâu lòng tôi đang khao khát  
 Trên vai người tôi dệt giấc say sưa  
 Nhau trong nhau bao thương thái nhớ thừa  
 Ta đắp điểm tình ta màu bất diệt  
 Nhưng chao ôi ! nói sao câu vĩnh-biệt.  
 Cho đôi lòng không rạn nứt thương đau  
 Cho đơn côi đừng lạnh giá đời nhau  
 Thôi cứ biết hai người yêu nhau quá !  
 Sợ mất nhau nên đành cam xa lạ !

BĂNG-LINH (Saigon)

## Duyên kỳ-ngộ

Mình ở đầu non, ta cuối non  
 Ước mơ hội-ngộ buổi trăng tròn.  
 Nợ duyên còn nặng tình vương vấn  
 Nên kiếp nay đành chịu héo hon.  
 Trãi mấy trăng rồi xa cách nhau,  
 Nhớ thương hoa lá cũng thay màu,  
 Khi mùa Thu đến vàng rơi rụng  
 Hạnh-phúc tìm về, hết khổ đau !  
 Mình biến thành Trăng, ta hóa Mây,  
 Đêm Rằm tháng Tám cảnh mơ say,  
 Gặp nhau lưa-luẩn, tình không nói,  
 Mây trắng, Trăng vàng lả lướt bay !...

T. K. ĐÀO TỬ LANG  
 (Rizal — Philippines)



đó, có mấy cúng mấy. \* Bác thấy  
 hấp thoáng ngoài hàng rào dâm-  
 bụt bóng Hai Rèn. Khi thấy bác  
 nhìn ra, Hai Rèn nháy mắt  
 ngoác ngoác rồi đi tuốt, cử chỉ  
 ấy làm bác bật cười. Ở xóm này,  
 mấy tay đánh bạc rất ngán bác  
 Tư Rô gái, hể vào nhà mà thấy  
 có mùi rừ-rê là bác lấy đòn gánh  
 phóng liền, đuôi chạy lập tức.

Thấy Hai Rèn đã đi rồi, bác  
 tưởng như có ai đốt lửa trong

## REO

bụng bác, bác mơ tưởng đến  
 những lá bài sao nó đẹp đến thế,  
 đẹp hơn cả một bức tranh nữa,  
 đến những lúc quơ tiền đầy túi,  
 những phút hồi hộp khi nặn con  
 bài sao mà hấp dẫn thế...

Nửa muốn đi, nửa muốn ngán  
 bác gái, bà hăm hăm ở dưới  
 nhà, thỉnh thoảng ngó lên nhà  
 canh chừng chồng, lâu lâu bác  
 cũng liếc xuống nhà dưới xem

**B**ÁC Tư Rô lái-nhài :  
 — Ông thiệt là... là  
 dờ ăn hại, làm tan gia bại sản,  
 tiền không có mà ngày nào cũng  
 chui đầu đánh bạc đề cho thua,  
 có ngày phải đi ăn mày, rồi ông  
 biết !

Ông Tư Rô đang ngồi trên  
 chõng tre uống trà, tai bác đã  
 quen với những tiếng ấy quá.  
 Bác thầm nghĩ : \*ừ, sao tháng  
 nay mình đen thật, đánh đâu thua

★ HUY-NGHĨA

vợ động-tĩnh như thế nào.

Đang ngồi ngẫm-nghĩ có nên đi hay không, bỗng có tiếng kêu chí-chóe «*rắc rắc... re re... o*», mặt bác tươi-tắn hẳn, vội nhìn lên mái nhà, hai con chuột vừa cắn đuôi nhau vừa chạy kêu chét-chét...»

— Cứ réo lớn đi mấy «bác» ! Réo lớn lên cho cháu nghe... ! Rồi bác quay xuống nhà dưới kêu lớn :

— Má thằng cả, chuột réo kia, chắc sắp phát tài.

Nghe chồng nói, vậy khuôn mặt bác cũng tươi hẳn lên, nhưng sợ chồng lên nước, bác vội bậu mặt lại :

— Phát tài gì mà phát, nghèo mặt đây rồi mà phát tài... phát tài !

Còn một mình, bác Tư Rô rung đùi cười chúm-chím nghĩ thầm : «Ngày nay đánh cái gì cũng chắc ăn, Chuột reo là hoạnh tài lắm. Chẳng thể mà có câu ca-dao : «*thứ nhất đom-đóm vào nhà, thứ hai chuột reo, thứ ba hoa đèn*».

... Phải đi mới được. Kiểm về một mớ bạc cho nó khiếp,

mấy bữa nay nó chuột bới rên cả óc.

Lâu lâu bác gái chạy lên giặt vò uống nước, lần này là lần cuối cùng, một chết một sống chứ bác không thể chịu nổi cái cảnh này nữa.

Bác Tư Rô đang nghĩ kiểm cách lấy được tiền để đi đánh bài. Bác biết rằng mọi hành động của mình đang bị sự kiểm soát gắt gao của vợ. Ngàn năm một thuở, chuột mới reo một lần, không thể ở nhà được, phải đi để đem tiền về cho nó biết mình là một tay cừ chó đừng có tưởng.

Trời nóng nực. Nãy giờ bác cũng chưa nghĩ ra được kế gì cả, làm bác nóng thêm ; Bác liền xắn hai tay áo lên tận nách, vừa mần-mần nhờ mấy sợi râu thừa-thải, bác vừa moi óc tìm một kế để lấy tiền trong rương. Bỗng đâu thằng Lý, con ông liên-gia-trưởng, chạy xông xộc vào nói :

— Dạ thưa bác, cho ba con xin chút sáp ong.

— Ừ...

Tiếng ừ của bác kéo thật dài ra một cách khoái - chí, thật là diệu kế. Bác nói to lên để

cho bác gái ở dưới nhà cũng nghe :

— Ba con xin sáp ong về để làm gì đó ?

— Dạ, về gắn cái nắp bình-tích, thằng Cu vừa làm bể.

— Về nói với Ba mày, sáp ong này nguyên-chất gắn tốt lắm, tao mua tận trên Ban-mê-Thuật đó.

Mặc dù cục sáp ong sờ-sờ ra đấy, bác vẫn kêu to lên :

— Cục sáp ong ở đây, mắt đâu rồi, bây ?

Vừa kêu to bác vừa mở cái hộp thiết dưng tiền, tiếng kêu khi mở nắp hộp thiết vang lên bị tiếng nói của bác đánh át đi, thật là diệu kế, bác khe khẽ thốt :

— À đây này, vậy mà tìm mãi !

Bác vội cắt cho thằng Lý một miếng sáp. Còn phần bác, lấy tiền rồi giờ cắt đầu dây, khéo lại bị lộ tầy thì chết, bác vỗ tay lên trán suy nghĩ :

— Ờ diệu-kế, diệu-kế...

Chữ diệu-kế này bác đã học lỏm trong quyển «*Tam-quốc Chí*» mà bác cho là hay lắm. Bác xếp hai ghim bạc nhỏ lại, rồi nhét vào tay áo xắn lên tận nách, làm

như thè trời nóng-nực bác xắn tay áo vậy thôi. Kế này bác cũng học lỏm được của thằng Hai Rền, mỗi lần đi đánh bạc, bác cũng thấy nó móc tiền trong cánh tay áo, bác hỏi sao bỏ trong đó, nó nháy mắt đáp :

— Phải làm kế này để đánh lạc hướng điều-tra của nội-tướng.

Bác nghĩ thầm. Thật không khác kế của Khổng-Minh ! Vội lấy cái nón chụp lên đầu, lấy chiếc khăn vắt lên vai, bác thông thả xuống nhà dưới :

— Mạ nó này, tôi đi ra sông tắm đây nhé. Trời nóng quá !

Bác gái ngó lại thấy chồng chỉ mặc độc một chiếc áo bà-ba không có túi, tưởng chồng đã thay đổi tính nết, bác vội tươi cười don-đả :

— Ừ... trời nóng nực, thầy nó đi tắm rồi về ăn cơm cho nó mát mẻ. Đi mau mau về, nghe không ông. Nghe vợ nói vậy, bác Tư Rô muốn bay ngay đến sông bạc, nhưng bác cũng cố đi chậm-rãi, thung-dung, để vợ khỏi nghi. Ra khỏi ngõ, bác tất-tả bước, quá hấp-tấp bác dụng phải gánh chè đậu đen đi ngược chiều, chỉ bán

chè sút ngã, may mà không việc gì, bác nhủ thầm : « Hôm nay chuột reo có khác, nếu không, phải đền gánh chè rồi đó ! »

Đến nhà Ba Thọ Nề, canh bạc đang thời-kỳ hăng-hái, một vài người chào bác qua loa rồi chăm chú vào những lá bài. Không chần chờ, bác cũng sà vào :

— Đưa đây « cái » này.

Mọi con bạc đều nhao-nhao lên :

— Phải, phải đưa cho bác Tư Rô « cái » đi.

Ai cũng biết rằng bác khi nào cũng đem bạc nhiều nên không sợ chạy làng (1)

— Đặt líp, đặt líp.

Bác vừa bô-bô nói, vừa xóc những lá bài một cách điêu-luyện đến độ miễn phê-bình.

— Cờ ( 2 ) một trăm... Trụ (3) một trăm... Cờ năm chục ..

Mọi người nhao nhao lên đặt, bác lăm-băm đếm, cũng bộn đó, gần năm trăm chứ đâu phải ít ! Ô mà chuột reo sợ gì, ta quơ hết bây giờ cho chúng nó biết tay ! Mặc dù bác tin chắc rằng mình

sẽ ăn, nhưng khi chia bài tay bác vẫn run-run hồi-hộp, tim bác đập mạnh như muốn vỡ lồng ngực. Rất khéo-léo, bác cặp ba con bài lại một đề nặn (4), bác tái mặt, 12 mà nặn ra 4 chân (5), thôi tiêu rồi ! Một lá 2 điềm, hai lá 1 điềm, tuy vậy bác cũng cố lấy giọng bình-tĩnh hỏi :

— Bao nhiêu ? bao nhiêu ?

— 5 nút, bù (6), một nút... bù..

— Thật là chuột reo có khác, một nút mà chỉ thua có hai trăm, mình tưởng chung toàn làng rồi chứ !

Bác nghĩ thầm, trước khi ăn bao giờ thần tài cũng làm thế để thử tấm lòng của mình coi có tham không. Nghĩ xong vậy, bác

(1) = thua hết tiền chung, rồi xí-xóa. (2) cờ : theo « bài cào » đặt 1 nửa nếu mình có từ 7 đến 1 nút và đặt cả hết nếu mình được từ 8 tới 9 nút và 3 tây. (3) trụ : theo « bài cào » đánh hết. (4) nặn : nhìn hé hé kín đáo để hưởng cái khoái hồi hộp khi đánh bạc. (5) 4 chân là con 9 và con 10 (6) bù : chẳng 10, 20, 30 nếu 3 lá bài cọng lại.

cho là đúng lắm, bác phục lẫn ông Thần-tài nào đó thật có diệu kế.

Canh bạc càng lâu càng hấp dẫn, căn thẳng, mọi cặp mắt đều chú trên những lá bài, thời-gian không-gian và ngoại-vật tưởng như không còn đây nữa.

— Coi chừng Cảnh sát, bây ! Ham đánh, hần vô túm óc bây giờ.

— Cảnh sát mà làm sao vào đây được ? Họ là có thẳng nào chỉ. Bỏ tiền-sur thẳng nào báo cảnh-sát !

Mặt bác Tư Rô đỏ gay, thật không ngờ hai ghim bạc của bác bỗng chốc không cánh mà bay, còn vòn vẹn một tờ rưỡi, bác tức giận rủa thầm : « Tồ cha nó, chuột reo gì mà lạ vậy ? » Nhưng rồi bác sợ thần tài tức giận, vội chữa « có lẽ phải đến phút chót thần-tài mới cho ăn », ý nghĩ ấy làm bác phấn khởi vô cùng.

— Trụ 100 đó, dờ không ?

Hai Phèn ngó bác rồi gật đầu, bàn tay của Hai Phèn run run chia bài, người ta nghe tim đập của bác ta, phàm những người yếu tim không nên đi đánh bạc,

có thể chết giả hoặc yếu tim thêm vì chơi cái thứ này nó rất hồi hộp.

— Chín... chín...

Hai Phèn vội hỏi — đầu nào ?

— Đây này.

Bác Tư Rô vừa nói vừa chia ra hai con tây với một con chín.

— Thôi, chung cho rồi cha nôi.

Bác khoái chí cười hả hả. Hai Phèn tái mặt lấp bắp :

— Đề tôi nặn đã, chứ biết đâu...

— Biết đâu cái khi khô, chung đi cho rồi, đề chia ván khác.

— Ba tây, ba tây (7)...

Hai Phèn vất ba con bài ra giữa chiếu, mọi cặp mắt đều dồn vào, hai con Ji một con đăm. Hai Phèn lừa bạc hết chiếu. Bác Tư Rô tái mặt, không ngờ chín nút mà cũng bị thua, thì hết nước.

Chỉ còn 50 đồng bác cầm xoay qua xoay lại, hai tay hơi nóng, nước mắt như muốn trào

(7) Ba tây là 3 con tây, bắt kỳ con gì.



ra khoẻ, hai nghìn bạc mới chưa đầy một giờ bỗng bay mất ! Hai Phèn nhìn bác nhăn răng cười để lộ mấy cửa răng bị sún, bác thấy cái mặt nó sao mà đáng ghét thế. Hai Phèn làm cái lại, bác vội đặt hết cả 50, lần này hết là đứng đây.

— Bù chỉ thị, tở cha nó !

Câu tiết, bác vút bài đứng dậy, lững-thững đi ra sau bếp như kẻ mất hồn. Bác đi kiểm nước uống, nãy giờ ham đánh khô cả cổ. Bác vừa nhắc cái Bình lên bỗng có tiếng tu huýt thét vang. Mất hồn, bác Tư Rô thả cái bình xuống, thấp-thoảng ngoài hàng dâm-bụt có bóng cảnh-sát.

— Nguy rồi, nguy rồi !

Chợt thấy cái «ba-de» dựng than gần đó, bác vội nhảy đại vào nắm co rút lại, may than gần hết nên cái «ba-de» sâu chứ không thì có nước chết. Nằm trong bao than, dưới chiếc bao bố, bác nghe tiếng chân người rầm-rập chạy. Bác nín thở, chắc là cảnh-sát, trên nhà có tiếng cồng sắt va chạm làm bác lạnh mình... Bác lằm bằm :

— Thật là chuột reo có khác, nếu không thua thì mình cũng bị

bắt rồi ! Người xưa nói cái gì cũng đúng thật, vậy mà hồi nãy mình chười bóí mãi, thật có tội quá !

Bỗng bác Tư Rô xuýt kêu thét lên. Có cái gì chích đau nhói ở lưng, bác ngán những chiếc cồng quá, nên bác đành cằn rắng chịu đựng mò lần đến lưng xem thử nguyên nhân, bác kêu khê :

— Trời ơi, bò Cạp cắn ! Độc quá !

Bóp thật mạnh con bò Cạp nát bét bắn ra một thứ nước nhờn-nhờn ở tay bác, chỗ bị đau nhức quá, nhức lên tận đầu, vừa nhức vừa ngọt thờ, bụi than bay vào mũi bác nghe rõ mồn một, bác lắng tai nghe, trên nhà dường như đã im tiếng, có tiếng xe ô-tô rồ máy và tiếng khóc hu hu của chị Hai thợ Nề. Bác vội hất mạnh cái bao bố đứng lên, nhưng chỗ bị bò cạp cắn nhức quá khiến bác phải khom-khom bước ra.

Chị Hai Thợ Nề đang bù-lu bù-loa khóc kè vừa trông thấy bác cũng không nín được vội cười sặc sụa, bác đến trước cái tủ áo soi gương, mặc dù đau muốn chết. Khi trông thấy hình mình trong gương, bác cũng không thề nín cười

được, phần thì đau, phần tức cười, hai trạng thái đó dẫn co nhau khiến khuôn mặt bác trở nên méo xẹo.

Bác vừa lúi-húi lau mặt mày, bỗng có tiếng la :

— Trời ơi, ông cũng có đây à ?

Bác Tư-Rô gái tính qua nói vài câu cho bỏ ghét, nhưng khi thấy chông mình mặt mày, áo quần bê-bết lọ nghẹ, bác hơi ôi, liền chạy một mạch về nhà. Khi thấy vợ bác sững hồn, thôi một liều ba bảy cũng liều, bác lóp-ngóp đi về. Đi ngang qua quán hớt tóc, một vài người trông thấy ngó bác, suýt bật cười nhưng họ cũng không giấu được sự kinh ngạc, vội nói :

— Bác làm sao, mà không bị bắt ?

— Tao mà bị bắt làm sao được ! trời cũng chưa bắt được tao nữa là cảnh sát !

Nói xong, bác nheo mắt một cách ta đây, rồi khom-khom bước. Vừa bước vào cửa ngõ, bác đã nghe tiếng chu-choé của vợ :

— Ông có muốn đi đâu thì đi chứ đừng có... ở cái nhà này nữa. Ông làm khổ nhục mẹ con tôi nhiều rồi.

Biết mình có lỗi, bác lạng lẽ rủa ráy rồi nằm nghỉ.

— Vận mình dở thật ! Không

thì đã bị bắt rồi. Đổ quá, đổ như lừa !

Dưới nhà bác gái nói mãi không dứt, khiến bác bực mình, mặt trời đã gần lặn mà cơm nước chưa thấy rục rịch gì cả, bác kêu thảng Út vào hỏi :

— Nhà ăn cơm chưa mày ?

— Dạ ăn cơm nguội rồi.

Bác ngả lưng xuống phản thờ dài, bác vốn xấu máu đói, đến bữa cơm mà chưa ăn là bác chịu không nổi, bụng bác sôi lên, dạ dày đòi hỏi, nước trà làm cho bác xót bụng thêm, đói quá bác đành phải kêu lên :

— Bu mày cơm nước gì không, dọn lên cho người ta ăn chứ !

— Cơm gì, nước gì, mời ông đi khỏi cái nhà này !

Bác thờ dài ngao ngán, bỗng bác giật mình có tiếng :

— Thừa bác, ba con bảo đem mấy chén xôi chè này biếu hai bác nhà con bữa nay có giỗ. Bác tươi ngay nét mặt, nước bọt chảy ra lỏng bỗng đầy miệng :

— Ừ được, con cứ để đó, về nói bác xin cảm ơn.

Thằng nhỏ vừa đi khỏi, bác vội bốc một cục xôi bỏ vô miệng nhai nuốt ực, rồi vừa ăn bác vừa lằm bằm :

— Thật là chuột reo có khác, vận mình dở quá-xá !



(Tiếp theo P.T. số 66)

**T**ÔI còn nhớ, cách Hoàng Tích Chu 5 năm, hồi 1926, cụ Ngô-Đức-Kế, nhà cách-mạng đồng chí của hai cụ Phan-Châu-Trinh, Phan-Bội-Châu, làm chủ bút tạp chí «Hữu Thanh» ở Hà-nội, cũng có lối «xỏ ngọt» bằng văn chương như Hoàng Tích Chu.

Cụ nghề Ngô đã «chửi xéo» đến vua Khải-Định nữa. Cái ấy mới đáng gọi là «gan cùng mình». Nguyên là năm ấy, Khải-Định mới 40 tuổi mà đã ăn mừng tuổi «thọ», đặt ra lễ «Tứ-tuần đại khánh» linh đình. Cái tuổi 40 đối với người ngoại-quốc là tuổi đang hăng hái làm việc, cái tuổi

mới bắt đầu đủ kinh nghiệm mà thành công làm việc hữu-hiệu. Vậy mà đối với nhà vua ở nước Việt-Nam thì đã là tuổi già, đáng ăn mừng cho thần dân chúc tụng. Thực-dân Pháp đề nghị tăng thuế để lấy tiền tổ-chức «Tứ-tuần đại khánh» thật trọng thể. Khải-Định cũng nhắm mắt gật liêu. Thế là y vui sướng trong ít ngày đề cho dân è cổ gánh thêm sưu thuế từ năm này qua năm khác.

Điều đáng nói nữa là Khải-Định đã hẳn tâm vui mừng sung sướng trong khi ngoài Bắc, ba tỉnh bị nạn lụt. Dân ba tỉnh Nam-Định, Thái-Bình, Ninh-Bình đang la khóc vì mùa màng

huê lợi cùng gia súc bị dòng nước ác nghiệt lôi cuốn đi hết, thì trong đế đô Huế, có những cuộc vui chơi thỏa thích với câu hát tiếng đờn.

Cụ Ngô Đức Kế giận lắm, làm 2 bài thơ, một bài « Mừng Tứ tuần đại khánh » và một bài « Vịnh tam tỉnh bị lụt ». Lúc đưa lên kiểm-đuyệt cũng đưa làm 2 lần như trường-hợp báo « Đông Tây » của Hoàng Tích Chu. Lúc tạp chí « Hữu Thanh » đưa ra bán mới thấy 2 bài thơ đặt song song như hai vế câu đối :

« Mừng Tứ tuần đại-khánh »  
« Vịnh tam tỉnh bị lụt »

Biết là chủ-bút tạp chí « Hữu Thanh » đã « qua mặt » kiểm-đuyệt đề « chửi mát » nhà vua, phủ Thống-sứ Bắc-kỳ rút giấy phép của tạp chí này và cũng không cần tỏ rõ lý-do.

Một nhà nho dám công-kích một ông Vua đang được Pháp tín-dụng ! Ai còn dám bảo nhà nho nhu-nhược nữa ! Nhứt lại nhà nho ấy gốc gác Trung-kỳ, có thể bị trục xuất khỏi đất Bắc đề về miền Trung chịu một chế-độ pháp-lý của triều đình Huế khe khắt hơn luật pháp của Thực

dân thi hành ở tòa án Hà-nội. Ai cũng lo cụ Ngô Đức Kế sẽ bị trả thù, song uy-tín của cụ rất mạnh trong dân chúng nên Thực-dân Pháp cũng như triều-Đình Huế không dám động đến cụ.

Tôi tiếc rằng không nhớ 2 bài thơ của cụ Ngô Đức Kế đã đăng trong tạp chí « Hữu-Thanh » cũng như bài thơ « Vịnh Cái Chày » đăng trong báo « Đông Tây ». Vậy tôi thiết tha yêu cầu các nhà thơ hồi đó ai còn nhớ hay còn ghi chép được, hoặc giữ được tạp chí « Hữu Thanh » cùng tuần báo « Đông Tây » xin sao lục dùm gửi cho chúng tôi đăng tải, hầu giúp tài liệu cho nhà viết Lịch-sử Báo Chí sau này.

**Phan Khôi: vị «su-hữu» đáng mến của tôi.**

Trong khi viết báo ở Hà-nội, xuất thân trong tòa soạn báo « Đông Tây » với một người diu dặt có óc làm báo tân tiến (Hoàng Tích Chu) tôi thấy đã yêu nghề và mặc dầu có tánh hăng hái của tuổi thanh-niên, coi thường mọi sự việc trên đời, tôi cũng biết quý trọng cái vốn kinh nghiệm và

chuyên môn của những người anh cả.

Khi Hoàng-Tích Chu từ trần, tôi lại được cái may mắn hành nghề với một người anh cả cũng có óc mới nữa, một ký-giả trong nghề đã khắt khe với tôi song tôi vẫn coi như một vị «sur - hũu». Đến bây giờ tôi còn nhận thấy những đức-tánh của Phan-Khôi về kỹ-luật nghề nghiệp mà ông đã bắt tôi phải theo như thầy bắt trò, ngày nay còn đặc dụng và còn có giá trị cho những bạn thanh-niên muốn viết văn, viết báo.

Năm ấy là khoảng 1933-1935. Tại Hà-nội, ông Nguyễn Văn Đa chủ như một hãng buôn bán đồ sắt rất lớn ở phố Hàng Bò, xin được phép xuất bản một tờ nhật báo lấy tên là «Phụ-Nữ Thời Đàm». Trong Nam đã có tờ tuần báo «Phụ Nữ Tân Văn» của bà Nguyễn Đức Nhuận, thành công một số độc giả kỹ-lục khắp ba kỳ, thì ngoài Bắc cũng phải có một cơ-quan của phụ nữ. Nghĩ vậy ông Nguyễn-văn-Đa xuất bản tờ «Phụ Nữ Thời Đàm» mà lại ra hàng ngày mong sẽ là cơ-quan mạnh hơn tờ báo hàng tuần ở Sài-gòn.

Lúc đầu ông mời ông Ngô Thúc Địch, một vị cử nhơn Hán học lại có thêm Tây học nữa, làm Chủ bút. Báo ra ít lâu không chạy phải đình bản. Chủ nhiệm báo «Phụ Nữ Thời Đàm» nhận thấy báo ông không đủ yếu tố để cạnh tranh với các đồng nghiệp ra hàng ngày về mặt tin tức và lại cái tên báo đã ràng buộc tờ báo ở trong một phạm vi ấn định : cơ quan của phụ nữ. Ông quyết định thay đổi cả nội dung lẫn hình thức : «Phụ Nữ Thời Đàm» sẽ ra hàng tuần như «Phụ Nữ Tân Văn» trong Nam.

Dịp đầu may mắn, hồi ấy ông Phan Khôi đã nghỉ cộng sự với tòa soạn «Phụ Nữ Tân Văn» rồi ; ông Nguyễn Văn Đa lật đật viết thư mời ông tú họ Phan ra Bắc nắm bút quyền cho tờ báo mình. Ông Đa tin tưởng rằng thế nào cây bút đã có uy tín lớn trong một tờ báo phụ nữ ở Sài-gòn sẽ cũng thành công mỹ mãn trên mảnh đất «ngàn năm văn vật».

Thật sự thì hồi ấy tiếng tăm ông tú họ Phan nổi lên như cồn khắp từ Nam ra Bắc. Nổi tiếng vì ông không theo những khuôn nếp cổ hủ. Ông thích mới, có những tư-tưởng mới.

Trong khi dư-luận nhà Nho cho Võ-Hậu là nữ chúa dâm bôn tàn ác, đáng khinh bỉ, thì trên báo «Phụ Nữ Tân Văn» có loạt bài nhan đề «Xóa một cái án trong lịch sử : Thân oan cho Võ Hậu» ký tên Phan-Khôi.

Bài báo đăng trong hai kỳ đề cao Võ-Hậu là «một vị hoàng đế anh minh, một nhà chánh-trị đại tài, một tay vận-động nữ-quyền kịch liệt» — (Lời Phan Khôi). Bình vực một bà vua nước Tàu nổi tiếng hoang dâm, độc ác, tác giả đã dùng những lý-luận danh thép, những tài-liệu dồi-dào, ai đọc cũng thấy lý thú và say mê.

Với óc suy sết theo khoa-học, ông Phan Khôi luôn tìm tòi chọn lý, chớ không chịu từng phục những định luật sẵn có, dẫu có phải đi ngược với trào lưu tư tưởng thời đại. Ông là một ký giả có tinh thần độc lập không chịu sống xu-thời. Là một nhà nho, sanh-trưởng trong một gia đình theo Khổng học, vậy mà ông không như các bạn đồng-liêu mỗi lời nói là có dẫn chứng «Khổng Tử viết»...

Ông xoay ra Tây-học, tự học

lấy tiếng Pháp để nghiên-cứu học thuật Tây-phương. Nhờ ánh sáng của khoa Lý-luận, ông tìm tòi những khuyết điểm trong Nho-giáo, vạch ra những điều đã lỗi thời nó ngăn cản sự tiến thủ của các dân-tộc ra vào sân Trình của Khổng. Trong báo «Thần-Chung» của ông Diệp Văn Kỳ năm 1929 ông Tú họ Phan viết một loạt 21 bài về ảnh-hưởng không hay của Nho-giáo đối với Việt-Nam. Đến năm 1932 bình bút báo «Phụ Nữ Tân Văn» ông bình phẩm quyền «Nho giáo» của ông Trần Trọng Kim, lại mạnh dạn dùng ngòi bút sắc bén để bình vực những quan-điểm của ông đã trình bày trong báo «Thần-Chung».

Nhơn đó mà một cuộc bút chiến hào hứng đã diễn ra giữa hai nhà học giả Trần và Phan. Điều trớ trêu là họ Trần vốn là nhà Tây học lại quyết-tâm bình-vực khổng-giáo, còn họ Phan là nhà Nho lại hăng hái bài xích những cái sai lầm của «Ông Thầy» mình.

Cuộc bút chiến kéo dài cả mấy tháng. Hai cây bút ấy đã xứng đáng là hai tên lính say sưa, hăng

hái bảo vệ cho hai lý-tưởng đối lập.

Sau khi giới thiệu vài cá-tánh của ký-giả Phan Khôi, tôi xin kể lại ít kỷ niệm trong giai đoạn cộng tác của tôi với ông trong tòa soạn báo «Phụ Nữ Thời Đàm» ở Hà-nội.

### Lý-trí trên tình cảm

Tôi không bao giờ quên được hình ảnh ông. Mỗi buổi sáng ông Phan Khôi lui-lũi đi vào tòa soạn ở phố Hàng Bờ. Thân ông cao nghệu, đầu đội nón «cát» màu xám, ông đi qua cửa hàng của ông chủ nhiệm tờ báo vừa là chủ nhơn một hãng buôn lớn bán đồ sắt, không cần nhìn hai bên có gì hay có ai, ông chủ-bút đi thẳng vào tòa soạn lập tại một căn phòng ở phía trong hãng buôn của ông chủ nhiệm.

Thân-hình cứng rắn và cao nghệu của ông như tiết ra một luồng điện truyền cảm, khiến ai thấy lần đầu cũng phải có cảm giác rằng ông là người tánh tình khúc-triết. Thật vậy, ông đề lý-trí trên Tình-cảm, xử-thế với óc khoa học, nhìn đời bằng một bài toán : 2 lần 2 là 4.

Tôi đến trước ông vài phút,

ngồi trong tòa-soạn nhìn kỹ con người khô khan của ông, thấy rõ là một nhà Nho đã ly-khai với Khổng, Mạnh, một cách tàn nhẫn không chút luyến tiếc. Trong báo «Phụ Nữ Tân Văn» ông cũng «thú tội» rằng : «Tôi đọc sách họ Khổng từ lúc 6 tuổi, để ra và lớn lên trong cửa Ngài mà lúc chia tay chẳng được một giọt nước mắt».

Quá say mê với lý luận Tây phương, ông Phan Khôi đã được báo «Loa» tặng cái huy-hiệu «Nhân tình của cô Logique» với bức hí họa của Côn-Sinh vẽ ông khoác tay một cô gái Việt bện đồ đầm.

«Phan Khôi, nhân tình của cô Logique» xuất hiện rõ hơn nữa trong cuộc giao thiệp giữa ông và tôi khi tôi được mời vào cộng sự trong tòa soạn «Phụ Nữ Thời Đàm». Ông Phan và tôi đã nói chuyện xong về điều kiện làm việc và lương bổng, tưởng thế là đủ rồi. Nhưng không... Hôm sau, tôi còn nhận được của ông một bức thư bảo đảm sau đây :

*Hanoi le 24 Août 1933*

*Ông...*

*Theo như ông cùng ông Đa và*

*tôi đã bàn việc làm Phụ-Nữ Thời Đàm hôm qua, hôm nay ông Đa đã viết thư cho tôi và chịu các khoản như đã nói.*

*Vậy theo thư ấy, tôi viết thư này cho ông, quyết định mời ông vào giúp cho tòa soạn mỗi tháng lương 50 đồng, số tiền ấy ông sẽ lãnh nơi ông chủ báo.*

*Ông sẽ phải làm công việc như chúng ta đã giao hẹn.*

*Thư ông Đa có hứa : nếu báo lên 3000 số thì thêm lương tòa soạn gấp đôi. Vậy số tiền thêm ấy, nếu sẽ được, tôi sẽ tùy công việc của ông mà định xét ra nếu xứng đáng thì ông có thể được gấp đôi, nghĩa là 100 đồng.*

*Ông sẽ đi làm bắt đầu từ ngày 1er Septembre tới đây.*

*Nay thư.*

Hôm sau, tôi đến nhà ông Phan-Khôi để cảm ơn bức thư của ông và nhận lời cộng sự, liền bị ông bắt lỗi :

—Tôi gửi thư bảo đảm cho ông tức là chuyện quan trọng, không thể nói miệng với nhau được, phải cần có giấy tờ làm bằng. Vậy mà ông không viết thư phúc đáp, chỉ trả lời miệng thôi thì đâu có được.

Nói đoạn, ông đưa giấy bút ra cho tôi viết bức thư trả lời mà ông cần thân cất vào hồ-sơ.

Mấy hôm sau, bỗng ông đi kiếm tôi mà cau mày nói với một giọng nghiêm nghị :

— Tôi vô ý mà ông cũng không tinh lanh. Trong điều kiện làm việc có nói : khi báo lên 3000 sẽ tăng lương gấp đôi. Đáng lý ra phải nói : số lương sẽ tăng lên tùy theo tỷ-số báo tăng mới đúng. Ví dụ mỗi trăm báo tăng lên sẽ tăng lương lên là bao nhiêu. Cứ theo điều kiện trong thư của ông Đa, thì báo có tăng lên đến 2999 số, ta vẫn chịu lương cũ à ?

Ông hối tiếc về sự vô ý của ông và lần này có lẽ là lần đầu ông quên không khoác tay... cô Logique đến nhà ông chủ nhiệm báo «Phụ Nữ Thời Đàm».

### Khắc khổ đề tiến.

Hồi ấy tôi mới bước vào làng báo được chừng 2 năm. Đang tuổi thanh xuân, đầy hăng hái và nông nổi, tôi được cộng sự với ông Phan-Khôi, được ông chỉ bảo cho những điều kinh nghiệm mà ông đã thấu hoạch được trong

ghê, nên tôi học được lắm tánh tốt của ông.

Ông Phan thường khiển trách tôi viết chữ xấu. Ông rất ghét những bài viết không rõ ràng; những bài lai-cáo khó đọc đều bị chất đống trong hồ sơ.

Ông nói với tôi : « Viết rõ ràng chỉ là một thói quen, có thể tập được. Hội-họa là một môn mỹ-thuật, người không có thiên tư mà còn thành đạt, huống là viết chữ rõ ràng có khó gì đâu ».

Ông rất thận trọng về chính tả, văn phạm nữa. Mỗi khi ông sửa bài của tôi viết, ông tận tâm cắt nghĩa như một giáo sư dạy học rõ làm văn và ông cũng đề cho tôi được tự-do thảo-luận, bàn cãi về nội dung và lối hành văn trong bài tôi viết. Hồi 1931 giữ mục « vai nự sử trên đàn văn » trong báo « Phụ Nữ Tân Văn » ông đã khắt khe với những câu văn câu thả, nay ông lại còn khắt khe hơn trong vai tuồng ấy đối với các cộng sự viên báo « Phụ Nữ Thời Đàm ». Thậm chí ông thận trọng cả các dấu chấm, phẩy nữa.

Một hôm ông hỏi tôi :

— Ông có biết chuyện : chỉ vì thiếu cái dấu phết mà quan

tòa-thành tên ăn cắp không ?

Tôi biết ông Phan đã đọc câu chuyện vui ấy trong mục giải trí của một tạp chí văn chương Pháp.

Song tôi giả dờ không biết đề nghe ông giải thích :

— Có anh ký giả Pháp viết tin tòa án, ý quên chấm dấu. Anh ta viết câu này : « *Le prévenu dit le juge est un voleur* ». Nếu có 2 dấu phẩy sau hai tiếng *prévenu* và *juge* thì câu ấy nghĩa là « Ông tòa nói : bị cáo nhờn là một tên ăn cắp ». Vì không đề dấu phết, nên ăn công sắp chữ là « *Le prévenu dit : le Juge est un voleur* » nghĩa là « Bị cáo nhờn nói : ông tòa là tên ăn cắp »

Ông Phan kể xong câu chuyện vui ấy rồi đưa bài báo của tôi ra bắt lỗi : tôi đã quên mất một cái dấu phẩy. Chỉ thiếu một cái dấu thôi, ông Phan cũng không chịu.

Gắt gao, khắt khe với người, với cả mình nữa, ông lấy kỷ-luật sắt làm lẽ sống và coi là một yếu tố thành công. Thợ nhà in phải phục ông làm việc đúng thời khắc biểu như một « cái đồng hồ Thụy-sĩ. » (Còn nữa)



★ ĐIỀN SƠN

Một thác nước thật kỳ lạ

« GIẾNG nước của Thánh MEDARD » là tên của một thác nước lạ lùng trong miền Franche-Comté thuộc Pháp, thác nước này có điều lạ lùng là hoàn toàn khô ráo trong 40 ngày, mặc dầu trời mưa như trút nước khiến cho làng ARCSOUS-CICON cách đó 6 dặm phải chịu cảnh trời át lấy lội.

Cho đến ngày thứ 41 thì đột nhiên thác nước khô ráo này lại ngập đầy nước và chảy qua các dốc núi vang lên những tiếng dội ầm ầm kinh hãi ;

nhưng... chỉ chảy đúng 24 giờ thời ngừng hẳn, số nước còn đọng lại trong lòng suối cũng rút dâu cà.



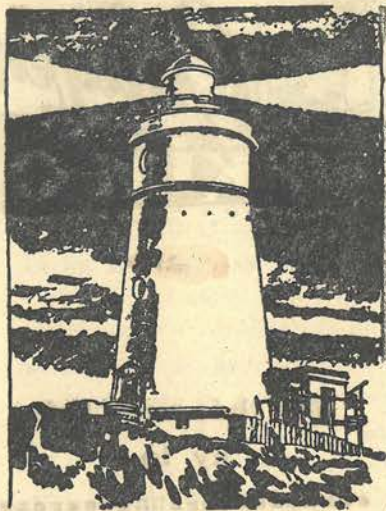
Tuy trận mưa vẫn còn tiếp tục trút nước, mãi cho đến 40 ngày sau mới hoạt động lại trong 24 giờ.

Người ta bảo rằng đó là thác ước biết số học, tính toán từng ngày, từng giờ mà không bao giờ sai cả.

Các nhà khảo cứu chuyên môn đã đến tận nơi để xem xét nhưng chẳng tìm thấy gì khác lạ là nó cũng giống như muôn ngàn thác nước khác nhưng... không biết tại sao lại có sự lạ lùng như đã nói trên. Họ đã điên đầu với thác nước kỳ lạ này mà không tìm ra được nguyên do của sự chảy và ngưng đúng kỳ hạn của thác nước kia.

● Một kiến trúc đặc  
glá nhất thế giới ●

**N** GÀY trước người ta cũng biết xài tiền một cách quá táo bạo chẳng hạn như đài hải đăng của đảo Flores thuộc quốc gia URUGUAY, phải mua đứt 50.000 dặm vuông đất để xây



cất; khoản đất này rộng lớn bằng diện tích toàn thể nước Anh.

Năm 1819, Ông CABILDO cai trị quốc gia URUGUAY đã ký giấy bán cho thủ tướng quốc gia BRÉSIL 50000 dặm vuông đất dọc theo bờ biển với giá 10 triệu đồng.

Và sau đó, công tác kiến trúc tiến hành rầm rã trong chín năm trời với 3 ngàn thợ làm suốt ngày đêm.

Sau thời gian lao khổ dài dằng-dằng, người ta khoan khoái thở ra và sung sướng nhìn đài hải đăng cao vút do được 38

thước bề cao. 20 thước bề rộng; chân đài cao 10 thước.

Sau khi kiến trúc này hoàn thành, người ta cho biết số tiền phí trong công tác kể cả tiền mua đất lên tới gần trăm triệu đồng.

Mặc dầu các trận chiến tranh liên tiếp diễn ra, nhưng ngày nay đài hải đăng này vẫn còn đứng oai hùng, ngạo nghễ với trời mây.

Một trí nhớ ★

★ phi thường

**T** RONG chúng ta hầu hết ai ai cũng biết Nã-phá-Luân hoàng đế nước Pháp có một trí nhớ phi thường, có thể đọc cho người viết một lượt mười mấy lá thư, nhưng rất tiếc chỉ được một hai sinh ngữ mà thôi.

Còn trái lại, Ông JOSEPH BERNHARD DOCEN giám đốc thư viện quốc gia tại MU-

NICH (Germany) suốt cả đời: ông (ông mất năm 1828), ông có thể đọc cho 9 viên thư ký viết 9 lá thư với 9 đề tài khác nhau bằng 9 sinh ngữ thông thạo. Thật là người thông minh bậc nhất.

Ngoài ra ông còn học thuộc lòng được cả cuốn thánh kinh, nên ông ta có thể đọc trôi chảy bất cứ đoạn nào trong Cựu-ước hay Tân-ước mà không hề bỏ sót một chữ. Hơn nữa, ông DOCEN còn nhớ được các đoạn ấy ở trang nào trong sách nữa.

Trong nền văn-học Germany người ta tôn sùng ông DOCEN như một vị thánh sống và mãi mãi ca ngợi trí nhớ và thông minh của bậc phi thường ấy.

Nguồn gốc chiếc  
khăn tay

**N** GÀY nay, ai ai cũng có dùng khăn tay nhưng hầu hết có lẽ ít ai biết người nào đã có sáng kiến ấy, vậy ta hãy ngược



đồng thời gian, trở về dĩ vãng để tìm hiểu tường tận nguồn gốc của chiếc khăn tay.

Hoàng-đế RICHARD đệ II của Anh-quốc lên ngôi năm (1367-1400). Vua sanh tại Pháp quốc và sau đó cưới một công chúa nước Pháp mới lên bảy 7 tuổi.

Trong lúc đưa Hoàng-hậu (7 tuổi) về Luân-dôn để ra mắt toàn dân, vua ra lệnh cho bà vú già như sau : « hãy lấy vải cắt ra từng miếng nhỏ và cầm hoài ở tay để lau mũi cho Hoàng-hậu và đưa cho ta vài cái để chùi tay ».

Thế rồi từ đó trở đi, người ta bắt chước cắt vải làm khăn tay bỏ túi hoặc cầm ở tay rất giản tiện.

Cho nên ngày nay người ta có thể nói rằng hoàng-đế RICHARD đệ II là người phát minh ra khăn tay vậy.

### Hai người giống nhau thật lạ lùng

**C**ÂU chuyện sau đây rú trong lịch-sử Ý-ĐẠI-LỢI.

Ngày 28 năm 1900, UMBERTO đệ I, vua nước Ý-ĐẠI-LỢI dự tiệc tại nhà hàng MONZA với các bạn của Đại-tướng PONZIO-VAGLIA. Nhà Vua rất chú ý đến tên chủ quán đứng tuổi, có vẻ trang nghiêm, với bộ râu mép trắng phau, dường như người này cũng hết sức ngạc nhiên nhìn chòng chọc nhà Vua.

Thình-lình nhà Vua nói :

— Ta có thấy mặt người này rồi, hãy bảo hắn đến cho ta hỏi chuyện.

Đại-tướng ra dấu cho tên chủ quán đến và cúi đầu chào nhà vua.

— Dường như ta đã gặp người ở đâu ? Vua hỏi.

Người chủ quán cung kính nghe vua chất vấn đoạn tâu :

— Tâu bệ hạ, nếu tôi được phép nói thì có lẽ bệ hạ thấy hình tôi trong kính soi mặt của ngài, vì tôi giống bệ hạ lắm.

Vua đáp :

— Đúng lắm, người giống ta thật, giống nhau về râu ria, tác lớn, hình dáng và khuôn mặt nữa, hãy nói ta biết người tên gì ?

Ông chủ quán khúm núm thưa :

— Tôi tên UMBERTO, sanh lúc 10 giờ 30 sáng, tháng 3 năm 1844.

Vua ngạc nhiên nói :

— Ô ! lại trùng tên và ngày sanh với ta. Người sanh ở đâu ?

— Tâu bệ hạ, tại TORINO.

Vua nghe xong lại kinh ngạc nói :

— TORINO ! TORINO

cũng là quê hương của ta. Người có vợ chưa ?

— Tôi lấy vợ ngày 2 tháng 4 năm 1866 và vợ tôi tên là Margherita.

Vua nói :

— Ngày ấy là ngày hôn lễ của ta và là ngày kỷ niệm tên thánh của hoàng-hậu người nữa.

Đại-tướng VAGLIA quay sang hỏi người chủ quán :

— Người có mấy đứa con ?

— Thưa, tôi chỉ có một đứa con trai tên là VITTORIO trùng ngày sinh với hoàng-tử HEREDITARY.

Nhà vua càng kinh ngạc và hỏi :

— Ta đã gặp người lần nào ? Người bán quán này đã bao lâu ?

— Tôi lập quán này ngày 9 tháng 1 năm 1878.

— Ô, cũng là ngày ta lên ngôi hoàng-đế. Ta có gặp người trước chăng ?

— Van xin bệ hạ tha thứ, có gặp nhau rồi. Tôi đứng bên cạnh bệ hạ hai lần, dịp đầu vào năm 1866 và năm 1870. Trong hai trường hợp này bệ hạ và



tôi được tuyên dương công trạng.

— À, ta thấy huy chương trên ngực người mà không nhớ ra được.

— Tâu bệ hạ, lần đầu tôi là lính thì bệ hạ là thiếu tá và lần sau tôi lên được trung sĩ thì bệ hạ là vị tổng tư lệnh tối cao.

Vua phì cười nói :

— Đây là cuộc gặp gỡ thật lạ lùng.

— Cúi xin bệ hạ cho tôi được hân hạnh tiếp chuyện với ngài mãi.

— Được lắm, mỗi khi ta đến quán này, ta sẽ nói chuyện cùng người. Người có dự diên kinh

không ?

— Tôi sẽ được vinh dự chiếm giải ngày mai nếu Bệ hạ treo giải cho hội diên-kinh.

— Được, ta sẽ gặp người ngày mai, và cũng sẽ cho người một món quà đặc biệt.

Khi tên chủ-quán lui ra, nhà vua quay sang Đại-tướng và nói :

— Ta muốn thay vào chỗ 1 kỵ binh ở ngày mai, mà chắc có hẳn dự không ?

Ngày hôm sau, nhà vua trà trộn trong đám kỵ binh, khi ngài đang đứng đợi tên chủ quán tại trường đua thì Đại-tướng chạy đến nói :

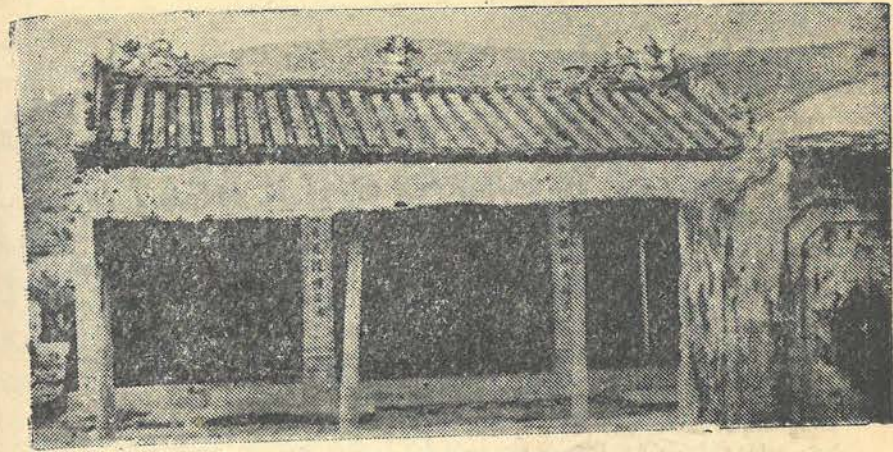
— Tâu bệ hạ ! tôi rất tiếc khi tin bệ hạ biết tên chủ quán kia đã chết sáng nay. Hẳn tự tử bằng súng.

Vua thờ dài rồi nói :

— Sao buồn thế ! Khi nào tang lễ cử hành ?

Ngay khi vua nói đến đây thì ba phát súng nổ rền, do một tên ám sát bắn, đạn thấu ngực, nhà vua ngã xuống chết ngay.

Nhà vua và tên chủ quán kia, sanh tử đồng ngày đã tạo thành 1 câu chuyện lạ lùng trong lịch-sử Ý-ĐẠI-LỢI.



**K**HI phải nói đến một loài động vật to nhưt, mạnh nhưt, sống lâu nhưt, kỳ lạ nhưt, chiếm một địa vị quan-trọng nhưt trong ngành đánh cá và được tôn thờ, ta nghĩ ngay đến Cá voi.

Với một thân hình to lớn, và một sức sống dồi dào, cá voi đã giữ một vai trò quan-trọng trong đời sống kinh tế của một vài quốc-gia Bắc-âu, trong đời sống thường ngày của dân du mục ở vùng Bắc cực và là thần hộ mạng đối với đa số ngư phủ Việt-Nam.

### Một-Sinh-vật ngoại-đẳng

Kể về nhiều phương diện, cá

## CÁ VOI

★ TRỊNH-THIÊN-TỬ

Voi hơn hẳn các sinh vật khác, cả loài người. Nó có thể đi vòng quanh trái đất trong thời gian kỷ lục hai mươi bốn ngày và sống lâu trên một ngàn tuổi là thường. Thị-giác và thính-giác của nó đều hơn hẳn người. Người ta còn cho rằng cá voi cái rất thương con nên không bao giờ rời con trong những lúc gặp tai nạn.

Cá voi là một loài động vật



có vú ở biển, thuộc loại Cétacé, có ở cùng tất cả đại - dương, nhưng phần nhiều ở Bắc cực. Mỗi con trung bình nặng từ tám mươi đến một trăm tấn và dài từ hai mươi đến ba mươi thước. Miệng rộng trung bình từ bốn đến sáu thước nghĩa là một chiếc xe GMC có thể chạy vô lọt. Trong miệng chỉ có một loại răng đặc biệt (fanons), hình lăng trụ, cong như lưỡi dao và dài đến bốn thước rưỡi. Tuy răng thưa nhưng nó có thể ăn nhiều loại sinh vật ở biển, từ mực, cua, ốc, tôm đến nhiều sinh vật. Bao tử nó có thể chứa từ năm đến mười tấn các thực phẩm kể trên. Nó di chuyển bằng hai vi nằm ngang và nuôi con bằng hai vú phía trước rún. Sữa cá voi không khác gì sữa bò và nó chịu khó cho con bú trung bình chừng tám chín tháng sau khi sanh. Cá thường thụ thai vào tháng sáu hay bảy và đẻ vào tháng tư hay năm sau khi cá mẹ đã được mập mập nhờ thức ăn dồi dào khi hằng năm đi xuống miền Nam. Cá voi con mới sinh ra chỉ lớn bằng con bò và phải sống nhờ cá mẹ trong mọi phương diện.

Da cá voi có đủ tất cả các màu,

từ màu trắng đến màu đen. Vì có vô số các loài ốc, sò, sống bám trên mình nó, nên người ta có thể ví nó như là một hòn đảo di chuyển. Cá voi có da màu xanh được gọi là cá voi xanh (Blue whale) và đây là loại cá voi chính. Chung quanh mình cá bao bọc một lớp da dày trung bình từ mười đến mười lăm phân trong khi ở bụng có khi đến một trăm phân. Bước chân lên mình cá voi, người ta cảm thấy trơn trơn nhưng rất vững.

Cá voi gồm hai loại chính : loại cá chính (đầu to rộng, thường lớn) như : myticotus, nord-capper và loại cá voi phụ (vi đứng giống như cá, đầu nhỏ, thường nhỏ) như loại gippar, physalus. Về phương diện « kinh-tế », người ta chia ra làm ba loại tùy theo nhu cầu thực phẩm của chúng. Loại ăn phiêu sinh thường sống quanh quần các cửa sông vì nơi đây có nhiều phiêu sinh ; loại ăn cá sống mọi nơi trong các đại dương và loại thứ ba chuyên « dùng » mực ma thường sống ở dưới sâu.

Ở Việt - Nam, thường thấy xuất hiện dọc theo bờ biển một

số các loại cá voi phụ (baleine-requin), ít khi dài đến hai mươi thước. Về mùa đông, loại cá voi ở Bắc cực vì muốn tránh khỏi vị trí lạnh lẽo của băng giá chúng đã di chuyển về phương Nam ấm áp hơn và đồng thời cũng có nhiều thực phẩm hơn. Ở biển Nam-hải, cá di chuyển từ bể Đài-loan xuống theo dòng nước và nơi có nhiều nhớt ở Việt-Nam là Phan-thiết. Về các mùa khác, người ta cũng thỉnh thoảng thấy xuất hiện ở ven biển những con cá lớn giống na-ná như cá voi, đó là loại cá voi sứa.

Cá này nhỏ hơn loại cá voi nhiều, hình dạng giống như cá, vi chỉ dài đến bốn thước rưỡi là nhiều. Răng cá này ở phía trái và có màu ở phía mặt. Đây là một điều bí-ẩn, chưa được giải-thích. Về mùa đông, ở bể Nam-hải thường có các con sòng lớn, nên một số các cá voi con, thiếu kinh nghiệm, dễ bị sòng đưa tấp vào bờ.

★

Người ta cho rằng đời sống phi-nhiều của các loài sinh vật ở đại-dương bắt đầu cùng một lúc với sự xuất hiện của cá

voi và hải-cẩu. Tổ-tiên của tất cả các loại cá voi, theo sự khảo-sát gần đây nhứt và căn cứ vào các bộ xương tìm được, người ta cho rằng đều do một loại giống như ngựa. Sinh vật có vú này, từ xưa, đã sống ở các cửa sông. Căn cứ vào tính chất «khoẻ» của hàm và răng, người ta còn cho rằng nó được xuất hiện trước một số đông các sinh vật khác, hiện còn sống đến ngày nay. Có thể sinh vật này đã di cư từ cửa sông ra biển nhờ thực phẩm dồi dào ở đây. Trong hoàn cảnh mới, hình dạng và «tâm tình» nó cũng thay đổi dần để trở thành một sinh vật, có xương sống, thở bằng phổi, có vú, cho con bú sữa nhưng lại sống ở biển.

### Người lạy Cá

Nếu trên thế gian này có những người thờ bò, thờ heo, lạy đất, lạy cây, chắc chúng ta cũng sẽ không lấy gì làm lạ khi nghe nói đến tập tục thờ cúng cá voi của hầu hết các ngư phủ Việt-Nam. Cá voi được các ngư-phủ và gia đình họ gọi kiêng là cá Ông, hay gọi tắt là Ông như trong thành-ngữ «Ông lỵ».

Vói một chiếc thuyền bé bỏng giữa biển khơi mênh mông, cả trăm ngàn nguy hiểm có thể xảy ra bất cứ lúc nào, người ngư phủ cảm thấy mình bé nhỏ trước thiên-nhiên. Trong hoàn cảnh tự ty này, con người thường dễ nảy ra một niềm tin vào bất cứ một sự vật nào, mà theo họ, có thể cứu giúp họ qua những cơn hiểm nghèo. Cá voi, vói một thân hình to lớn, không ăn thịt người (theo họ) và thường hay xuất hiện vào những lúc thuyền họ bị sóng gió đánh chìm, được họ tin tưởng, tôn kính như thần thánh linh thiêng. Gặp bất cứ một tai nạn nào giữa khơi có thể làm cho ghe họ chìm họ chết, họ đều thấp nhang để cầu khẩn sự tiếp cứu của Ông. Họ tin rằng Ông rất linh thiêng luôn luôn cứu họ khỏi tai nạn, nếu họ thành tâm và xa hơn nữa, họ tin rằng, « Ông lý » vì không làm tròn bổn phận, bị trời phạt. Tôi đã được nghe một ông lão kể chuyện lại chính ông đã được « Ông » cứu một lần. Hiện ông còn sống và đang làm « tù » giữ Lãng cá Ông. Câu chuyện như thế này :

Vào một ngày đông, mưa to gió lớn, nhưng vì nghèo khổ, ông

vẫn phải đi câu vói một chiếc thuyền nhỏ. Trước khi đi như đã có linh tính báo cho ông biết có điều không may sẽ xảy đến cho ông. Thuyền câu lắc lư giữa những cơn sóng dồn dập và bất thình lình, thuyền bị nghiêng chìm. Trong lúc bối rối này, theo lời ông kể lại, ông chỉ nghĩ đến « ông » và miệng vái thầm. Khi tỉnh dậy ông thấy nằm trên một bãi cát, trong khi trước mặt ông một vói nước vọt lên cao đến bốn, năm thước. Ông cho rằng « Ông » đã tưới nước để cho ông tỉnh lại. (Nước từ lỗ mũi của các vói phun ra có khi cao đến năm sáu thước. Theo Scoresbey, cá phun ra hơi nóng, gặp lạnh đông lại thành nước rớt xuống). Ông cho rằng « ông » đã thương tình nghèo khổ của ông, nên đến cứu ông đưa vào bờ. Những câu chuyện về sự cứu người của cá Ông đối với dân ngư-phủ rất nhiều chẳng hạn như sự đưa các ghe vào bờ, sự đưa người vào bờ, v.v...

Từ năm đó, ông lão tôi vừa kể chuyện gặp tai nạn và được cứu thoát, mỗi khi có mưa gió, ông đều đi dọc theo các bờ biển để

tìm xác Ông lý, vì người ta tin rằng Ông sẽ phù hộ cho người nào gặp Ông đầu tiên. Người đầu tiên gặp Ông chết sẽ phải để tang cho Ông một trăm ngày và được coi như con của Ông. Khi được tin báo có Ông lý, tất cả các ngư phủ trong vùng đều phải tụ họp lại đưa Ông về làng Ông. Tại đây Ông được khám liệm y như một người chết và được mọi người tôn thờ như một người cha trong đại gia-đình. Sau khi quần chúng quanh một lớp vải đỏ, Ông được đưa lên bàn cúng để cho người ta lay và điếu tiễn. Người ta cũng thường tổ chức giết heo bò để đãi khách và có khi đến ba bốn ngày. Tôi cũng đã có đến coi liệm một cá Ông và đã chứng kiến một chuyện lạ kỳ như thế này : Người con chịu tang cho « Ông » tự nhiên đau coa mắt bên trái. Tất cả đều cho rằng liệm Ông không kỹ nên Ông quở. Tháo vải đỏ ra, người ta tìm thấy nơi mắt trái Ông có một cục cát lớn. Lấy cát ra liệm lại, con mắt của người chịu tang tự nhiên hết đau. Còn nhiều chuyện kỳ lạ nữa được kể lại từ những người đáng tin cậy nhưng tôi không dám ghi lại đây,

sợ bị lạc hậu.

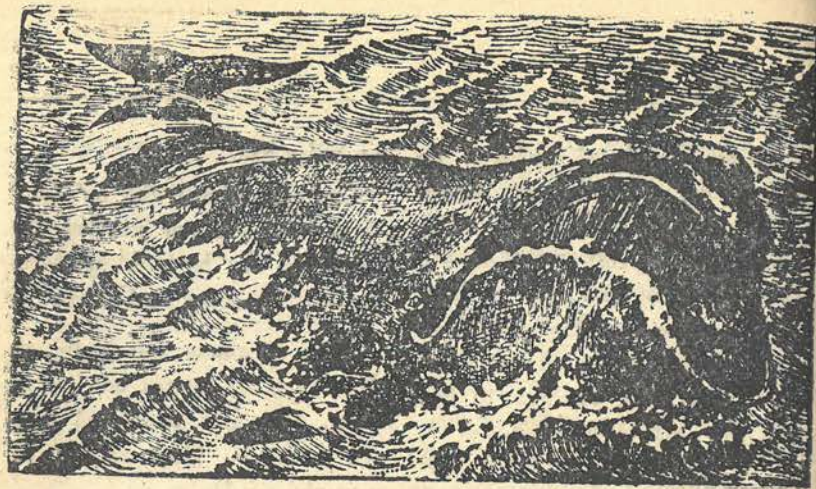
Sau một vài ngày thờ lay, Ông được tất cả các ngư phủ đưa đến huyết, và sau ba năm người ta đào lên lấy xương đem về thờ.

Hiện ở chung quanh thị xã Nha-trang đã có tới bốn Lãng Ông. Điều này chứng tỏ lòng tôn kính cá Ông của đa số ngư phủ tại đây.

### Vấn-đề bắt và dùng Cá Voi :

Nhưng không phải bất cứ ở đâu, cá voi cũng được tôn thờ. Trong khi các ngư phủ Việt-Nam không dám xúc phạm đến xác chết của cá voi, thì ở các nước khác như Na-Uy, Hòa-lan, Anh, người ta đã giết mỗi năm vào khoảng một trăm ngàn con để thâu vào một mối lợi lớn cho quốc gia họ. Đối với các giống người sống ở vùng Bắc-cực, cá voi là sản phẩm chính trong các nhu cầu về đời sống của họ.

Trước sức phát triển vượt bậc hiện nay của ngành săn cá voi với những luật lệ quốc tế của nó có mục đích bảo đảm sự tồn tại



của giống này, người ta tự hỏi nhân loại đã để ý đến hải-vật này từ lúc nào? Đây là một câu hỏi có nhiều giả thuyết để trả lời. Một số sử gia cho rằng ngày xưa, người A-rập và Ethiopie đã đánh được cá voi. Ngày nay, người ta cho rằng các sử gia trên đã viết sai vì lúc đó, các dân tộc trên dùng phương tiện gì để bắt được, và người ta cho rằng những con cá voi họ bắt được, nếu có, cũng chỉ là loại cá bị sóng đánh gần chết trôi tấp vào bờ.

Vào thế kỷ thứ 18 với sự phát triển chung của nền kỹ nghệ, người Anh và người Hòa-lan đã chú ý đến vấn đề đánh cá voi đầu tiên. Họ đã thu lợi được nhiều mối lợi lớn cho quốc gia khác thêm muốn, bước chân vào cạnh tranh như Pháp, Đức,

Na-Uy và về sau Hoa-kỳ, Nhật, Úc, v. v...

Hiện tại, vấn đề săn cá voi đã trở thành một phần trong ngành đánh cá, vì tầm quan trọng của nó. Trước đệ nhị thế-chiến, đã có từng đoàn từ ba bốn chục chiếc trở lên, có trọng tải trung bình trên hai chục ngàn tấn, hoạt động suốt mùa hạ chung quanh miền Bắc cực, từ vĩ độ năm chục Bắc trở lên. Những chiếc tàu này đồng thời cũng là các xưởng biển chế cá đánh được, tạm gọi là « tàu-xưởng » (factory ship).

Một chiếc tàu xưởng có bốn hay năm chiếc tàu con, nhỏ hơn, có trọng tải chừng bốn trăm tấn, chuyên đi bắt cá. Các tàu này chạy mau, có khả năng tìm cá và bắt cá rất tiện lợi, với những

mũi tên mang điện để làm cá mau chết. Một chiếc tàu xưởng và các tàu con cần vào khoảng bốn trăm nhân viên. Năm 1954, người Anh dùng cả máy bay để tăng sức sản xuất. Đa số cá đánh được « già » trung bình từ tám đến mười tuổi, như vậy mỗi con cá voi chỉ đẻ được có năm lần (mỗi lần trung bình hai con). Vấn đề tìm các đoàn cá voi không khó khăn như đối với các loại cá khác nhờ cá voi thường đi từng đoàn và nổi trên mặt nước để thở.

Ngày trước, những chiếc tàu đánh cá còn trang bị đơn sơ, không thể hoạt động lâu ở ngoài khơi. Ngày nay các tàu xưởng rất rộng lớn, trang bị bằng các máy móc tối tân có phòng lạnh, máy ép dầu, kho chứa, và các máy khác cần thiết để có thể tiêu thụ mỗi ngày khoảng mười, con cá voi.

Sức sản xuất hàng năm ở vùng Bắc cực chiếm 80% tổng số tất cả, vào khoảng 1, 3 triệu tấn, và cho được chừng 400.000 tấn dầu.

Năm 1946, một hiệp ước quốc tế bàn về vấn đề điều-hòa trong sự săn cá voi đã được nhiều đại diện của các chính phủ ký ở Hoa-

thịnh-Đốn. Theo thỏa ước, số cá đánh được bắt đầu giới hạn lại và năm 1955 chỉ có 1600 con cá voi bị bắt. Tuy vậy, giáo-sư Rund, một chuyên viên về ngành đánh cá voi, cho rằng số cá đánh được vẫn còn lớn so với số cá dự trữ.

Hiện giờ Na-uy đứng đầu trong ngành đánh cá voi. Các thợ săn và chuyên viên Na-uy đang giữ những chức vụ quan trọng trong ngành này ở Anh cũng như ở hầu hết các nước khác. Ngành đánh cá voi ở đây đã đem lại một nguồn lợi quan trọng trong vấn đề giao thương quốc-tế của Na-uy, cả về phương diện tài-chánh cũng như nhân sự.

Sau đây là một vài con số tiêu biểu về số cá đánh được ở các nước năm 1951:

Na-uy	:	195.600	tấn
Anh	:	83.000	—
Bắc-Phi	:	42.700	—
Nhật	:	34.100	—
Nga	:	31.000	—

Tổng số của thế giới: 503.000 tấn.

Ngoài các nước kể trên, người ta thấy ngành này cũng đã phát

triển nhiều ở Úc, Hoa-kỳ, Chí-lợi, Argentine.

Mặc dầu Hoa-kỳ đã phát triển mạnh trong ngành này, nhưng sức sản xuất vẫn không thấm vào đâu. Năm vừa qua, Hoa-kỳ đã nhập cảng trên năm trăm triệu đồng dầu cá voi hay các sản phẩm chế biến từ cá voi, mà một số lớn được Na-uy cung cấp.

Cá voi, ngoài công dụng để lấy dầu, người ta còn dùng răng, nhứt là răng loại cá voi Sperm. Nhưng gần thị trường của loại này đã sụt giá dần. Dầu cá voi được dùng trong kỹ nghệ để chế ra các loại thực phẩm, xà-phòng,

dầu máy, v.v. Hiện giờ, chưa đầy một nửa số thịt dùng làm đồ ăn-Chỉ ở Nhứt mới có một sức tiêu thụ đáng kể. Anh và một vài nước khác cũng tiêu thụ thịt. Da cá voi được dùng làm dây thừng. Ở một vài nơi, ruột được căn ra, dùng làm gương trong các cửa kính.

Tóm lại, cá voi đã giữ một vai trò quan-trọng trong đời sống kinh tế của một vài nước (Na-uy) và giúp nhân loại thỏa mãn một số nhu cầu. Cá voi lại là nguồn sống của giống người Êkimô. Chúng ta cũng nên biết thêm, nước miếng của cá voi được gọi là Long-Diên-Nương, một loại thần phương trong Đông-Y-dược.



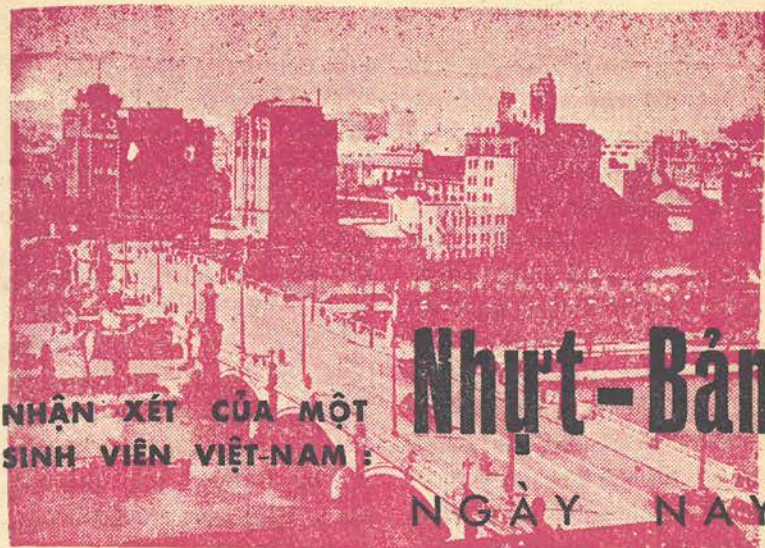
★ **Định nghĩa**

*Sau giờ quay phim, một cặp tài-tử vừa giải lao vừa nói chuyện - Trong khi quay phim, cô có cảm nghĩ gì khi tôi hôn cô trước ống kính ?*

*Nữ tài tử đáp ngay :*

*— Tôi ấy à ! Tôi có cảm tưởng tôi đang làm chủ cái biệt thự và chiếc xe hơi của anh.*

**NUONG PHONG**  
(Phan-thiết)



**NHẬN XÉT CỦA MỘT  
SINH VIÊN VIỆT-NAM :**

**Nhứt - Bản**  
**NGÀY NAY**

★ **NÔNG-BẰNG-GIANG**  
(OSAKA-JAPAN)

**B**ẮT cứ một người ngoại-quốc nào khi đến một nước khác, thường được người dân bản xứ hỏi qua cảm tưởng về nước họ. Trong bất cứ trường hợp nào, thâm tâm của người dân bản xứ cũng hy-vọng sẽ được nghe lời nói tốt đẹp của du khách ca ngợi về nước họ. Và cái điều lịch sự hiển nhiên của du khách, bao giờ cũng trả lời đúng như ý họ muốn. Đây cũng là một lối ngoại giao thông thường, để lấy cảm tình và

cũng đề khỏi bị chất vấn lời thối.

Riêng đối với tôi từ khi đặt chân đến đất Nhứt, đã ba năm nay, trong cuộc hội thảo hợp mặt nào, cũng được nghe người Nhứt hỏi : « Ông có mến thích đất nước chúng tôi không ? Ấn tượng đầu tiên của ông đối với nước chúng tôi như thế nào ? » Tôi có thể nói, hầu hết lúc nào tôi cũng trả lời một cách máy móc : « Tôi mến thích nước các ông lắm, đất nước các ông có những cái đẹp

vô cùng... Ấn tượng đầu tiên của tôi, đối với đất nước các ông, là nhìn thấy được những nét mặt khả ái, phát hiện những cảm tình thân mật đối với tôi.» Nhưng sự thật, nếu bắt chợt trong những lúc di chơi, tâm sự với bạn sinh viên ngoại quốc mà được chúng nó hỏi, thì tôi sẽ không ngần ngại gì mà trả lời: «Tôi không lấy gì làm thích Nhật bản lắm». Và hầu hết tất cả sinh viên của hơn 30 nước hiện đang học tại đây cũng đều có ý tưởng ấy. Nói như thế không có nghĩa là tôi hoàn toàn không thích Nhật, mà có thể tôi chỉ mến thích Nhật ở một đặc điểm nào đó, và bằng một thứ tình cảm nào đó chẳng hạn.

Người Nhật, như tôi hiểu họ, thường muốn được người khác ca tụng và tâng dương. Họ có tinh thần ái quốc rất mạnh, nhưng tinh thần quốc gia cũng rất cao. Ngoài ra họ còn ham danh và chức vị. Nhưng không phải vì thế mà họ sinh lòng nịnh hót, bợ đỡ, trái lại lòng ham danh của họ chỉ là một mục đích để họ cố gắng thắng đoạt bằng tài trí và khả năng của

họ. Cái đặc điểm đáng kể nhất là lòng say mê nghệ thuật và yêu văn nghệ của người Nhật. Người Nhật rất yêu hoa, và mê thích âm nhạc. Thường thường cứ đến mùa xuân, vào đầu tháng 4, hoa anh đào nở, người Nhật đưa nhau đi ngắm hoa đào ở các khu vườn công cộng, bờ hồ. Ở tỉnh Kyoto và Nikko có lẽ là những nơi hoa đào đẹp nhất. Riêng ở Tokyo, có thể thưởng thức hoa anh đào ở Công viên INOGASHIRA, công viên VENO, công viên Minh Trị Thần cung, công viên Hoàng Thành... Ở các tỉnh làng, dân quê tổ chức những buổi lễ đón hoa anh đào và họp nhau ca hát say mê như ngày hội. Âm nhạc đối với thế hệ trẻ hiện đại như là phong trào, nhóm này không mến thích nhạc cổ điển của Nhật, trái lại, họ diên đại vì phong trào nhạc Mỹ, Pháp, Ý và Tây-ban-Nha. Hiện tại phong trào nhạc Jazz đang lan tràn khắp nước Nhật. Người Nhật thực ra rất nhiều tình cảm, nhưng vì hoàn cảnh xã hội, nước nghèo, dân đông, đời sống vật chất thường-nhật

khó khăn đã bóp chết tình cảm họ rất nhiều, do đó họ sinh ra lãnh đạm, một tình cảm nhất thời, rất dễ vồn-vã nhưng cũng mau thờ ơ. Đời sống tình cảm của người Nhật ngày nay, chỉ còn lại một cách sâu đậm xúc tích ở người đàn bà Nhật thôi.

Người Nhật, mặc dầu tinh thần võ sĩ đạo, sau trận chiến thứ hai, không được thế hệ thanh thiếu niên hiện đại chiêm ngưỡng, nhưng nó vẫn còn hiển hiện trong tâm hồn họ một ít lòng tự tôn mặc cảm, như là đối với những nước ở vùng Đông nam Á, thì cái tinh thần ấy thường được bộc lộ trong những lúc tiếp chuyện với họ. Tuy nhóm thanh thiếu niên này không nuôi mộng bá chủ của bọn quân phiệt hai mươi năm trước, nhưng họ vẫn mặc nhiên hưởng nhận cái danh chiến thắng của bọn quân phiệt, dù sự chiến thắng về vang ấy đi liền với cái chiến bại về nhục. Đối với những nước Tây-Âu, lòng tự tôn mặc cảm của người Nhật không còn nữa, mà lòng tự ty mặc cảm sẽ mặc nhiên đến với họ một cách bản tiện. Phải chăng vì sự thất bại của họ trong chiến tranh thứ hai

vừa qua, hay là vì hoang ảnh của hai quả bom nguyên tử ở Hiroshima ngày 6-8-1945 và Nagasaki ngày 9-8-1945, đã làm cho họ cảm thấy là thua kém người Tây-Âu?

Mặc dầu xã hội quân chủ phong kiến ngày xưa đã được dân chủ hóa, nhưng chúng ta vẫn có thể nhận thấy một vài nhóm người ở các tỉnh Kyoto, Nara, Sendai, Nagano vẫn cố gắng bảo tồn cái tàn tích của xã-hội trước.

Đường lối dân chủ hóa của Nhật do thủ tướng Ikeda chủ trương hiện tại, vẫn tiếp tục con đường mà cựu Thủ tướng Kishi (1957-1960) đã thực hiện Công cuộc dân chủ hóa này mang nhiều màu sắc Mỹ, chính vì lẽ đó mà phe đối lập của ông Ikeda là đảng xã hội, đảng dân chủ xã-hội, phản đối kịch liệt. Hai đảng này không chấp nhận sự có mặt của quân đội Mỹ trên lãnh thổ Nhật, vì họ lo ngại khi có chiến tranh xảy ra, giữa hai khối Mỹ-Nga thì Nhật lại phải rơi vào vòng chiến. Thật ra, đây cũng không phải là một điểm chính, để cho

họ phản đối các căn cứ quân sự Mỹ ở Nhật mà chính vì lòng ái quốc của họ khá mạnh, họ không muốn có sự hiện diện của quân lực của bất cứ nước nào trên đất nước họ, không cử gì là quân lực Mỹ.

Vấn đề dân chủ hóa, đối với quốc tế trên trường chính trị đã gây ra nhiều khó khăn trong năm vừa qua. Trái lại, công cuộc dân chủ hóa trong giới dân chúng, đã được thực hiện một cách sâu đậm. Thiên-Hoàng Nhật ngày nay cũng đã cố gắng gây ra tinh thần dân chủ, bằng cách sống gần gũi với dân chúng. Chúng ta thỉnh thoảng vẫn thấy Thiên-Hoàng đi xem « xi-nê », nghe nhạc, xem những buổi đấu võ SUMO với công chúng. Cả đến dân chúng, như là thể hệ trẻ hiện đại cũng không xem Thiên Hoàng là bậc Thiên Tử. Ở thời xưa, Hoàng-thành là nơi bất khả lai đối với dân chúng. Trái lại, ngày nay chúng ta sẽ bắt gặp những đôi trai gái đưa nhau dạo quanh Hoàng thành, chụp ảnh, chúng ta sẽ gặp rất nhiều đôi nhân tình trẻ ôm nhau hôn hít ở công viên Hoàng thành

vào những giờ đêm. Vào ngày sinh nhật Thiên Hoàng 29/4 chúng tôi được gặp các cụ già lụ khụ, từ những tỉnh xa xuôi về Tokyo, để đến Hoàng-cung được nhìn thấy một Thiên Hoàng tung hô vạn tuế. Trái lại giới thanh niên nam nữ trẻ, thì đem những chiếc máy ảnh ra để lấy cho bằng được hình ảnh của Thiên Hoàng, cả ảnh của Công Chúa Michiko, nguyên là ái nữ của một thương dân kỹ nghệ gia. Chỉ nội việc Hoàng Thái Tử Akihito cưới Michiko, hơn hai năm trước (10-7-1959) cũng đã chứng tỏ xã hội Nhật ngày nay đã được dân chủ hóa như thế nào rồi!

Tinh thần dân chủ tuy đã có, nhưng không phải toàn quốc đâu-đâu cũng có dân chủ, và không phải ai ai cũng ý thức được thế nào là dân chủ. Nhật là đăm đăm ngu dốt lại lơ mờ về ý nghĩa, giới hạn, của hai chữ Dân-Chủ. Do đó, có khi hành động dân-chủ — theo sự hiểu biết của họ, có thể gây ra các vụ bạo động bất hợp pháp, trái lại, nếu họ, nghĩa là để mặc ai làm chi thì làm, họ chịu đựng

tất cả, thì lại gây ra nhiều sự hống hách, bất công, lạm quyền của một vài nhóm chính quyền địa phương thuộc xã hội phong kiến trước trận chiến thế giới thứ hai, phe quân phiệt. Hơn nữa, tinh thần dân chủ ấy chỉ được thấy ở Tokyo, hoặc ở những tỉnh lỵ lớn như OSAKA, Yokohama, Nagoya nghĩa là những nơi mà người ngoại-quốc sống ở đây rất nhiều. Còn ở một vài vùng quê, các xóm nghèo ở các thôn dã xa vẫn còn cái tinh thần phong kiến quan lại. Chính vì vậy, mà thỉnh thoảng lại xảy ra những vụ bạo động đẫm máu giữa nhóm dân nghèo và chính quyền địa phương, một bằng chứng cụ thể gần đây như là vụ đồ máu ở thành phố Amagasaki.

Đi đôi với tinh thần dân chủ ấy nước Nhật ngày nay đã được kỹ nghệ cơ giới hóa. Về kỹ nghệ Nhật ngày nay, chúng ta phải nhận là đã khá tinh xảo. Ngay cả về mặt khoa học nguyên tử, họ cũng đã tiến rất

xa và bắt kịp các nước Âu-châu. Nền kỹ nghệ hóa học của Nhật hiện được phát triển mạnh mẽ nhưэт. Và hàng xuất cảng của Nhật ngày nay có giá trị như các hàng chế tạo tại các nước Mỹ, Pháp, Ý. Những máy ảnh hiệu Canon, Nikon, Transistor radio... của Nhật được thông dụng khắp các



nước. Họ có thể chế tạo mọi thứ đồ dùng, tơ hóa học, sợi hóa học, da hóa học, cao su hóa học. Về ngành thủy tinh họ cũng đã chế được loại thủy tinh dẫn điện, thủy tinh sợi, len thủy tinh... Về mặt y học họ cũng đã tiến rất xa, ngày 1-9-61 vừa qua bác sĩ Shigeru đã thành công trong sự giải phẫu tim cho nữ sinh Keiko, 13 tuổi, đây là sự thành công lần thứ ba trong năm nay về giải phẫu tim.

Đồng thời với tinh thần dân chủ hóa và kỹ nghệ cơ giới hóa này, tôi nhận thấy rằng giới thanh niên nam nữ Nhật ngày nay đã Âu-mỹ hóa rất nhiều, như là người dân ở Tokyo, OSAKA, Sapporo... Không khí xã hội Nhật ngày nay so với 15 năm về trước hoàn toàn thay đổi. Trước chiến tranh, Nhật bản cũng chịu ảnh hưởng khá nhiều luân lý Nho - Thống-học Xã hội học đã đặt định rằng : « Con trai và con gái khi đến 7 tuổi thì không được ngồi gần nhau ». Nhưng hiện tại, sự thực có còn

như thế không ? Điều này nếu ai đã ở Nhật lâu ngày sẽ nhận thấy rằng tinh thần nam nữ thọ thọ bất thân ấy hoàn toàn không còn nữa. Ngày giữa thành phố Tokyo có rất nhiều công viên để cho những kẻ yêu nhau tâm sự, và ở các phòng trà, các phòng trà cũng là nơi gặp gỡ của trai và gái, để trao cho nhau một ánh mắt, một nụ cười và gửi nhau chiếc hôn ở những công viên vào giờ đêm thường thường có cảnh sát lưu vãng, không phải để rình bắt những kẻ yêu nhau mà để xem chừng có kẻ gian phi hay không, kẻ ra cảnh sát Nhật cũng có giáo dục nhỉ. Vì vậy nếu vào những giờ ấy, nếu vô phúc mà đơn thân độc mã, lang thang ở các công viên ấy thì sẽ bị cảnh sát hỏi giấy ngay. Tôi có thể nói điều kiện phải có và đủ để vào các công viên ấy vào những giờ đêm, mà không bị cảnh sát lưu ý, là phải hai mình mà cả hai không giống nhau.

Ở ngoài xã hội nam nữ đã gặp nhau tự do như thế, trong gia đình cũng có nhiều sự thay đổi, ở điểm này tôi

xin nói về gia đình tôi đang sống. Gia đình tôi đang ở trọ là một gia đình trường giả, cô kinh. Bà chủ nhà là người thuộc thế hệ tiền chiến, không nhảy nhót, không rượu, không thuốc lá, bộ áo kimono của bà cũng được bà cho an nghỉ trong các chiếc hòm kín, để thay vào chỗ thiếu ấy bằng những chiếc váy đủ mùa Cô cháu gái của bà thì khỏi nói, nàng trẻ, khá đẹp, là nữ sinh viên năm thứ hai đại học, nhảy nhót thì đủ điệu, phục sức đủ «mốt» mỗi lần nàng đến nhà tôi chơi, — cũng may là không ở cùng nhà với tôi — tuy vẫn mùi nước hoa ấy nhưng màu sắc thì khác nhau. Cô cháu gái của bà, là người của thế hệ hiện tại, nên từ bỏ mọi nghi thức, trái lại bà là người của thế hệ trước, dù tinh thần có mới chẳng đi nữa, nghi thức bà vẫn giữ được vài điều. Đến ba đứa cháu gái con bà thì cũng tân lắm. Đứa chị chỉ mới lên 8, đứa kế 6 và đứa út lên 3. Lối xưng hô của cả ba đứa cháu gái này, với bố mẹ chúng đều chịu ảnh hưởng Mỹ khá nhiều, chúng gọi bố mẹ là «Okachan» hay «Oto-

chan» không như mọi gia đình Nhật 15, 20 năm về trước. Có điều đặc biệt là mỗi lần chúng xem vô tuyến truyền hình, gặp những giờ ca vũ nhạc, thì chúng cũng bắt chước các nữ ca sĩ vô tuyến truyền hình, nhảy điệu do-dum-ba (một điệu cha-cha-cha Nhật).

Mặc dù ở trường chính trị, nhà lãnh đạo nước Nhật, Thủ-Tướng Ikeda đã thể hiện đường lối dân chủ hóa theo kiểu Mỹ, xã hội sinh hoạt Nhật cũng được Mỹ hóa, tuy nhiên vẫn còn một số người cố gắng giữ một vài tập quán cổ truyền. Nhật là đối với những di tích lịch sử, thì đặc biệt hơn tất cả người Nhật bao giờ cũng bảo tồn. Chúng ta có thể tìm thấy những di tích ấy ở các Thành-cô, hay ở các đền Thần-cung, ở Viện Bảo-tàng. Ở những nơi này, sẽ còn thấy lại những chiếc thuyền chiến cổ đời Minh Trị, (1868-1912) những cây súng thần công cũ, những chiếc áo giáp, bảo kiếm của các danh tướng, những bức văn thơ, phương ngữ cổ đại của các bậc chúa công. Những tỉnh còn giữ nhiều vẻ đẹp cổ kính, nhiều

di tích lịch sử là các tỉnh Kyoto, Nara, Nikko. Hai tỉnh Kyoto và Nara, ở miền tây nước Nhật cách Tokyo độ 500 cây số, vào khoảng 6 giờ tàu điện tốc hành từ Tokyo. Ở Nara có thể nói là trung tâm Phật giáo, và trung tâm giáo dục ngày trước. Trọng Phật ở Nara cũng vĩ đại như trọng Phật ở Kamakura vậy. Hơn nữa ngay ở Tokyo, chúng ta vẫn có thể tìm thấy được các tinh thần tồn cổ ấy ở đền Minh Trị thần cung.

Chúng ta nhận thấy, những gì cổ kính của Nhật ngày nay, đều qui về những Thần cung của các vị Chúa công ngày trước, cả đến những phong tục tập quán của Nhật, nếu có chăng, cũng chỉ thấy ở những ngày tế-hội, hay trong những gia đình cổ, sân khấu xã hội cũ đã lui vào ngõ tối, để nhường chỗ cho đám thể hệ trẻ hiện đại, mà họ là những kẻ sẽ giữ vai trò quan trọng việc dẫn-tiến nước Nhật sau này.



★ **Triển-lãm tranh ba.lăng.nhăng**

Trong phòng triển-lãm những tranh vẽ bất chước theo lối Picasso, một khán-giả hỏi một họa-sĩ :

- Xin lỗi ông, bức tranh này của ông ?
- Vàng.
- Nhờ ông giảng giải cho, tôi không hiểu gì cả.
- Đây là một con bò-cái trong một đám cỏ.
- Cò đâu, tôi không thấy ?
- Không có cò, vì con bò-cái đã ăn hết rồi.
- Vậy con bò-cái ở đâu, tôi không thấy ?
- Ồ, thưa ông, con bò-cái đã đi rồi, vì nó đã ăn hết cỏ.

NỬA ĐÊM



Nẻo xưa ý nghĩa đã mòn  
 Vi vu gió gọi tên hồn xuống sâu.  
 Nghe lời về đứng trong sâu  
 Ấm êm đau nhói mười đầu ngón tay  
 Niềm tin rú cánh đêm dài  
 Ngót sao lạc lối tháng ngày áo hoa  
 Mùa xuân lần lữa đi qua  
 Ngỡ ngàng trí nhớ dần dà giáp năm  
 Bâng khuâng tay níu tay cầm  
 Lá mùa thu góp đầy tâm sự này  
 Chiều mưa thấp thuốc u hoài  
 Làm con đom đóm đêm bay chập chờn  
 Vàng son nhuộm đỏ mùa xuân  
 Áo tôi vẫn trắng tay không đi về  
 Nỗi buồn mới đọc mận mê  
 Niềm vui đã bỏ tôi đi nửa chừng  
 Dọc đường không dám quay lưng  
 Sợ mùa hoa cũ tung bừa đuổi theo !  
 Ngâm nga giọng gió qua đèo  
 Con đò thân thể tay chèo tay bơi  
 Ngập ngừng mây đóng ngang đời  
 Núi rừng đã ngủ lâu rồi mộng xưa  
 Tiếc thương cái vốn giang hồ  
 Trở mình đêm rụng từng tờ lá hoang  
 Sương cao trắng cả giấc vàng !

HUỲNH - MINH - TẤN  
 (Phan-Thiết)





**D**ẠO ấy tôi mới mười sáu tuổi, lòng thơ ngây trinh bạch như trang giấy trắng. Tuổi mười sáu đối với các bạn khác thì đã biết yêu - đương hẹn-hò rồi. Riêng tôi, tôi còn bỡ ngỡ trước ngưỡng cửa ái-tình. Thế mà đã có người yêu tôi say đắm, hơn nữa lại muốn cùng tôi xây dựng tổ-âm trăm năm.

Chao ôi ! Tôi đã biết gì, ngoài tình bạn quý-mến ngây thơ ?

Dũng là một thanh niên anh tuấn nhưng phải sống trong gia đình nghèo-nàn và thanh-bạch.

Một hôm Dũng nhờ chị Lý là người bạn láng-giềng sắp đặt cho tôi và Dũng được gặp nhau tại nhà chị.

Dũng thật-thà giải-bày tâm sự. Tôi lặng - lẽ cúi đầu e - thẹn, không phản-đối mà cũng không chấp thuận.

Tôi khẽ trả lời rất là ngây thơ đến buồn-cười :

— Em sợ quá ! Anh cho phép em về hỏi lại má em đã...

Dũng cười và hy vọng.

Thế rồi tôi hỏi má tôi thật.

Sau khi nghe tôi thuật lại câu

Lưu bút ngày xanh

.....

**MU' A**

**G I Ó**

**N Ặ N G**

**N Ề**

★ Bà L.G.

chuyện của Dũng, không đợi má tôi trả lời, chị tôi đã phản đối ngay :

— Không được, hấn nghèo lắm. Em nghĩ xem. Chị thì lấy chồng giàu có sang trọng, nhà lầu xe hơi. Chồng chị là một nhà thầu-khoán tiếng-tấm mà ba của hấn là một chú cai thợ nề dưới quyền điều khiển của chồng chị. Em ưng hấn tức là em bôi lọ vào mặt chị, gia đình chồng chị sẽ cười chị chết.

Má tôi đồng ý-kiến với chị tôi.

Tôi còn biết nói gì hơn khi mà hai người thân của tôi cho đó là

MƯA GIÓ NẶNG NỀ

một điều không nên thực-hiện. Thành sự hay không, tôi chẳng quan tâm lắm vì mình đâu đã tha-thiết với việc hôn nhân ! Chỉ tội cho Dũng như kẻ mất hồn khi nghe tôi báo tin :

— Anh Dũng ạ ! Má em không bằng lòng.

Tuy thế tôi vẫn lui tới thân thiện với gia - đình Dũng như không có gì xảy ra. Dũng vẫn ôm ấp cái mộng chưa thành.

Một năm qua... Tôi mười bảy tuổi, tóc thề đã chấm ngang vai. Con tim đã bắt đầu rung - cảm. Lòng tôi không hiểu sao se lại, sau khi nghe cái tin Dũng sắp làm lễ thành hôn cùng chị Lý ! Thì ra bảy giờ tôi mới biết rằng tôi đã yêu Dũng. Lần đầu tiên tôi thấy đau nhói tâm - can ! Hồn ghen xâm-chiếm cả cõi lòng tôi ! Tôi thầm trách Dũng sao không chờ tôi đến tuổi trưởng thành. Dũng đã đến với tôi sớm quá, và tôi đã hiểu chàng quá muộn-màng !

Cái gì đã mất hay sắp mất lại càng quý hơn khi nó còn nằm trên lòng bàn tay mình trong chốc lát. Tôi kín - đáo điều-tra cho biết sự - thật, dù sự thật có phủ-phàng. Đúng rồi hai

họ đã chuẩn bị hôn lễ, tôi đành phải gởi tặng vật, mừng hai bạn đẹp duyên mà lòng không khỏi xót-xa luyến-tiếc.

Năm tháng dần trôi... Giặc-giã lan-tràn !...

Tôi phải tản cư về miền quê hẻo lánh. Ở đây cảnh vật rất buồn, người có tâm sự buồn lại buồn thêm ! Cha mẹ tôi lần lượt qua đời vì không chịu nổi lối sống chạy giặc kham-khò. Tôi một mình phải vất-vả nuôi một bảy em đại.

Một buổi chiều cuối đông mưa gió nồm-nề, một người trai trẻ vội-vả bước vào nhà tôi. Dũng đến thăm tôi đột ngột quá ! Kéo ghế mời Dũng ngồi, cố lấy giọng tự nhiên, tôi hỏi chàng :

— Sao anh biết em ở đây mà tìm đến thăm ?

Dũng triu-mến nhìn tôi rồi đáp :

— Cái gì đã đi ngang qua đời anh đều tan biến cả, riêng hình-ảnh em là sống mãi trong lòng anh nên dù ngăn sông cách núi anh cũng lặn lội về thăm em.

— Cảm ơn anh. Thế chị Lý hiện giờ ở đàn ? Đã sanh được cháu nào chưa ?

— Lý chết rồi, em ạ !

Tôi giật mình sững sốt :

— Sao thế anh ? Xa xôi quá, em không được tin gì cả.

— Lý bị đau nặng, lại phải chạy giặc sương-gió dập-dồn, anh đã hết lòng thuốc thang song không qua khỏi. Âu cũng là số trời !

— Ngày chị Lý còn sống chắc đã đem lại cho anh nhiều hạnh-phúc ?

— Anh nói thật đấy, còn tin hay không là tùy ở em. Cái ngày mà anh thường lui tới gặp em nơi nhà Lý đó là một dịp đề cho Lý hiểu anh. Tiếp đến anh bị thất vọng vì em, anh đau buồn rờn rã một năm tròn. Lý đã tìm cách an ủi anh. Rồi không hiểu anh đã có ưu-điểm gì mà ba má Lý kêu gả Lý cho anh. Lúc bấy giờ anh phân vân quá ! Gia-đình anh thì thúc anh cưới vợ. Thêm vào sự chiu-dãi của Lý, Lý luôn-luôn như sẵn - sàng phục vụ anh. Lý hiền và ngoan lắm. Nhưng em ơi ! Dầu cho Lý có quyết tâm xây-dựng, trước sau anh cũng chỉ thương hại Lý mà thôi. Những tưởng rằng lâu ngày với đức tính của Lý, Lý sẽ cảm-

hóa được tình anh. Song anh đã lầm, chuối ngày chung sống với Lý anh cũng không thể nào quên em được. Cho nên anh đã có những phút buồn lặng-lẽ hay gay-gắt vô cớ với Lý. Lý phiền lắm, và dư biết rằng anh hãy còn tưởng nhớ đến em. Song Lý cố nhẫn nại chịu-dựng cho đến ngày nàng hóa ra người thiên-cò. Đó là tất-cả-sự-thật. Giờ đây anh tìm về gặp lại em đề một lần nữa mong được cùng em nói lại tình duyên dang-dở...

Tôi cố nén lòng cho khỏi thồn thức nhưng những giọt nước mắt như đã bị khơi nguồn được dịp tuôn tràn...

Dững bước đến cầm tay tôi :

— Em Lan ! Sao em lại khóc ?

Tôi cảm-động quá, càng khóc nhiều hơn. Rồi hầu như đã vui được ít nhiều u-ớt, tôi nghẹn-ngào rút tay về :

— Anh Dững ạ, chúng ta có duyên với nhau mà nợ đời không có gì phải vay trả. Nên đã bao lần chưa hợp lại tan. Muộn rồi anh ạ ! Ngày mai em phải giã-từ anh, đề...

Tôi thương Dững quá không dám nói hết sự-thật cho chàng nghe. Tội nghiệp ! Chàng đang hy-vọng. Nhưng ngàn ấy lời cũng đủ làm cho lòng Dững tê-tái.

— Trời ơi ! Có lý nào anh lại đau khổ đến thế ? Lan ạ ! Cách đây không lâu anh có gặp Vũ, — em trai của Lan — Vũ đã đọc cho anh nghe mấy bài thơ của em làm sau khi nghe tin anh cưới vợ. Vì thế anh đã hiểu được lòng em, anh lại càng quý yêu em bội phần. Đang ra anh tìm về gặp em ngay, nhưng luật-lệ nhà binh khó-khăn, mãi đến nay anh mới được nghỉ phép. Trên đường về anh đã xây biêt bao mộng đẹp. Hãy tưởng-tượng xem em Lan, chao-ôi ! muôn vạn hạnh phúc đang chờ đón đôi ta ! Đừng nói đến tan-vỡ anh sợ lắm ! Chúng ta cùng nhau cố tâm xây-dựng dù phải trải qua những thử-thách gian-truân. Không có một mãnh-lực nào có thể chia-rẽ được hai kẻ thiết-tha yêu nhau. Đã một lần anh chịu mất em đề hận cho lòng nhau suốt mấy năm trời, giờ đây lẽ nào chúng ta lại phải xa cách nhau mãi mãi ?



Dững nói rất nhiều. Chàng càng nói tôi càng xúc-động khóc nhiều hơn, khiến cho Dững không còn đủ sức tin tưởng nữa. Chàng hỏi tôi :

— Em Lan ! Có phải em đã âm-thầm đau-khổ hằng bao ngày tháng vì anh ? Thế sao giờ gặp nhau, giáp mặt đối lòng, em lại khóc than ừ-rừ ? Có phải em khóc đề chấm dứt mối tình ngang trái ?

— Vâng, em chỉ còn được phép khóc với anh một buổi chiều nay

mà thôi. Mà em cũng không thể giấu anh nữa. Em đã yêu anh, yêu anh rất nhiều... Nhưng từ ba tháng nay xóm làng đều biết rằng em là gái đã có chồng. Tuy chưa cưới song lễ đã có rồi. Vì thanh-danh của anh và cả của em, em không thể nào từ-hôn người ta được. Hơn nữa, em không muốn nhìn thấy cảnh đau lòng xảy ra giữa hai người đàn ông hận-thù nhau vì một người đàn bà rất tầm thường như em. Em xin anh hiểu giùm cho lòng em. Em rất khổ tâm mà gạt lệ chối từ tình anh. Tuy không được điếm phúc làm vợ anh nhưng tâm-hồn em ghi-nhớ mãi hình-bóng anh, người em hằng kính-yêu mà định-mệnh khe-khắt

luôn-luôn ngăn cản không cho em được cùng anh chung sống dưới một mái nhà... Anh tha lỗi cho em...

Trời đất như quay-cuồng !  
Dững cấn chặt vành môi gần rướm máu và cổ dẫn lòng cho nước mắt khỏi trào ra.

Nhưng Dững bỗng òa ra khóc, rồi đứng dậy vụt chạy ra ngoài... Trời mưa tầm-tã... gió thổi ào-ào... Tôi gọi Dững :

— Anh Dững ! Anh Dững !...

Nhưng Dững cứ chạy... chạy... dưới cơn mưa gió nặng-nề, trên các nẻo đường hoang vắng...

LAM - GIANG



### ★ Vay tiền

Nhà văn Alphonse Allais của Pháp, nợ không thua gì Chúa Chôm ở xứ ta. Một hôm trong túi sạch trơn tiền, ông đi lang thang ngoài đường, gặp một người không quen. Ông hỏi :

— Ông có thể cho tôi mượn 20 đồng ?

Người kia ngạc nhiên :

— Xin lỗi, ông là ai tôi không được quen biết.

Nhà văn cười :

— Chính vì không quen biết nên tôi mới hỏi mượn tiền ông, chứ những người quen biết thì không ai cho tôi mượn nữa.

TUẤN,

CHÀNG TRAI  
NƯỚC VIỆT 1910  
1960

NGUYỄN-VỸ

*Dẫn. chứng lịch sử  
và xã hội hiện đại*

(Tiếp theo P.T. 66)

MỘT vài người thân thuộc đã gặp Tuấn ban chiều gánh hai gói hành-lý trên vai, uể-oải đi vào tỉnh, họ đều mừng rỡ, sẵn-đón hỏi han. Rồi, do truyền miệng từ người này qua người khác, chỉ trong buổi tối ấy cả hàng phố đều biết tin Trần-anh-Tuấn đi học ở Huế đã về. Gặp nhau ngoài đường, người ta bảo nhau : « Thăng hai Tuấn, con chú thợ Ba, đã về nghỉ hè. Coi nó bây giờ trắng và mập quá chừng ! » Máy ông già bà cả bảo : « Thăng Chuột, con chú Ba thợ-mộc đã về, đem về một mớ sách Tây ». Bà con cô bác kéo nhau đến thăm Tuấn, vui vẻ nào nhiệt, chặt-ních căn nhà lá lụp-xụp của chú Ba.

Vợ chồng chú Ba sung sướng quá, vui vẻ đi nấu nước pha trà, và tằm trâu bỏ cau để mời khách. Dưới ánh-sáng vàng-hoc

của một ngọn đèn dầu-phọng (1) chong trên chiếc bàn cũ-kỹ kê giữa nhà, ai nấy đều chen-chúc ngồi trên bộ ván và chông tre chung quanh trò Tuấn, và đua nhau hỏi những chuyện ở « Đê-đô ». Họ tưởng-tượng Huế như một cảnh Thiên-đình, rực-rỡ oai-nghiêm, và xinh-đẹp như thần-tiên hoa-lệ. Ngồi nghe Tuấn kể chuyện, say-mê nhất là đám thanh niên thiếu-niên trong tỉnh. Vì Trần-anh-Tuấn là người học trò đầu-tiên và duy-nhất ở tỉnh nhà được đi học trường Quốc-học ở Huế. Đối với thanh-niên và dân-chúng ở tỉnh lúc bấy giờ, đó là một điều may-mắn vẻ-vang

(1) Tiếng Bắc : đầu lạc.

có lẽ còn hơn là sinh-viên ta ngày nay được đi học bên Anh, bên Mỹ!

Tuy nhiên, đại-đa số thanh-niên vẫn còn theo Nho-học. Họ còn do-dự chưa dám hót tóc, và chỉ một số ít, rất ít, mới «bất-chước» học «chữ Quốc-ngữ». Những người học «chữ Tây» dĩ nhiên là còn ít hơn nữa. Và lại, làm sao họ quên được phong-trào lộn-xộn về vụ hót tóc đã bao nhiêu người bị bắt, bị tù hồi năm Mậu-Thân, 1908, cách đó mới 8 năm? Đó là một cuộc hoạt-động chính-trị mà người Việt gọi là «Giặc Đồng-Bào», tức là «*Vụ xin râu*».

Đề-xướng và tham-gia phong trào lịch-sử này là một nhóm thanh-niên Nho học có tư-tưởng trung-quân ái-quốc, trung-thành với Hoàng-đế và chống lại nước Pháp bảo-hộ. Hầu hết nhóm thanh niên cách-mạng này đều là những Nho-sĩ đã thi đỗ Cử-nhon, Tú-tài. Người ta không được biết khẩu-hiệu cách-mạng từ đâu đưa ra, nhưng người ta thấy nhiều vị tân-khoa, đầu tóc cắt ngắn, chia hai nhóm đi rao khắp các làng. Một nhóm chuyên việc làm thơ và chép thơ trên những tấm giấy nhỏ để đi dán các nơi đình chùa

am-miêu, hoặc các cửa ngõ tư-gia.

Toàn là những bài thơ cách-mạng hô-hào «*Đồng-bào*» (2) rủ nhau do đám thanh-niên khoa-cử nho học chỉ huy, đi ra tỉnh xin bỏ các thứ râu-thú, vì đồng bào nghèo-khổ không có tiền nộp thuế. Một nhóm khác cũng đi khắp các làng, chuyên việc cầm kéo cắt tóc những đồng bào tình-nguyên theo phong-trào. Cuộc vận-động toàn tỉnh này, đa số dân-chúng không dám theo, nhưng vẫn có kết quả lớn-lao và kinh-khủng. Một số đồng «*Đồng bào*» — cũng có nghĩa là *Đồng-Chí* — hầu hết là thanh-niên Nho-học, tụ-hợp tại tỉnh, có trên năm trăm người, tóc cắt ngắn sát da đầu, ngồi chồm hóm chặt đường từ Cửa-Tây tỉnh thành đến trước cổng Tòa Sứ. Lúc bảy giờ vào khoảng giờ Thìn (8 giờ sáng), một buổi sáng đẹp trời, ánh nắng chiếu trên hai hàng cây sấu-dâu và cây dầu-lai-tây ngả rợp bóng xuống đường. Hai vị Quan «An-Nam» đầu tỉnh, — Tuần-vũ và Án-sát — lật-đặt sang hội-thương với «*Quan Công Sứ*», để tìm cách

(2) Vì thế nên người ta thường gọi là «*Giặc Đồng - Bào*».

đổi-phó. Một lát sau, Quan Sứ, quan Phó-Sứ, quan Giám-binh (4) và mười người Lính-tập (Lính khố-xanh) cùng với hai vị quan «An-Nam», ra trước cổng. Viên Công-Sứ truyền lệnh cho lính nạp đạn sẵn sàng và chia mũi súng ngay vào đám dân biểu-tình ngồi lặng lẽ. Viên Công-Sứ bảo quan Tuần-vũ hỏi:

— Các chú tụ hợp nơi đây để làm chi?

Mấy người ngồi hàng đầu đồng dặc trả lời:

— Bẩm Quan lớn, đồng bào nghèo đói không có tiền nộp thuế, xin Quan-lớn bẩm lại với quan Pháp-lang-sa tha bớt thuế cho đồng bào.

Viên Tuần-vũ dịch lại tiếng Tây cho người Pháp nghe. Người ta không biết quan «An-Nam» dịch tiếng Tây có đúng hay không, và ông có hiểu đúng những lời viên Công-sứ Pháp nói hay không, nhưng người ta chỉ thấy viên Công Sứ truyền lệnh cho lính khố-xanh bắn vào dân biểu tình.

Một loạt súng nổ. Một số người ngã lăn ra chết, máu chảy

lai-láng. Tất cả những người còn sống đều hoảng-hốt vọt đứng dậy chạy tán-loạn, trốn thoát ra phía Cửa Tây, bỏ lại trên đường gần ba chục xác chết. Quan «An-Nam» còn muốn bảo lính đuổi theo «*bọn Đồng-bào*» và bắn nữa... bắn nữa... nhưng viên Công-sứ Pháp khoát tay, không cho. Sau đó mấy hôm, các quan Huyện, quan Phủ được lệnh bắt đem nộp về Tỉnh một số đồng-bào mà đầu tóc cắt ngắn. Hầu hết đều bị ở-tù tại nhà lao tỉnh. Một số khác nhờ vợ ở nhà bán ruộng đất đem tiền ra tỉnh chuộc tội và lo-lót các quan, được khỏi tù.

Sự thực, đây chỉ là một cuộc biểu-tình «*xin râu*» của những «*Đồng bào*» không có khí-giới, không có bạo động, nhưng quan An-nam gọi là «*giặc*»: «*Giặc Đồng-bào*», và trong Sử do người Pháp viết cũng theo đó mà gọi là «*Giặc Cắt tóc*» (5)

Biến-cố xảy ra từ năm Mậu-thân, 1908, cách đây đã 8 năm rồi.

(4) *Chỉ-huy đồn lính khố-xanh.*

(5) *Guerre des Tondus.*

Nhưng đám thanh-niên Nho-học kể tiếp từ 1910 đến 1918 vẫn còn ghê sợ chuyện «cắt tóc bị tù» đến đôi họ vẫn không dám bắt buộc bọn «học-trò Nhà-nước» đã hót tóc «carré» theo kiểu Tây.

Trần-anh-Tuấn, mới bời nào hãy còn là thằng Chuột để một chòm tóc trên đầu, ở trần-trường cả ngày đi chơi rong ngoài đường phố, và sợ ông Tây bà Đầm như sợ cọp, mà nay đi học ở Huế về nghĩ hè, đem về một cái đầu tóc «cúp rế giữa», «văn-minh» quá, mới lạ quá, được bà-con cô-bác trong tỉnh trầm-trở ngắm-nghía...

Đám học-trò chữ Nho của Thầy Tú Phong, luôn luôn giữ đúng theo nề-nếp nhà Nho, và trung-thành với Khổng-giáo. Nhưng ông Tú cũng đã bị bắt và bị ở tù, nên họ phải đi học nơi một ông Thầy khác, ông này nhát gan, không dám theo phe «Đông-bào», mà cũng không muốn theo phe Tây. Học-trò của ông, — những thanh niên từ 11, 12 đến 24, 25 tuổi — thường đến chơi với Tuấn, và cứ chê cái học của Tuấn là không cao siêu như Khổng-học. Nhưng, dù sao, nghe Tuấn học bài *Récitation*, đọc thuộc lòng những bài thơ chữ Pháp và làm toán *Géométrie*, toán

*Algèbre*, học bài *Physique*, *Chimie*, bày chỉ những bản địa đồ Châu-Âu, châu Á, châu Mỹ vẽ đủ các màu, bà-con cô-bác và ngay trong đám học-trò chữ Nho, vẫn có nhiều người thềm-thường, và phục trò Tuấn «sát đất». Tuấn hành-diện một phần nào. Tuấn vui-vẻ tự thấy mình tuy còn nhỏ tuổi nhưng đã đóng một vai-trò khá đặc-biệt trong đám thanh thiếu-niên và được nhiều người trong tỉnh khen-ngợi.

Nhưng Tuấn vẫn áy-náy trong lòng. Tuấn rất lo-ngại vụ ông Đốc trường Quốc-học hăm viết thư mết với ông Sứ ở tỉnh nhà về chuyện Tuấn bị tình-nghi là theo đảng Vua Duy - Tân ở Huế. Tuấn thềm mong ông Sứ không biết gì về chuyện ấy cả, để Tuấn được tiếp-tục đi học ở Huế. Tuấn mới có 13 «tuổi Tây», 14 «tuổi ta», hãy còn bé quá, cho nên có lúc bồng-bật hăng-hái, nhưng vẫn có lúc lo sợ tù-tội.

Theo lời nhiều người bà con khuyên-bào, Tuấn phải đến chào ông Sứ, vì ông đã cấp học-bổng cho Tuấn đi học ở Huế. Tuấn có đến thăm tất cả các thầy Giáo

cũ ở tỉnh, các Thầy cũng đều bảo Tuấn phải đến trình-diện «Quan-công-Sứ». Tuấn mặc áo dài đen bằng vải «trắng-đầm», mang guốc, đội mũ, đến Tòa sứ một buổi sáng ngày Thứ Hai, sau khi về nhà được hơn nửa tháng. Tuấn nghĩ rằng đến đây chắc sẽ gặp Thầy Ký Thanh, và sẽ truyện trò thích thú lắm. Tuấn sức nhớ chính mình đã dạy Thầy Ký Thanh học A, B, C, hỏi Thanh còn là nho-sĩ... chưa đọc được bức thư chữ quốc-ngữ của cô Ba Hoi... Nhưng bây giờ Thanh đã làm Thầy Ký Tòa-sứ, Tuấn còn là học-trò, mặc dầu là học-trò trường Quốc học Huế. Và lại Thanh đã 23 tuổi, Tuấn mới có 14 tuổi, hãy còn con nít quá. Tuấn vẫn tự thấy mình hãy còn là «thằng Chuột»... Tuấn thập-thò ngoài cửa Tòa sứ một lúc rồi mới bạo-dạn bước vô. Trông thấy rõ thầy Ký Thanh đang ngồi bàn giấy làm việc, Tuấn cắt mũ chào và tươi cười vui-vẻ đến gần. Nhưng Tuấn mắc-cở và ngạc-nhiên hết sức: Thầy Ký Thanh trừng mắt ngó Tuấn, với nét mặt khinh-khinh, không thềm chào lại, không hỏi một tiếng. Lạ hơn

nữa, là Thanh nguyệt Tuấn một cái, rồi đứng dậy quay lưng đến gõ cửa văn-phòng «Quan Công Sứ», có vẻ bí-mật... lạ-lùng! Tuấn tần-ngần, đứng đấy một lúc thì Thanh từ trong phòng ông Sứ mở cửa bước ra, đi thẳng tới Tuấn, nghiêm-trang bảo:

— Trò Tuấn, trò về nghĩ-hè mấy bữa rồi, sao bữa nay trò mới tới chào Cụ lớn Sứ?

Tuấn hơi lúng-quýnh, trả lời đại cho êm xuôi:

— Tôi mới về mấy bữa rày anh Thanh à...

Thanh trở mặt bảo:

— Kêu tôi bằng «Thầy Ký», chớ không được kêu tôi bằng «Anh», nghe chưa? Cụ lớn truyền lệnh trò phải vô hầu Cụ lớn để Cụ lớn hỏi. Lần này trò đi ở tù!

Tuấn hồi-hợp lo-sợ, đi theo sau Thanh. Tuấn tự hỏi thăm: Sao lại đi ở tù? Có điều chi nguy hiểm dữ vậy? Đến cửa Văn phòng, trước khi đẩy cửa vào, Thanh đứng lại, lấy ngón tay chỉ đôi guốc Tuấn, và truyền lệnh:

— Bỏ guốc ra! Vô hầu Cụ lớn Sứ mà trò dám mang guốc à?

Tuấn nghe lời, bỏ guốc, đi chun không. Thanh lại chỉ cái mũ :

— Bỏ mũ xuống đất, không được cầm trong tay.

Tuấn cũng nghe lời, đặt mũ xuống một bên cánh cửa, gần xó tường.

Thanh lại cho lệnh :

— Trò đứng đây. Chùng nào Cự lớn Sứ cho phép vô mới được vô.

Tuấn làm thinh, đứng yên một chỗ.

Thanh khê gõ cửa. Tuấn nghe rõ tiếng ông Sứ nói trong văn-phòng :

— Fais-le entrer. (Cho nó vào).

Thanh khê mở cửa, và dặn Tuấn :

— Đi theo sau tôi, nghe không ?

Thanh mang giày hạ, nhưng đi nhón gót, sợ-sệt, từng bước một. Tuấn đi sau. Thanh đã làm cho Tuấn hoảng sợ, làm Tuấn cứ tưởng ông Sứ sẽ ăn thịt Tuấn, nếu không thì cũng sẽ đánh Tuấn mấy bạt tay nẩy lửa như ông Đốc học Huế, rồi gọi lính còng tay Tuấn, bắt Tuấn đem đi bỏ tù...

Bàn giấy ông Sứ kê gần cửa sổ sơn xanh, có ánh nắng vàng và các chậu hoa tươi nở rất đẹp. Ông Sứ đang soạn hồ-sơ gì trên bàn, Tuấn mới đi vào đến giữa phòng, cách bàn giấy năm sáu bước nữa thì Thanh bảo Tuấn đứng lại. Tuấn hồi-hộp quá, vòng tay trước ngực như sắp sửa chịu tội.

Nhưng Ông Sứ ngược mặt ngó Tuấn, và cười nói :

— Ah ! Le voilà, mon mouton... de... Panurge. Approche-toi ! (À, nó kia, con cừu... của Panurge. Lại gần đây !)

Tuấn khúm-núm bước đến gần. Nhưng Tuấn rất không ngờ được ông Sứ đưa tay ra :

— Bonjour, mon petit ! (Chào cậu bé của tôi !)

Tuấn cúi đầu lễ-phép đưa tay để bắt tay ông Sứ, và lăm-bắm tiếng Pháp :

— Bonjour, Monsieur le Résident. (Xin chào quan Sứ).

Thầy-ký Thanh thấy Tuấn được « Cự lớn Sứ » bắt tay chào, thầy càng tỏ vẻ thù ghét Tuấn lắm. Thầy hăm-hăm nét mặt, nhưng chỉ đứng vòng tay im lặng sau lưng

« Cự-lớn Sứ », vì Tuấn có thể đổi đáp bằng tiếng Tây với ông Sứ, không cần phải ký Thanh thông-ngôn. Tuấn nói tiếng Pháp còn trôi-chảy hơn Thanh nữa.

Với một giọng dịu-dàng, gần như thân mật, Ông Sứ hỏi Tuấn về sự học hành ở trường Quốc-học và các giáo-sư như thế nào. Tuấn bình-tĩnh trả lời từng câu, suông-sẻ. Xong, ông Sứ ngó xuống hồ-sơ trên bàn, và bảo Tuấn :

— Tao biết mày học giỏi. Tao được ông Đốc-học trường mày gửi về tao các bản báo-cáo tam cá-nguyệt về các môn học của mày trong năm. Tao bằng lòng lắm. Mày xứng-đáng với học bổng của tao cho. Nhưng có một điều tao rất không bằng lòng, là cuối niên-khóa mày đã bị ông Đốc-học cho nốt xấu trong học-bạ... Theo công văn của ông Đốc vừa gửi cho tao thì mày là một « đầu óc xấu », mày nghe lời người ta dụ-dỗ theo phe-đảng Vua Duy-Tân... Phải không ?

Nghe đến đây Tuấn tái mặt, nhưng ông Sứ nhìn Tuấn với cặp mắt khoan-hồng :

— Mày dự vào chuyện đó làm chi thế, hã Trần-anh-Tuấn ? Mày

còn bé quá... mày phải chăm học. Mày không thể bắt chước Vua Duy-Tân được. Ông Đốc-học hỏi ý-kiến tao về trường-học của mày, tao nên tiếp tục cho mày học bổng, hay tao bắt bỏ tù mày ? Nhưng tao thương mày là con nít, vì mày học giỏi. Và mày là đứa học-trò đầu tiên của tỉnh này được học trường Quốc-học. Tao muốn giữ danh-dự cho tỉnh nhà. Vậy mày cũng phải hứa danh-dự với tao rằng từ nay mày đừng làm chuyện bậy-bạ nữa thì tao không bỏ tù mày, và tao tiếp tục cho mày học bổng để mày học cho đến thi đỗ bằng Thành-chung. Mày có hứa với tao không ?

— Dạ, thưa quan Sứ, con xin hứa.

— Chắc không ?

— Thưa chắc.

— Được rồi. Nếu mày không giữ lời hứa, thì không những mày sẽ không được học nữa mà mày sẽ còn bị... bỏ vào nhà-pha !

Ông Sứ nói tiếp :

— Thôi, bây giờ tao chúc mày nghỉ hè vui-vẻ, và nhất là không được tham-dự vào những việc

xấu-xa. Mày nghe không ?

— Dạ nghe.

Ông Sứ đưa tay bắt tay Tuấn. Tuấn cúi đầu lễ phép bắt tay từ-giã ông tỉnh-trưởng Pháp.

Thanh đưa Tuấn ra cửa, rồi khép cửa trở vào bàn giấy ông Sứ. Ông Sứ bảo Thanh :

— Mày thấy không ? Thành học trò trẻ tuổi ấy biết nghe những lời khuyên bảo khôn-ngoan của tao. Sao hôm nọ mày lại xin tao bỏ tù một đứa con nít ngày thơ-hiền lành ?

— Bẩm Cự Sứ, nó là một đầu óc xấu xa. Nó dám chống lại nước Đại-Pháp.

— Chưa chắc. Dù nó có đầu-óc

xấu-xa như ông Đốc-trưởng Quốc-học đã phê trong học-bạ và viết trong công-văn, nó cũng có thể hối-cải được, nếu người ta biết khuyên răn nó. Như tao đã làm lúc nãy.

— Bẩm Cự Sứ, cha thành Tuấn là chú thợ mộc đốt-nát mà có còn học ở Huế... Nó không đáng được học bổng của Cự lớn...

— Mày ganh ghét với nó hả ? Thế sao mày không đi Huế học như nó ? Cha mày làm lý-trưởng có nhiều tiền bạc cơ mà !

Ký Thanh ngậm-câm. Ông Sứ cầm xấp hồ-sơ của Trần - anh - Tuấn, bảo chàng đem cất lại trong tủ.

(Còn nữa)



## ★ THỰC-TẾ

Sau giờ hát ở phòng trà, ba nữ ca-sĩ ra về. Đọc đường họ tán nhau :

A — Người chồng lý tưởng của tui mày thì sao ? Chứ riêng tao, người chồng lý tưởng phải nghệ sĩ, phải biết ngâm giã.

B — Còn tao, chồng tao phải là một sĩ-quan cao cấp, đẹp trai...

C — Riêng tao, chồng tao sẽ là một người lái xe tắc xi chở tao mỗi ngày đến phòng trà là được !!

THÚY-ANH  
(Phan thiết)

# CÁI CHẾT CỦA VUA QUANG-TRUNG

★ THIÊN-SINH

**P**HỒ-Thông tạp-chí số 62 ra ngày 1-8-61 có đăng một bài lịch-sử của ông Nguyễn-thượng-Khánh. Trong bài đó, ông N.T.K. nêu lên một nghi-án lịch-sử : Cái chết của Quang-Trung Hoàng đế, đồng thời nói rõ về lai lịch giòng Nguyễn-lê-Phái.

Nhận thấy vấn-đề khá quan-trọng, tòa-soạn đã cần thận có mấy lời giới thiệu cũng như sẵn sàng mở rộng diễn đàn đón tiếp tất cả các nguồn sử-liệu và các dư-luận.

Chúng tôi, không phải là sử

gia nhưng vốn ham tra-cứu lịch-sử, xin mạo muội đưa ra những sử-kIỆN sau đây để Quý vị độc-giả tiện bề đối chiếu với những điểm trọng-yếu trong thiên biên-khảo của ông Nguyễn-thượng-Khánh :

1. Hoàng-tử LÊ-DUY-MẬT không phải anh ruột của Ngọc-Hân Công-Chúa, con vua Lê-hiền-Tông.

2. CON của Lê - hoàng-Phi không chết ở Cao-bắc-lạng.

3. Việc vua Quang-Trung cầu hôn và đòi đất Lương Quảng.

4. Cuộc hôn-phối của Quang-

Trung và Ngọc-Hân.

5. Cái chết của vua Quang-Trung.

● Về điểm thứ nhất, ông N.T.K. cho rằng tổ bốn đời của ông là Hoàng-tử LÊ-DUY-MẬT, sống vào thời Quang-Trung tại ngôi. Nhưng xét sử-sách thì nhân vật Lê-Duy-Mật đã mất từ năm 1769, tức là năm anh em Tây-Sơn chưa phát cờ dấy nghĩa. Theo sách "Thông giám cương-mục", Lê-Duy-Mật là con thứ mười một vua Lê-dụ-Tông (1706-1729). Năm 1729 Trịnh-Cương ép vua Dụ-Tông từ ngôi, rồi Trịnh - Giang lại giết vua Lê-Duy-Phượng (anh Duy-Mật), Duy-Mật cùng với hai hoàng-thân Duy-Quý và Duy-Trúc trốn vào thượng-du Thanh-hóa chống lại họ Trịnh. Năm kỷ-sửu (1769), các tướng của Trịnh - Sâm là Bùi - thế - Đạt, Nguyễn-Phan, Hoàng-dinh-Thê đem quân phong-tỏa núi Trình-Quang (thuộc Trấn-Ninh), Duy-Mật bị người con rề là Lại-Thế-Chiêu phản bội mở cửa lũy cho quân Trịnh vào. Mật biết không thoát chết, liền cùng gia-quyển tự đốt mà chết.

Xem như thế, việc Lê-Duy-Mật chiêu binh mãi mã gây dựng

ngiệp Lê vào lúc Lê-chiêu-Thống lưu vong và Ngọc-Hân Công-chúa là em ruột Duy-Mật do ông N.T.K. thuật, đều là những việc ngoài lịch-sử. Bởi lẽ Duy - Mật là chú ruột vua Lê - hiền - Tông. Hay là ông Thượng - Khánh muốn nói Lê-Duy-Mật nào khác chăng ?

● Điểm thứ hai, ông N.T.K. viết : «CON NHỎ của Lê-hoàng-Phi chết khi ở Cao-bắc-lạng.»

Việc này "Hoàng - Lê Nhất - thống-chí", chép như sau : ... Lan-quận-công Lê-Duy-Chỉ đã chết, Hoàng-Phi bèn trốn về Kinh-bắc, lẫn-lút ở đám dân-gian. Bấy giờ vua Lê-chiêu-Thống, Thái-hậu và NGUYỄN-TỬ trợ ở cửa Tây-Định trong thành Yên-kinh (Tàu). Tới mùa hè năm Nhâm - Tý, Nguyễn-Tử lên đàu rồi mất. Vua Lê lại càng lo nghĩ, nhuốm bệnh rồi chết theo. Tháng giêng năm Gia-Long thứ 2 thì đem hài cốt về. Hoàng-Phi Nguyễn-thị-Kim nghe tin đó, đến đón trước án khóc rất thảm-thiết, bảo Diên-tự-Công rằng : «Ta nhân nhục ở nơi thôn quê kể đã 15, 16 năm trời, không phải không có ngày nào chết được. Chỉ vì Thái-hậu và

vua ta, con ta vẫn ở bên Tàu, âm-tín không thông, còn mắt không rõ, nên ta còn đợi. Nay Thái-hậu và vua ta đã mất, con ta cũng chết, lịnh giá đã về nước nhà, thế là việc ta xong rồi, ta nên chết theo để xuống hầu hạ sơn lâm mới phải. Rồi Hoàng-Phi uống thuốc độc tự-tử (HLNTC hồi thứ 19).

● Điểm thứ ba, nói về cuộc cầu hôn và đòi đất lương Quảng của vua Quang-Trung, sử sách xưa nay vẫn có hai thuyết. Một, cho rằng hai sự việc trên mới chỉ còn trong vòng dự-định của nhà vua. «Hoàng-lê Nhất thống-chí» chép : Vua Quang-Trung lập xong phương-lược đánh Tàu, bèn sai bề tôi là Nguyễn-Chiêu-Viên sang Tàu dân biểu cầu hôn và đòi đất hai tỉnh Quảng. Việc đó không phải bản tâm của Ngài, ý Ngài muốn thử nhà Thanh đó thôi. Chẳng ngờ sứ-giã chưa đi, Ngài bỗng bị bệnh mà mất.

Sách «Nguy - Tây - Sơn liệt truyện» trong «Đại-Nam Chính biên» cũng cùng một ý trên : Năm Nhâm-Tý (1792), Huệ sai làm tờ biểu sang Thanh cầu hôn để dò ý vua Thanh và cũng mượn cơ đó để gây việc binh. Gặp mắc bệnh nên không có việc đi ấy..

Thuyết khác cho rằng hai việc trên đã được thực hiện. Thuyết này dựa vào tài-liệu chép trong gia-phả họ Vũ, do Vũ-vĩnh-Thứ, cháu ba đời của Vũ-văn-Dũng (thượng tướng của Quang-Trung) soạn năm Bình-Ngo, niên-hiệu Tự-Đức thứ 22 (1870) (1). Theo đó thì Vũ-văn-Dũng nhận được ở Ý-lương-Các, dâng tấu chương thứ hai xin vua Thanh ban cho lương Quảng làm đất đóng-đò và gả một vị Công-Chúa để gây cho nước biên-thùy cái phong-hóa của Trung-Quốc. Hai việc ấy tuy được chấp-y cả, nhưng vua Thanh chỉ thuận cho một tỉnh Quảng-Tây thôi. Còn việc định gả công chúa thì đã tiến được bước dài hơn.

Sau ngày tiếp Nam-Sứ ở Ý-lương-Các, Vua Thanh liền sai bộ Lễ sửa-soạn nghi lễ việc cưới gả, định ngày cho công-chúa sang Nam đẹp duyên với Quốc - Vương (Quang-Trung).

Nhưng sau đó mấy hôm. Vũ-văn-Dũng nhận ngay được tin chẳng lành : Vua Quang-Trung mất ! Mọi việc lỡ dở, bọn Dũng đành ôm mối hận tử về (2).

(1) Tài liệu này có đăng trên báo Trung-bắc chú-nhật số tết Quý-mùi (1943) trang 20, 21, 28.

(2) Quang-Trung Nguyễn-Huệ của Hoa-Băng.



Còn một thuyết thứ ba nữa, nhiều sách cho rằng vua Quang-Trung có phái sứ bộ sang yêu sách hai việc cầu hôn và đòi đất lương Quảng. Nhưng khi sứ bộ đến nơi thì được tin vua Quang-Trung mất, họ bèn đem tờ biểu khiêu khích ấy đi mà đòi làm tờ biểu cáo ai, báo tin buồn cho Thanh-triều biết.

Những điều ông N.T.K. viết trong Phò-Thông số 62 : « Vua Càn-Long còn tính một mặt cứ cho đem công-chúa lên đường sang Việt-Nam, và một mặt vua Quang-Trung phải thân ra biên ải để đón vợ. Và lễ động-phòng hoa-chúc sẽ lập ra ở tại chỗ mà hai bên gặp nhau ; sửa sang Quán-địch để tiếp đón công-chúa con vua Càn-Long, và Hoàng-đế Quang-Trung. Lễ giao bôi hiệp cần sẽ cử hành tại Ai Nam-Quan, tuyệt nhiên không thấy sử sách nào chép cả. Và chẳng, trong đoạn thuật sự của ông Nguyễn-Thượng-Khánh xem ra dường như có chỗ mâu-thuần. Ấy là : lễ động phòng hoa-chúc sẽ lập ra ở tại chỗ mà hai bên gặp nhau ; rồi lại : lễ giao bôi hiệp cần sẽ cử hành tại Ai Nam-Quan. Thuật sự của

ông N.T.K. trước sau chẳng như nhất.

● Điềm thứ tư, thuật cuộc hôn-phối ngoại-giao giữa Nguyễn-Huệ và Ngọc-Hân, ông N.T.K. viết : « Đã không phải là một cuộc hôn-phối tốt đẹp, lễ tự nhiên có một sự oán hờn bên trong » và « nếu không vì chữ hiếu thì Ngọc-Hân đã có thể chết được khi nàng được tin phải làm vợ của một tướng Tây-son ».

Cuộc hôn phối này, trong Hoàng-lê nhất-thống-chí (3), hồi 7, có chép rõ là Nguyễn-hữu-Chỉnh đứng làm mai-mối. Sách ấy chép lễ nghênh-hôn như sau : Khi xe công-chúa (Ngọc-Hân) đi tới cửa phủ, Bình (Nguyễn-Huệ) tự ngồi kiệu rờng ra đón... Công-chúa vào cung, Bình đặt

(3) Chúng ta có thể tin nơi Hoàng-lê Nhất-thống-chí chép việc anh em Tây-Son, nhất là Nguyễn-Huệ, vì tác-giả sách ấy là Ngô-thì-Chí đã từng theo Lê-chiêu-Thống, dâng kế sách « Trung-hung » để chống lại Nguyễn-Huệ.

tiệc ở ngoài để thiết các hoàng-thân, hoàng-phi và các quan đi đưa dâu. Tan tiệc, Bình sắp hai trăm lạng bạc, sai quân đưa ra ngõ lời kính tặng các vị nhà gái và tiễn ra khỏi cửa phủ... Các quan ra về lại họp tại nhà công-đường bộ Lễ, ai nấy đều khen nhà vua kén được giai-tế...

« Công-chúa lúc đầu cũng hơi e thẹn, sau cũng lấy làm yên. Bữa vào lễ yết các tiên-hoàng-đế ở nhà Thái-miếu, lúc lễ xong, Công-chúa và Bình cùng đóng kiệu về phủ. Một hôm Bình hỏi công-chúa : « Con trai con gái nhà vua đã có mấy người được sung-sướng như Chúa ? » Công-chúa đáp : « Nhà vua ít lộc, con trai con gái cũng thanh - bạch nghèo khó. Riêng tôi có duyên lấy được Nguyễn-súy, cũng như hạt mưa bụi ngọc, được sa vào chốn lâu đài thế này là sự may mắn của tôi mà thôi. »

Đến khi vua Lê-hiến-Tông băng hà, việc ninh-lãng đều do Nguyễn-Huệ lo chu tất cả. Công-chúa đã hạ lời tạ ơn : « Nhờ về công-dức của Nguyễn - Súy, tôi được báo hiếu với hoàng khảo, mở mắt với anh em, tục-ngữ nói : « trai không ăn mày vợ, gái phải ăn mày chồng » chính là nghĩa thế ».

Lại cũng sách ấy (H.L.N.T.C

hồi 7) cho biết vì tiết lộ sự việc trong hoàng-phái với Nguyễn-Huệ và phản đối lễ đăng cực của Lê-chiêu-Thống, Ngọc-Hân bị tông-thất nhà Lê đổ cho cái tội « làm lỡ việc lớn » và đòi xóa bỏ tên trong sổ họ.

Những sự đó chứng tỏ rằng cuộc hôn phối của Nguyễn-Huệ và Ngọc-Hân không phải là không tốt đẹp. Hơn thế, Ngọc - Hân còn dựa vào thế Nguyễn-Huệ để ngăn cản lễ tức vị của Lê-chiêu-Thống, người mà Ngọc-Hân đã ti-tê với Nguyễn - Huệ là « tầm thường » có thể làm hỏng ngôi Lê, thì thật không phải có sự oán hờn và có thể chết được khi phải làm vợ một tướng Tây-son.

● Điềm thứ năm, cũng là điềm quau-trọng hơn cả, ông N.T.K. cho rằng Vua Quang-Trung chết vì bị Ngọc - Hân công-chúa đầu độc. Về điềm này, bộ sử của Thanh - triều là « Đại - Thanh thực - lục » có chép rõ ràng : « Theo Trần Dụng-Phu tâu, thì Nguyễn Quang-Bình (tức Nguyễn-Huệ), ngày 29 tháng chín, mất vì bệnh ». (4)

Trên đây là những sử-liệu chúng tôi xin mạn phép đưa ra đề đối chiếu cùng tài-liệu của ông Nguyễn Thượng-Khánh.

(4) Tài-liệu của Hoàng-xuân-Hân đăng trong báo Dư Luận số 28 xuất bản ở Hà Nội năm 1946.



# LẶNG BUỒN

Ghi lại những gì đã đi qua hồn tôi và đi mãi...

Thân-yêu nhất là những gì đã mất  
Mà tôi không tìm lại được bao-giờ !  
Quãng-đời qua sao chẳng khác giấc-mơ  
Tôi nghĩ lại thấy bao là cay-đắng !  
Nhưng chẳng lẽ nuốt sầu trong thâm lặng  
Giữ lệ buồn trong ánh mắt ai-bi ?  
Đời đã cho, đã trao lại những gì  
Tôi sẽ viết, viết hoài cho bớt khổ...  
Tôi còn nhớ ngày xưa vào những độ  
Tuổi ngây-thơ hơn-hở bước đến trường  
Lần đầu tiên tưởng đời đượm sắc hương  
Nay mới biết rằng « đời » đâu phải thế !  
Giòng máu thấm tràn, lưu trong châu thê  
Của tở-tiên để lại mấy đời qua :  
Yêu văn-chương, mến mãi nước non nhà  
Tình hoài xứ vẫn chung hòa bền-chặt  
Ngày trôi đi, lòng tôi càng thắc-mắc  
Tim càng đau, khi thấy tuổi dần cao  
Nhưng làm sao để nắm giữ chuyển tàu  
Xuôi chậm lại cho biển đời lặng sóng

Tháng năm chóng, đời chỉ toàn giấc mộng  
Gieo buồn vui trong một chốc mà thôi  
Ai vô-tư, nhân thế cũng đủ rồi  
Lòng không chút bụi-ngùi thương, tiếc, nhớ  
Riêng mình tôi, tôi thấy hồn bơ-ngỡ  
Khi lặng nhìn, từng tấm lịch bay đi  
Tim nghẹn-ngào như thấy mất cái gì...  
Mà... từ đó nó dần... xa tôi mãi...  
Nhớ dĩ-vãng, mến-yêu đời hiện-tại  
Mong thế hoài, tôi chẳng muốn tàn-phai  
Sống hôm nay, sao tôi tiếc những ngày...  
Dẫu một phút, vẫn thấy hồn lưu-luyến  
Trong ký ức chất chứa nhiều câu chuyện  
Vui lẫn buồn, cả những lúc chua-cay  
Tôi nghĩ luôn, và tưởng-tượng ngày-mai  
Đàn chim ấy tung-cánh về muôn ngả  
Rồi ngày kia ở phương-trời xa-lạ  
Gặp lại nhau biết còn nhớ nhau không ?  
Hay nhìn nhau vớt đôi mắt lạnh-lùng ?  
Vì quên đi những gì xa xưa nhất  
Bây giờ đây, lòng tôi đương ngáy-ngất  
Men chiều về lành-lạnh mảnh hồn tôi  
Nhớ làm sao, thương-tiếc quá đi thôi !

NGỌC - DIỆP

(Chợ-lớn)



# Một giấc Mơ hoa



★ DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P.T. 66)

## ★ Chủ-nhật 6 - 5.

Hôm qua Loan mời 7 giờ tối đến nhà Loan ở đường Trần-quý-Cáp, dự tiệc mừng lễ sinh-nhật của Loan. Loan căn-dặn : « Thế nào Hồng cũng đến nhé. Hồng không đến, Loan giận đấy. Có *Bal de famille* (1). Loan mời nhiều bạn trai lắm, và khiêu-vũ đến tưng-sướng. Chắc vui nhộn ! » Hồng hăng-hái nhận nhời ngay, tuy Hồng không biết khiêu-vũ. Vì là lần đầu-tiên Hồng được mời dự

(1) Khiêu-vũ trong gia-đình.

## MỘT GIẤC MƠ HOA

một dạ-hội khiêu-vũ trong gia-đình, Hồng không muốn bỏ qua cơ-hội để xem cho biết một cuộc « *Bal de famille* » như thế nào.

Lúc Hồng xin phép thì Thầy và Mẹ phê-bình như thế này : « Chắc Bố Mẹ cô ấy giàu lắm và thích sống theo nếp sống của Âu-Mỹ, chứ con gái Việt-nam 16, 17 tuổi, mà đã cho mở *Bal de famille*, cho mời bạn trai đến nhà để khiêu-vũ sáng đêm, thì... tự-do quá lắm ! »

Hồng có cho Thầy Mẹ biết : Ba Má Loan cũng là người Bắc nhưng ở trong Nam đã lâu, hiện Ba Loan làm một chức lớn trong chính-phủ. Má Loan thì không làm gì, chỉ thích đồng-bóng và cò-bạc suốt ngày, theo lời Loan nói. Gia-đình Loan không có đồng con-bà chị-cả của Loan lấy chồng làm dược-sĩ, và cũng đánh bạc tối ngày. Anh của Loan làm kỹ-sư lấy vợ vũ-nữ, vì Ba Má Loan không nhìn-nhận người vợ ấy nên ông kỹ-sư tức giận tậu nhà ở riêng với tình-nhân, không thèm trở về gia-đình. Loan là con thứ ba, và cũng là con út. Vì thế, Ba Má Loan cưng Loan lắm, Loan tự-do giao-thiệp với bạn-bè, kể cả bạn gái. Bất cứ Loan muốn gì, ông Cụ bà Cụ cũng chiều theo cả.

Nhưng Hồng đại-dột kể rõ cả lý-lịch của Loan cho Thầy Mẹ nghe, thành ra Mẹ không muốn cho Hồng chơi thân với Loan, và không cho đi dự dạ-hội khiêu-vũ của Loan. Hồng không dám nói thật với Mẹ rằng Hồng đã nhờ nhận nhời với Loan rồi. Hồng chỉ bảo trong lớp Loan không mời ai cả trừ ra ba đứa với Hồng nữa là bốn, vì Hồng ngồi cùng bàn với Loan và lại ngồi cạnh Loan. Hồng sợ rằng từ-chối thì Loan giận... Rốt cuộc Thầy Mẹ bằng lòng cho đi, nhưng chỉ cho phép đi đến 10 giờ thôi. 10 giờ Thầy Mẹ sẽ cho chị Mai hay chị Vân đến đón Hồng.

Hồng mừng quá. Hôm qua diện « một cây » để lấy « le » !! Nhưng khi trông thấy Hồng mang giày cao gót (của chị Mai), Mẹ la dữ-tợn ! Mẹ bảo : « Theo phép xã-giao của phụ nữ các nước văn-minh tân-tiến, con gái chưa đến tuổi trưởng thành không

nên mang giày cao gót. Mẹ đã bảo, con quên rồi ư ? Con gái vẫn có quyền trang - điểm cho tăng thêm vẻ đẹp, nhưng duyên-dáng mà phải thanh-nhã, thùy-mị, nhất là y-phục cần phải thích hợp với phép lịch-sự, đừng bắt chước mấy cô gái không đứng đắn chỉ học-dòi văn-minh rởm. Người thức-giả trông thấy, sẽ cười cho !»

Hồng dặt mình, le lười, vội-vàng cắt ngay đôi giày cao-gót mà chắc 5 năm nữa bà Cụ mới cho mang !...

Đến nhà Loan, Hồng để-ý ba con bạn cùng lớp và vài cô nữa cũng mang giày thấp như Hồng. Loan thì nhất định... «giày cao gót muốn năm», bắt - chấp cả xã giao. May là có Hạnh, Kim và Thảo, nếu không thì Hồng mắc-cổ chết ! Bạn gái của Loan sao mà đông thế ! Có đến 20 cậu là ít ! Loan bảo : toàn là anh em trong họ, và bạn của mấy anh ấy. Loan giới thiệu, nào là sinh-viên Văn-khoa, Luật-khoa, Y-khoa, nào là Sinh-viên Sĩ-quan Thủ-Đức, Trung-úy, Thiếu-úy, Giáo-sư v.v... Thiếu-nữ cũng độ 20 cô, trừ 4 đứa Gia-long còn thì nữ-sinh Nguyễn-bá-Tòng, Trí-Đức, và mấy bà-con họ hàng của Loan kẻ bán hàng, người công-chức, tư-chức, nữ-y-tá. Loan lăm bạn thật ! Chả trách nó giao thiệp rộng.

Lạ nhất là không thấy nó mời anh chàng đeo kiềng trắng. Trong đám con gái, xừ nào là «bồ bịch» của Loan ? Hồng để ý có ba chàng cứ theo kè-kè bên Loan, một chàng chuyên môn uống *Champagne*, và hút thuốc thơm, một chàng ưa xô tiếng Anh, và một chàng đeo cái nơ bươm-bướm vàng như nghệ. Ba Loan từ trên lầu xuống bắt tay mọi người, và niềm-nở trò chuyện. Má Loan cũng có mặt, một lúc sau thì ông bà rút lui đi đằng nào, không ai để-ý đến nữa. Loan làm chủ nhà, có hai ba cô em họ giúp đỡ, mời-mọc, chạy ra chạy vào lảng-xăng, nhí-nha nhí-nhảnh với mấy chàng trai...

Mấy cô và mấy cậu nó đùa rất tự-do, và rất tự-nhiên. Tiếng Pháp, tiếng Anh, xen vào tiếng Việt, champagne, bisquit, lẫn với các món mặn,

có cả cháo gà, gỏi gà, nem nướng !... Riêng có 4 đứa Gia long này thì ngồi đờn lại một chùm, cũng cố gắng hòa mình vào cuộc liên hoan nhộn-nhịp, nhưng vẫn ngượng-ngượng làm sao ấy. Không thể nào có những cử-động quá tự-nhiên và những câu nói nhiều khi quá trơ-trẽn như bọn họ. Mấy đĩa hát trở lên các bản nhạc ngoại-quốc, gây ra một không-khí tương-bưng. Một chàng đề-nghị với Loan «cho phép vừa ăn vừa khiêu-vũ», đang ăn đứng dậy nhảy, nhảy rồi ăn, ăn rồi nhảy ! Rồi lại ăn, rồi lại nhảy... Bọn con gái vỗ tay rầm rầm, la hét rùm lên «Tán thành ! Tán thành !» Họ háng-hái đẹp bản ăn và các ghế xa-lông ra hai bên, để khoảng giữa làm «Vũ-trường». Nhưng có vấn đề nan-giải : Trong 22 cô thiếu-nữ, chỉ có 12 cô biết nhảy, còn 10 cô không biết, trong đó có cả tụi Gia-long 4 đứa, tụi này còn «con nít» chẳng biết nhảy nhót là gì cả. Loan bảo thế này chứ : «Tụi bay cứ để mấy anh ôm nhảy bừa đi cho vui, chứ chả nhẽ ngồi làm giám-thị à ? » Bốn chàng Sinh-viên sĩ quan cứ đứng nần-nỉ : «4 đứa chúng tôi cũng không biết nhảy như 4 cô. Chúng ta không cần biết nhảy. Nhưng chúng ta cứ nhảy. Rồi chúng ta sẽ biết nhảy»... Chàng nào cũng sặc mùi rượu. Nhưng Hồng và Hạnh, Thảo, Kim, đều nhất định xin miễn. Thế rồi 4 chàng đành ôm nhảy với nhau... Rốt cuộc, có 12 cặp trai gái khiêu-vũ và 5 cặp đàn ông nhảy với nhau. Hết một bài, bọn đàn ông lại thay phiên.

Theo như Thầy thường nói chuyện với Mẹ, vì ông Cụ trước kia hồi còn thanh-niên, cũng là một tay khiêu-vũ khét tiếng ở Hà-nội, thì môn khiêu-vũ có những lệ-luật thanh-nhã mà đôi nam nữ cần phải theo đúng đắn, vì khiêu-vũ là một bộ-môn nghệ-thuật chứ không phải một trò dâm-dăng. Tuy Hồng không biết nhảy-nhót, nhưng nghe Thầy nói thế, và thấy người Âu-Mỹ khiêu-vũ trong các đám tiệc xã-giao, lịch-sự, thì Hồng cũng cho rằng Khiêu-vũ là một môn nghệ-thuật tế-nhị. Nhưng đêm hôm qua, chứng kiến cuộc «Bal de famille» ở nhà Loan, nhìn những cặp trai gái ôm xiết vào nhau, dính chặt vào nhau, đến đôi má kè sát má, môi kè sát môi, thành thực Hồng thấy ngứa mắt, không chịu được. Không những riêng Hồng, cả Thảo, Kim, Hạnh, đều có cảm-trông như Hồng, rằng đây là một trò khiêu-dâm chứ không phải là

khieu-vũ. Cặp nào cũng lằng-lơ như cặp nào, thành ra họ cho là rất tự-nhiên, không còn biết trơ-trên lỗ-lăng nữa.

Bốn đứa Gia-long đồng lòng ra về. Đợi hết bài đàn, Hồng bảo Loan :

«Thầy Me Hồng chỉ cho phép Hồng đến chơi với Loan đến 10 giờ thôi. Bây giờ đã 10 giờ, Hồng rất tiếc phải xin từ-giã, và chúc Loan vui-vẻ đêm nay với các bạn». Hạnh, Kim, Thảo cũng xin về.

Ra đường, Kim bảo : «Kim không ngờ Loan lằng-mạn quá.»  
Thảo phê-bình : «Hình như Ba Má của Loan để cho Loan tự-do, nên Loan mới thế chứ!» Hạnh bảo : «Cái tự-do ấy, Thảo xin bái!»

Chả trách, có lần Loan nói với Hồng : «Loan thích theo chủ-nghĩa Jean Paul Sartre, tận-hưởng những thú vui của đời sống hiện-tại. Ngoài ra, đạo-đức, luân-lý, danh-dự, gia-đình, quốc-gia, xã-hội, vớt!»

Hồng chịu thua !

(Còn nữa)

**KINH LÝ VĂN PHÒNG**

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



**PHẠM - VĂN - LẠNG**

Giám-Định Trắc-dạ-sau

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON



**khi  
người  
đẹp  
thật vọng**

★ **PETER CHEYNEY**  
● **HOÀNG-THẮNG** dịch

(Tiếp theo R.T. số 66)

**TÓM TẮT NHỮNG KỶ TRƯỚC :**

Sau khi gặp ông Ellerdene, người đã nhờ sở Trinh thám của ông Mike Linnane tìm thủ phạm vụ bêu riếu con gái ông, Nicolas Gale gặp Claude Weeps. Anh chàng họa sĩ này cũng mong manh biết chuyện đó nên định làm tiền.

Claude Weeps hẹn Gale tại nhà riêng của hắn để trao cho viên trinh thám một mớ tài liệu đính-dáp tới chuyện của cô Denise Ellerdene... Nhưng Gale đã bị mấy kẻ lạ mặt đánh cho một trận nên thân rồi chính cô Denise đã bãng bỏ cho anh.

Sau đó, Claude Weeps lại bị kẻ gian giết chết.

SÁU giờ chiều, tôi xuống bar uống rượu martini rồi lái xe tới Orange Hatch. Đó là một căn nhà rất đẹp. Ánh mặt trời chiếu sáng những bức tường trắng-hắt bóng dâm xuống tấm thảm cỏ xanh tươi. Tôi tiến lại phía sau nhà, vừa lúc nghe thấy tiếng động-cơ xe cam nhông nổ ròn gần đó. Có tiếng thắng xe rít mạnh. Nơi tôi đứng, tôi nhìn thấy mũi xe chạy qua góc tường

nhà. Đó là một chiếc xe mới, sơn còn tươi màu. Rón rén bước lại gần, tôi thấy người tài xế xuống xe đi về phía sau. Rồi hẳn quay trở lại mở cửa xe, cúi xuống lấy đồ phụ tùng. Tôi nhìn rõ chiếc giầy bên phải của hẳn được đóng danh hàng ba và ở giữa thiếu hai chiếc.

« Thật thú vị » tôi thầm nghĩ.

Lùi nhanh trở lại, tôi chạy tới chỗ đậu xe, lái về đường Totnes nấp đợi. Từ chỗ nấp, tôi nhìn rõ đường nhỏ chạy tới Orange Hatch. Năm phút sau, chiếc cam không vượt qua xe tôi đi về hướng Newton Abbot. Tôi liền theo ngay. Qua độ bốn dặm, chiếc xe chạy tới một kho hàng ở giữa cánh đồng. Tên tài xế vào trong nhà. Tôi cũng đỗ xe sát hông xe của hẳn, rồi đẩy cửa bước theo vào. Ở trong kho đầy những giỏ đựng chai. Phần đông đều trống rỗng, nhưng phía trong cùng thì đựng đầy ắp.

Nghe tiếng động, tên tài xế quay nhanh lại.

— Chào ông bạn, tôi nói. Trời hôm nay đẹp đấy chứ ?

— Ông nói gì ?

— Tôi muốn nghe tiếng nói

của anh. Tôi đang tìm anh. Chiều hôm qua tôi không có thì giờ để được hẳn hạnh biết anh tại biệt trang của Claude Weeps. Anh ác quá. À anh còn nhớ anh nói sẽ chặt tôi ra từng mảnh nếu tôi làm anh buồn không ?

Hắn lừ lừ tiến lại phía tôi. Trông hẳn to lớn thiệt nhưng tôi lại thích.

— Này đừng có nổi khùng. Nhiều đứa tinh khôn hơn chú mày tao còn trị nổi đó. Bây giờ tao có một câu chuyện còn con đề nói và chú mày nhớ cho biết những điều tao cần.

Hắn cười hăng hắc, dừng lại trước tôi độ vài bước, rút điều thuốc hút dở đề nơi vành tai châm lửa.

— Muốn tốt thì xéo cho nhanh không tao lại nện cho một trận bây giờ.

— Này ông bạn, tôi nói, bây giờ không phải là cái đêm chúng mình ở biệt trang đâu và ông bạn cũng không có hai người bạn để giúp đỡ. Đừng có mắt thì giờ.

Tôi cười nhanh chiếc áo veston, ném vào chiếc giỏ và tiến lại phía hẳn. Tên tài xế không còn thì giờ để hiểu biết nữa. Khi tôi vừa

tiến tới gần, hẳn đá tôi hai cái thiệt mạnh. May mắn là nó đá hụt, nếu trúng chắc tôi phải nhắm mắt. Nhanh như chớp, tôi gỡ món Judo ra đề hạ nó. Chỉ trong vòng ba phút, hẳn đã nằm dài dưới sàn. Tôi cầm chân hẳn bẻ quặt lại làm hẳn đau đớn đến phát khóc.

Tôi bắt đầu hạch hỏi hẳn. Hẳn nhận chính Claude xui chúng hại tôi. Còn chuyện Claude chết hẳn không biết. Nghe hẳn nói tôi không ngạc nhiên chút nào hết. Hẳn còn cho hay, bọn hẳn và Claude từng tổ chức bán rượu pha nước lá lấy lời và cái kho hiện giờ là chỗ chúng cất rượu. Chính Claude đã trang hoàng căn nhà Orange Hatch và cũng chính hẳn đã cung cấp rượu cho quán này.

Tôi đứng dậy và hỏi tên hẳn.

— Charlie Trowle.

— Này bạn Charlie, bây giờ tôi khuyên bạn nhé, nếu muốn làm ăn thì nên ngậm kín miệng và lái xe đi gấp đi. Nếu xảy chuyện gì, đừng có trách, nghe !

Charlie vội xách chiếc giỏ đựng đầy chai rượu rồi bước gấp ra xe

hơi. Đứng nhìn cho tới khi xe hẳn khuất nẻo đường Newton Abbot, tôi quay vào lấy một chai rượu, đập vỡ cổ chai, tu ngon lành. Sau đó tôi trở ra, khóa cửa lại rồi ung dung lái xe về Mel quay.

## ● CHIỀU THỨ NĂM ●

VÀ O khoảng 10 giờ đêm tôi lái xe tới Orange Hatch. Trong nhà, nơi góc phía mặt có đề chiếc bàn tiếp khách. Phía trái là cửa kiếng đưa tới một chiếc phòng rộng dùng để làm sân khiêu-vũ, có cả chỗ ngồi của ban nhạc.

Cánh cửa mở, một người bước ra sau chiếc bàn.

— Chào ông, tôi nói. Quán đây có mở không đấy ?

— Thưa có. Ở đây không có bồi bàn, nhưng tôi có thể tiếp ông được nếu ông cần dùng thứ gì. Quán này kể ra cũng ít khách lắm.

— Thiệt khác xa hồi chiến tranh.

— Tôi cũng không được biết vì tôi không phải ở đây.

— Như vậy ông ở đây bao lâu rồi ?

— Mới một tháng thôi ông à. Tôi thích ở đây lắm vì nó tĩnh mịch mặc dù cũng chẳng lâu gì.

Tôi muốn biết tại sao. Người đàn ông nhún vai trả lời :

— Chủ nhà hiện tại muốn dẹp quán này đi vì ế ẩm quá. Kề người nào nghĩ kiểu nhà này cũng kỳ thật. Muốn lấy một chai rượu ở trong kho phải đi xuyên ngang một căn phòng nhỏ, xinh xắn lắm. Căn phòng này chuyên dành riêng cho những cặp nhân tình tới nghỉ đêm. Muốn tránh đi qua thì phải đi vòng quanh nhà.

— Anh có biết cô Ellerdene không ?

— Tôi có biết. Thịnh thoàng cô ta có tới đây, hoặc với cha mẹ hoặc với ông Trenidor, vị hôn phu. Trông cô ta xinh lắm. Vậy mà cũng có chuyện xảy ra trên báo chí. Thiệt là nhầm lẫn.

Tôi mỉm cười nói : “Chỉ trong vài phút nữa cô ta sẽ tới đây. Tôi đợi cô trong bar, anh có thể mang cho tôi hai ly martini được không ?”

Tôi bước vào trong phòng rượu. Hàng dãy chai đủ thứ rượu nằm

dài sau quầy. Trên tường đều lát kính soi. Tôi liền trông tới hồi phòng này đầy lính Anh và Mỹ. Người đàn ông mang rượu tới.

— Tôi tới ở Melquay ít hôm chơi, rồi có thể anh gặp lại tôi không chừng. À tên anh là gì nhỉ ?

— Martin Phelps.

— Có phải ở đây người ta thường tới uống không ?

— Không. Thường thường mọi người hay dùng rượu bên phía phòng nhậu. Bên đó có một cô chiêu đãi. Có thể ông ưa thích.

— Không, trái lại thế. Tôi ưa sự yên lặng.

— Khi cô Ellerdene tới, tôi sẽ báo tin cho ông biết, hẳn vừa nói vừa rút lui.

Còn mình tôi ngồi hút thuốc lá chờ đợi. Năm phút trôi qua. Rồi cánh cửa mở và nàng hiện ra. Tôi ngắm kỹ nàng.

Trong đời tôi, tôi đã từng ngắm rất nhiều phụ nữ. Đủ mọi hạng người, nhưng tôi chưa hề thấy ai như nàng. Nhìn nàng ta phải choáng váng mặt mày. Nàng đẹp quá.

Tôi hiểu ngay Trenidor không một chút khó khăn. Người đàn

ông nào cũng phải mơ mộng có một người vợ như thế.

— Xin lỗi ông, Hình như tôi tới muộn thì phải. Tôi đã ngại tới đây. Có lúc, tôi muốn gọi điện thoại tới Ông.

— Mời cô ngồi và uống chút martini này, hút điếu thuốc lá là yên tâm ngay.

Tôi châm điếu thuốc lá của nàng. Tay người con gái run run. Nàng không uống rượu và để mặc cho điếu thuốc bén lửa, tỏa nhẹ lên cao sợi chỉ khói mỏng manh. Đôi mắt nàng luôn luôn nhìn xuống.

Tôi uống cạn ly rượu rồi sang bar bên cạnh kêu cô chiêu đãi rót thêm để uống. Quay trở lại tôi vẫn thấy nàng ngồi nhìn ngón chân mình.

— Cô uống đi chứ.

Nàng chỉ nhấp nhấp chút ít. Tôi khần khoản mời lần nữa nàng mới uống cạn ly. Tôi tới ngồi bên cạnh nàng :

— Cô có thể cho tôi biết tại sao cô e ngại không ?

— Tôi sợ lắm. Từ lúc tôi nhận được tờ giấy, hồi chiều qua, tại Palace Hotel. Tôi chỉ

ước mong rằng công chuyện đó xong đi để tôi quên được.

— Bây giờ cô biết rằng người ta không bao giờ lùi trước một hành động nào cốt cách biệt tôi và ngăn trở tôi theo đuổi công việc ? Nhưng, tôi vẫn tiếp tục theo đuổi. Kể đối phương đã mất tay áo thứ nhất rồi.

Nàng ngừng lên nhìn tôi, đôi mắt đầy sợ hãi. Đây là lần thứ nhất nàng nhìn thẳng mặt tôi.

— Tôi đã gặp một tên trong bọn tối hôm qua. Hẳn đã nói hết và tôi đã biết kẻ chịu trách nhiệm câu chuyện hồi đêm.

— Ai vậy ?

— Weeps. Kề ra cũng dễ hiểu, phải không cô ? Tôi có thể đoán được những gì đã qua.

— Thiệt sao ? Ông nói cho tôi biết hết đi.

Tôi cho nàng hay, một kẻ nào đó biết tôi và Weeps gặp nhau ở bar Sheppey's. Muốn cho Weeps khỏi nói, hẳn phải trả một số tiền lớn để Weeps bỏ đi. Hẳn còn đặt điều cho Weeps để cho tôi một bài học. Weeps nhận lời vì chính Weeps cũng không ưa

gì tôi. Weeps đã nhờ bọn quen, đã từng buôn bán rượu trong thời chiến để trị tôi. Xong xuôi Weeps nói lại cho kẻ kia hay giờ giấc hành động của hắn. Chín giờ Weeps đi với chiếc va-ly. Chín rưỡi tôi lại rồi có bọn xử tôi.

— Cô nên chú ý kỹ giờ giấc đấy nhé.

— Tôi không hiểu gì cả. Như thế nghĩa là sao ?

— Tất cả đều hoàn thành như đã định trước. Claude Weeps rời biệt trang lúc chín giờ. Nửa tiếng sau tôi tới. Bọn bạn Claude đụng tôi lúc mười giờ thiếu hai mươi. Và theo biên bản của ty cảnh sát thì cũng chính bọn đó đã giết Weeps lúc hắn quay lại để gặp tôi.

— Weeps chết rồi ư ? Giọng nàng như bị nghẹn. Tại sao vậy ?

— Phải hắn đã chết. Đây là ý kiến của tôi. Kẻ nào đó biết Claude rời khỏi nhà lúc ngoài chín giờ nên đã đợi sẵn nơi sạn đạo, chỗ nguy hiểm. Chỉ một cái dẫy, thế là rồi đời Claude, kẻ mà chúng nghi ngờ muốn vạch mặt tác giả bài báo.

— Trời đất ơi, nàng kêu lên

rồi khóc nức nở.

Tôi đề cho nàng khóc rồi tôi đặt tay trên vai nàng :

— Hãy bình tĩnh. Chuyện này không húng thú đâu nhưng rồi chúng ta cũng tìm được ra.

Nàng quay lại tôi. Tôi ngửi rõ mùi nước hoa của nàng.

— Không, không. Chính Ông nên ngưng theo dõi đi. Tôi cầu khẩn ông như thế.

— Tại sao vậy ?

Nàng im lặng khoanh tay rồi lại bỏ ra, lại khoanh tay như cái máy, đôi mắt nhìn xuống.

Tôi vội đứng tránh xa nàng ra. Có thể Mike Linnane trông tôi bằng một con mắt khác khi thấy tôi tán tỉnh con gái một khách hàng sộp giữa lúc cuộc điều tra đang khó khăn. Đó cũng là ý kiến của tôi. Người con gái này có nhiều nét quyến rũ quá.

— Tại sao vậy ? tôi hỏi.

— Ông hãy đi lấy thêm rượu dùm tôi, nàng nói một cách mệt mỏi. Rồi ông ngồi cạnh tôi và đừng nhìn tôi. Tôi sẽ nói hết cho ông nghe.

Tôi nghe lời và mang rượu lại cho nàng. Denise như muốn

ngất xỉu. Trông nàng xanh mướt như một xác chết. Nàng uống một hơi hết ly rượu, mắt không hề ngược lên. Tôi ngồi xuống cạnh nàng và nắm tay nàng.

— Tôi tin nơi ông, tôi sẽ nói hết tất cả cho ông nghe. Ông sẽ biết tại sao câu chuyện này không đi tới đâu cả. Vì có một lý do, một lý do chính xác. Chỉ một lý do này cũng đủ làm ông không tiếp tục điều tra nữa.

Nàng rùng mình rồi khóc, những ngón tay của nàng bấm sâu vào thịt tôi.

— Tờ báo đó không nói dối đâu. Họ đã nói thật.

Cuộc đời, thiệt là đầy dẫy những sự ngạc nhiên. Tôi liếc nhìn nhanh cô gái. Trông nàng tái ngắt.

— Khi tôi giúp mẹ tôi đề đón tiếp quân nhân nghỉ phép tại nhà thì không có chuyện gì cả. Nhưng về sau chúng tôi có những cuộc vui ở Exeter, ở Cầu lạc bộ Forest Hills và một đôi lần ở Orange Hatch. Mẹ tôi ưa Harl Allen lắm và bà tìm cách để kéo anh ta về đường chính. Hắn uống nhiều quá.

Một buổi chiều, chúng tôi được mời dự một lễ long trọng tại Exeter. Hart được tặng huy chương ngoại quốc. Sau bữa ăn, tự nhiên tôi bị nhức đầu quá nên muốn về trước. Allen xin đưa tôi về.

Tôi mệt mỏi nhắm mắt thở và một ít phút sau tôi nhận thấy chúng tôi đi về phía Totnes chứ không phải trở về Melquay. Tôi hỏi tại sao thì Allen nói có một chuyện cần và kín muốn nói với tôi. Hắn nói « Chúng ta có thể dừng nơi đây độ vài phút ».

Hắn sẽ đi kiểm thuốc, aspirine và trong lúc tôi nằm nghỉ ngơi hắn sẽ nói cho tôi biết điều hắn bận tâm.

Tôi nhận lời. Bởi hai lý do : tôi đang cần aspirine và người bạn đồng hành của tôi bữa chiều nay uống ít.

Chúng tôi xuống xe và vào trong căn phòng ở ngay đầu hành lang này. Hart mang tới cho tôi aspirine và ly nước lọc.

Denise lấy tay che kín mặt thì thầm nói :

— Hắn cho thêm thứ gì đó vào thuốc aspirine. Chỉ có Trời mới hiểu tôi đã mất lương-tri



trong bao lâu. Khi tôi tỉnh lại, tôi thấy tôi nằm trong phòng ngủ có một mình. Tôi cảm thấy khó chịu. Nhắm mắt lại, tôi cố nhớ lại những chuyện đã qua...

Một lát sau, Hart vào. Hắn đã uống rượu, trông hẳn khủng khiếp làm sao. Tựa lưng vào tường hắn cười lớn và tuyên-bố cô Ellerdene kiêu hãnh không còn nữa và hắn mới ghi thêm tên tôi vào bản danh sách những người đẹp mà hắn đã thưởng thức. Hắn còn nói với tôi nhiều chuyện nghe ghê tởm nữa.

Tôi không biết nói hoặc làm gì cả. Tôi không phải là tôi nữa rồi. Trong đời tôi, chưa bao giờ tôi bị khờ sờ đến thế. Tôi bỏ chạy trốn.

Tôi cũng chẳng hiểu tại sao tôi bỏ chạy trốn. Hart định ngăn tôi lại nhưng vì quá say nên hắn không theo được. Tôi nhảy lên xe của hắn và lái về Mapleror rồi tôi thuê taxi trở về nhà.

— Cô không hề nói chuyện này cho một ai biết chứ?

Nàng lắc đầu: «Không. Tôi không hề nói cho ai biết cả. Nhưng có một người nào đó biết những

chuyện xảy ra đêm đó. Tác giả bài báo.

Denise có lý. Kề nào đã viết bài báo đó đã hiểu hết và hẳn sẵn sàng trưng ra nếu bị khám phá...

— Cô hãy nghe tôi. Nếu chúng ta không hành động, hẳn sẽ làm gì? Hẳn chờ cô lấy Trenidor rồi hẳn sẽ bắt chuyện. Rất có thể hẳn sẽ gửi những lá thư vô danh tới và nếu hẳn đã biết rõ câu chuyện xảy ra tại Orange Hatch, với chúng có làm hậu thuẫn, hẳn có thể gây cho cô nhiều sự phiền muộn vô tả. Ta phải lột mặt nạ hắn và bịt mồm hắn lại.

Nàng nhìn tôi, đôi mắt đầy sự khổ tâm:

— Ngăn lại? Để làm gì? Họ còn định làm thêm điều xấu gì nữa?

— Câu chuyện này chỉ làm cho Allen mất tín nhiệm mà thôi. Không ai có thể khiển trách cô được. Trừ một điều. Và cũng bởi lý do đó ta cần phải làm cho im lặng.

— Không... không... nàng lắc đầu run rẩy.

-- Cô phải hiểu rõ mới được. Có có ư không, khi cô lấy Trenidor rồi, có một kẻ lạ mặt nào đó tới bàn giấy của cô để viết

cho Trenidor một lá thư vô danh? Chồng cô sẽ tưởng rằng cô đã đánh lừa, lợi dụng và sẽ khiển trách cô.

Nàng đứng dậy tiến lại phía lò sưởi. Mắt ráo hoảnh, nàng nhìn vào cửa lò trống không.

— Không, anh ấy không tưởng gì hết, nàng chậm chạp nói.

— Tại sao vậy? Ai ngăn anh ấy?

— Anh ấy đã biết vì tôi đã nói hết rồi. Không có gì thay đổi cả. Đó là một con người có lòng nhân, đại lượng. Anh vẫn yêu tôi. Anh buồn phiền vì đã biết nhưng cho riêng tôi mà thôi.

Đó cũng là ý kiến của tôi. Đúng Eustace Trenidor là một ông thánh.

— Tôi phải đi, nàng nói sau một phút im lặng. Ông đối với tôi tốt quá. Hãy nghĩ tới điều đó và giúp đỡ tôi nếu ông có thể.

— Đừng sợ gì hết. Bây giờ tôi đã biết tôi sẽ phải làm gì rồi. Cứ cứ việc về nhà đi. Đêm nay trời đẹp lắm.

Nàng nắm tay tôi nói đôi lời từ giã: «Nếu ông cần nói chuyện

với tôi, hãy gọi điện thoại tới nhà. Tôi sẽ tìm cách đề gặp ông».

Nàng bước ra ngoài, tôi nghe tiếng xe hơi rồ máy.

Tôi hút hết điếu thuốc lá. Cuộc đời thiệt là đầy rẫy ngạc nhiên. Nếu tôi là Trenidor, tôi sẽ cảm thù Allen lắm. Nếu Trenidor mà có giết tên phi công kia chẳng nữa thì một số đồng sẽ có thiện cảm với anh ta ngay.

Tôi cũng thế.

Tôi trở về bar ở đầu phía bên kia. Người khách cuối cùng đã bước ra. Tôi gọi một Whisky-soda uống. Tôi ném một đồng tiền vào trong chiếc dương cầm tự động để nghe giải phiền.

Đồng hồ chỉ mười một rưỡi khi tôi ngừng trước phòng máy điện thoại, lối vào bờ biển Melquay. Tôi đứng ngắm biển, thành thói hút thuốc lá. Tôi nghĩ tới giờ đề nói chuyện với bà John Ellerdene. Lúc quay số, tôi mong rằng không phải ông chồng nhắc ống máy lên nghe. Nếu đúng như vậy tôi sẽ xin lỗi gấp, nói tránh là gọi lộn số. Người bồi phòng đã trả lời tôi. Tôi nói với hắn tôi muốn tiếp

chuyện bà Ellerdene.

Bà Ellerdene hẹn gặp tôi tại một công viên lối đi Mapletor. Tôi lái xe tới trước đợi. Hút hết điếu thuốc lá thì tôi nhìn thấy bà Ellerdene đi bộ tới phía tôi đứng. Hai chúng tôi đi thong dong trên con đường vắng vẻ.

— Ông thiệt là một người khác thường, ông Gale ạ. Tôi tưởng ông đã trở về London rồi đây.

Tôi mỉm cười thú lỗi :

— Tôi chưa hề nghĩ tới chuyện trở về.

— Nếu vậy thì đắt quá. Năm trăm livres đấy.

— Không, đấy chỉ là số tiền vay mà thôi. Tôi sẽ hoàn lại bà trong một vài hôm.

— Nếu ông không cần số tiền đó và ông muốn theo đuổi cuộc điều tra, vậy tại sao ông lại nhận ?

— Điều đó cũng dễ cắt nghĩa. Tôi muốn biết với giá nào bà có thể trao cho tôi để tôi rời khỏi Melquay.

Tôi liền hỏi bà Ellerdene có biết Claude Weeps không. Bà

Ellerdene cho hay có biết hẳn ta vì công việc trang hoàng nhà cửa.

— Có phải nhờ bà mà cô Denise quen biết Hart Allen không ?

— Đúng. Denise làm ở hội Hồng-thập-tự và nhà tôi muốn chúng tôi nên tiếp đón những sỹ quan đóng quanh vùng. Vì vậy tôi đã biết Allen. Allen là viên phi công giỏi, chỉ phải tội uống nhiều rượu quá. Tôi cố gắng giúp hẳn tránh sự đó. Cũng vì vậy tôi giới thiệu Denise với hẳn.

— Bà có chắc rằng bà mang con gái ra không phải là để làm miếng mồi không ?

— Ông nói thế là nghĩa làm sao ?

— Bà hãy còn quyến rũ lắm, tôi nói khi ngắm bà ta dưới ánh trăng. Bà không phải là người đàn bà thứ nhất với số tuổi đó, yêu anh chàng phi công Mỹ và bà phải dùng cô con gái để làm cứu cánh cho mình. Để làm cho người thứ ba không chú ý tới.

— Ông hoàn toàn nhầm rồi, bà Ellerdene nhẹ thở dài trả lời. Tôi đã nói thật với ông. Ý nghĩ của ông về tôi có vẻ hài

hước quá. Nếu ông biết nhiều về đàn bà, ông sẽ hiểu những người như loại tôi không bao giờ yêu, như ông nói, cỡ như Hart Allen cả.

— Tôi cũng không được thông thạo lắm về chuyện đó, thưa bà. Vậy thì là ai ?

— Tôi sẽ nghĩ rằng chính ông là một trong những người đáng mến, bà Ellerdene cười nói. Nhưng có thể là tôi nhầm phải không ông ?

— Bà có còn nhớ một bữa cơm tối nào đó ở Exeter không, tôi vội nói lảng. Tôi xin nhắc qua đề bà nhớ. Hôm đó Hart được tặng huy-chương và bạn anh ta tổ chức ăn mừng. Bà và ông cùng cô Denise cũng được mời dự tiệc. Bà còn nhớ những chuyện xảy ra hồi tối hôm đó không ?

— Tôi quên sao được. Chính là đêm đầu tiên mà Hart Allen không uống rượu thái quá, ngay từ lúc khởi đầu. Tôi nói với hẳn tôi rất vui. Hẳn nói hẳn đã bắt đầu chán uống rồi. Tôi còn nhớ, hôm đó, Denise bị nhức đầu. Hart Allen đã đưa nó về nhà.

— Bà chỉ nhớ tới đó thôi ?

— Chưa hẳn thế. Khi chúng tôi về nhà hồi sáng, Allen có trở lại, nói cho chúng tôi hay hẳn đã đưa Denise về nhà, không có chuyện gì cả. Ông còn câu gì để hỏi nữa không ?

— Có. Xin bà nói cho nghe về Trenidor. Bà nghĩ sao về anh ấy ?

— Tôi mến Eustace lắm. Đời hẳn như một quyển sách mở rộng.

Trong lúc nói chuyện, tôi đã ngạc nhiên khi được hay bà Ellerdene rõ tôi đã trao cho Claude tám ngàn phiếu chứ không phải hẳn đã ăn cắp như lời tôi tuyên bố. Bà đoán tôi đã tính chuyện gì đây trong vụ đó.

— Tôi phải trở về, bà ta nói. Cuộc đàm thoại tối nay rất thú vị. Ông cứ tiếp tục theo dõi vụ đó đi và cũng đừng bận tâm về số bạc năm trăm livres. Hãy mua một vật kỷ niệm để tưởng nhớ tới Weeps. Bởi vì, nếu hẳn không rớt xuống chân núi... Hẳn rớt thiệt phải không ông ? Thôi chào ông, ông Gale. Chúng ta sẽ gặp lại nhau.

Bà Ellerdene trở về chỗ đậu xe hơi. Tôi cũng về nhà.

Khi đi nằm, ngực tôi đau nhói. Cả ngày hôm nay mệt quá. Ông thầy thuốc khuyên tôi nên nghỉ dưỡng bệnh tám hôm, kê ra ông ta nghĩ đúng.

Tôi nghĩ tới Hart Allen. Giờ đây tất cả đều sáng tỏ trong trí óc tôi: John Ellerdene, bà vợ, cô Denise, Eustace Trenidor, Claude Weeps. Chỉ còn lại hai nhân vật đề chú ý: Hart Allen và kẻ vô danh.

Tôi nhòm dậy, bước quanh phòng, người càng khó chịu hơn trước. Một chút whisky vào bụng mới tạm dễ chịu. Tôi nhắc ống điện thoại gọi Linnane để hỏi tài liệu về Hart Allen:

— Mọi người khác tôi đều biết rõ, riêng Allen thì ít quá. Khi hắn trở về Mỹ hắn làm gì? Hắn đã lấy vợ chưa? Bây giờ làm gì?

— Tuyệt hay khi anh hỏi tôi

điều đó. Chính hôm nay tôi cũng có ý nghĩ là hỏi ở New-York về tên đó. Trưa mai, hoặc muộn là tối mai tôi sẽ trả lời anh. Chào anh.

Nghĩ tới Linnane, tôi thấy thú được làm việc với ông ta. Ai ai cũng biết ông ta làm việc giỏi.

Tôi lấy mũ đội rồi xuống nhà xe lấy xe chạy thẳng tới Orange Hatch. Không hiểu Phelps ngủ chỗ nào? Tôi lần tới sát nhà, tìm cách mở cửa sò leo vào. Nửa giờ sau, tôi lại theo đường cũ đi ra.

Tôi thấy một chiếc phòng khác, rất đẹp.

Tôi đã giải quyết được một chuyện: tại sao Claude Weeps lại có lá thư của cô Meraline viết gửi cho Hart Allen.

(còn tiếp)

# ĐẦU BÁC-SỸ TÍN

NGỪA VÀ TRỊ BA-CHỨNG:

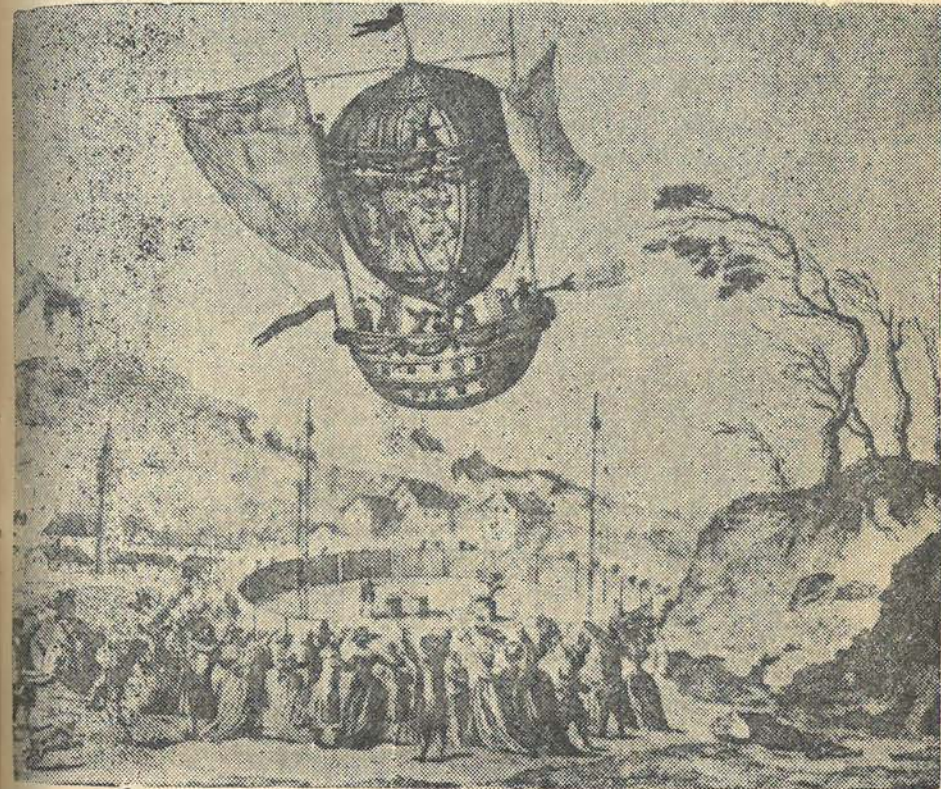


- TỰ THỜI CẢM MẠO NHỨC ĐẦU
- SỐ MÙI. ẪN KHÔNG TIÊU. ĐAU BỤNG
- Ở CHUA. CHÔNG MẶT. BUỒN MỮA
- SẦY SÔNG. NHỨC MỐI. ĐAU KHỚP XƯƠNG
- NGỪA GIÓ ĐỘC V. V. ...

CÓ BÁN KHẮP CÁC NƠI *Giá mỗi ve 5\$*

# Mình ối!

## CHIẾC PHI-THUYỀN ĐẦU TIÊN BAY LÊN KHÔNG-GIAN, năm 1783



# M Ì N H Ơ I

— Ơi.

— Người đầu tiên trên thế-giới đã bay được, là ai hả Minh ?

— Tề-Thiên-Đại-Thánh chứ ai !

— Em không giỡn đâu nhé. Em hỏi về khoa-học, chứ em đâu có hỏi Minh về chuyện Phong-thần ?

— Về khoa-học hả ? ... Đề anh xem nào... Về khoa-học thì người đầu-tiên bay được là ... một người Ồ-Nàm.

— Người Ồ-Nàm là người xứ nào, hả Minh ?

— Người Ồ-Nàm là người Việt-nam ta thời xưa.

— Minh cứ đùa hoài. Em hỏi thật đấy mà, Minh trả lời đúng dẫn cho em nghe đi.

— Ô hay, anh đâu có đùa ! Bộ em tưởng người Việt-nam ta xưa không có óc khoa-học sao chứ ? Anh nói có sách, mách có chứng chớ bộ !

— Thế thì ai ? Tên là gì ? Dưới đời vua nào ? Năm nào ?

— Tên là BÙI CÔNG HÀNH, Công thần của triều tiên-Lê, và Sứ-thần của vua Lê-thái-Tổ, được phái sang Triều-đình nhà

Minh bên Tàu để cầu phong cho vua Lê năm 1428. Sang Yên-Kinh (tên cũ của Bắc-Kinh), các quan Tàu mời Sứ - thần Việt-nam lên một cái chòi cao 50 trượng (độ 16 mét), nói là để hội họp uống rượu, ngâm thơ, nhưng kỳ thật là họ lập mưu thử thách Sứ - thần An - nam-quốc. Họ lần - lượt lên - lút trèo thang đi xuống hết, để ông BUI - công - Hành ngồi một mình cheo-leo trên chiếc chòi cao tít mù. Họ chơi ác rút mất chiếc thang, để mặc cho Sứ-thần « Ồ Nàm Cốc » không có cách nào leo xuống. Thế rồi em biết ông BUI-công-Hành làm sao không ?

— Không.

— Nếu em ở trong tình-thế ấy thì em làm sao ?

— Thì em khóc.., và em năn-nỉ mấy ông ba Tàu bắt thang cho em xuống..

— Thế thì em xoàng ! Em sinh-trưởng ở Thế-kỷ Hòa-tiến, Phi-thuyền, Vệ-tinh nhân-tạo, mà em không có óc khoa-học bằng ông nhà Nho ở thế kỷ XV !

— Ông làm cách nào, hả Minh ?

— Ông Sứ-thần của vua Lê

## MINH ƠI !

trông thấy hai cây lọng của người Tàu dựng hai bên cửa trong chòi, ông liền lấy lọng giương lên như hai chiếc vải dù to tướng và ôm chặt vào mỗi bên nách một cây lọng, rồi đứng trong cửa sỏ cái chòi cao 50 trượng, ông lao mình bay ra không gian, để từ từ đáp xuống đất, nhẹ-nhàng, êm-ái...

Đấy, vị sứ-thần BUI-CÔNG-HÀNH chính là người Việt-Nam đầu-tiên trên Thế-giới đã biết dùng sức gió đẩy hai chiếc lọng cho ông bay ra không gian, cách nay 533 năm !

— Sử sách của Âu-Mỹ có nói đến tên người Việt-nam ấy không, Minh nhỉ ?

— Người Âu-Mỹ không biết chuyện ấy, vì các quyển Sử chính-thức của ta cũng không có chép. Chỉ có một bản thảo thời bấy giờ ghi lại việc trên kia như là một giai-thoại lật-vật, chứ không chú trọng đến tính-cách khoa-học tiên-phong của nó... Nếu BUI-công-Hành sinh-trưởng bên Âu-Mỹ thì một sáng kiến dù là tầm-thường như thế cũng đã được ghi vào Lịch-sử. Cho nên khoa-học tiến-triển của họ luôn luôn khởi điềm bằng những việc rất nhỏ, rồi

dần dần thành những việc rất lớn.

Ý-nghĩ của loài người muốn bay như loài chim, đã có rất lâu, có từ khi con người nhìn các con chim bay lơ-lửng trên không-gian. Vì thế nên THẦN - THOẠI LA - MÃ, HY-LẠP, tưởng-tượng những vị THIÊN - THẦN CÓ CÁNH, y như cánh chim, mọc hai bên vai, hoặc giống cánh chim Bồ-câu như thần AMOR (Ái-tình), hoặc cánh làm bằng sáp ong như thần DÉDA-LE, (kiến-trúc) hoặc cánh bướm như thần PSYCHÉ, (Hồng-Loan) hoặc cánh mọc dưới chân với một bánh xe như thần TY-CHÉ, (Thần Tài), v.v...



THẦN-THOẠI TÀU thì đặt ra những phép thần-thông biến-hóa của các vị Tiên Thánh. Thay vì một cặp cánh, TỀ-THIÊN ĐẠI-THÁNH chỉ cầm một cây thước. Hoặc ngồi trên lưng Rồng lưng Phượng như TIÊU-SỬ, LÔNG-NGỌC, hoặc cỡi cá chép như ÔNG TÁO, hoặc đi trên mây như LƯU-THẦN, NGUYỄN-TRIỆU...

● Tóm lại, người thời xưa cũng đã muốn bay lên không-gian rồi, với những phương-tiện nhiệm-màu, linh-thiên, rất hấp-dẫn cho trí-óc tưởng-tượng và còn mê-tín của hàng bao nhiêu thế-hệ. Mãi đến thế-kỷ XV,



mới có một người Việt-nam, đại-sứ của vua Lê sang Tàu, như đã kể lại trên kia, đã nghĩ được cách dùng hai chiếc lọng cặp hai bên nách để bay thật-sự ra khỏi một cái chòi cao 16 thước !

Rất tiếc, thế-giới không ai biết tên ông BÙI - CÔNG - HÀNH, người đã bay được lần đầu tiên với phương-pháp khoa-học. Ông Bùi-công-Hành có xin hai chiếc lọng ấy của vua Tàu, đem về Việt-nam làm kỷ-niệm. Vua Lê-thái-Tổ trông thấy, bèn sai thợ bắt chước theo kiểu lọng của vua Tàu mà làm ra lọng để che cho Vua ta. Chính ông Bùi-công-Hành là thủy-tổ nghề làm lọng ở Việt-nam vậy. Còn sáng-kiến của ông dùng lọng để bay ra không-gian, thì không ai nhắc tới !

● Hai thế - kỷ sau, năm 1678, lại có một người thợ rèn, ở tỉnh Maine bên Pháp, tên là BESNIER, cũng đặt ra lần đầu tiên một cái « máy » để bay. Anh ta dùng bốn cánh quạt bằng sắt mỏng, tra vào hai cái cán đặt trên hai vai, và cột hai mút cán vào hai cổ chân bằng hai giây xích sắt. Với kiểu « máy » này, anh thợ rèn đã bay được

một khoảng khá dài, trên các nóc nhà ở hội-chợ Guibray. Nhưng công-chúng thời bây giờ coi đó như một trò chơi, hay một môn quỳ-thuật mà thôi.

● Thế kỷ XVIII, một buổi sáng mùa Xuân năm 1742, một ông già người Pháp trên 60 tuổi, là Hầu-tước DE BACQUEVILLE, đã làm ra hai cái cánh bằng thiếc, giống như cánh chim, gắn vào hai vai, từ cửa sổ nhà lầu của ông, lao mình ra không-gian, và bay được qua sông Seine... Công-chúng đứng hai bên bờ sông coi đông nghẹt, cho là một việc phi-thường. Nhưng rồi ông rút xuống một chiếc thuyền đậu bên kia bờ, và bị gãy mất một chân..

● Cuộc thí-nghiệm của ông cụ già de Bacqueville không ngờ có tiếng vang sang tận nước Mỹ.

Năm 1757, một chàng thanh niên Mỹ tên là CHILDS, cũng dùng hai cái cánh thiếc gắn vào hai vai, từ trên đỉnh cao chót-vót của lầu chuông nhà-thờ Boston bay ra không-gian... Bay được một quãng thì chàng ta cũng rút lộn-nhào xuống đất !.. Nhưng anh chàng trai trẻ này lại may phúc hơn ông già kia, chàng

rút xuống một đám cỏ, khỏi bị què giò...

● Năm 1768, một người tên là PAUCTON, cũng dân Mỹ, căn-cứ trên một lý-thuyết của Léonard de Vinci, viết ra một quyển sách nhan đề là « Lý-thuyết về cái đỉnh khu-ốc của Archimède », và chính ông chế ra một cái đỉnh khu-ốc làm xoay tròn hai cánh quạt, làm cho cánh quạt quay như chong-chóng và đưa một người bay lên không-gian. Chính máy bay trực-thăng ngày nay là chế-tạo theo kiểu hai cánh quạt thô-sơ của Paucton, cách nay gần 200 năm vậy.

— Mình ơi !..

— Ơi.

— Sao hôm nay nóng-nực quá !

Bà Tú thấy hai giọt mồ-hôi rịn trên vòm trán của ông Tú, bà thò tay vào túi áo lấy khăn muso của bà, thấm nhẹ mồ-hôi cho chồng. Rồi bà đứng dậy, đi vịn quạt máy. Xong bà trở lại vóng, ngồi bên cạnh ông Tú :

— Mình nói tiếp đi... Em nghe chuyện của Mình, em thích quá...

● — Thế rồi năm 1781, một người Pháp ở Paris, tên là BLANCHARD, quyết chí thực hiện một chiếc *Phi-thuyền* bay lên không-gian, theo kiểu của Paucton. Trong quyển nhật-ký của ông, ông có viết một câu sau đây : « *L'homme ne sera-t-il donc toujours qu'une mouche dont on a arraché les ailes et cruellement condamnée à marcher ?* » — (Chẳng nhẽ con người ta cứ chịu mãi số-phận của con ruồi bị rút cánh tàn-nhẫn, và đành phải đi chun mãi hay sao ?) Thế là ông hy-sinh thì-giờ, tiền-bạc, sức khoẻ, để cố tìm cho ra một kỹ-thuật cho loài người bay được lên không gian. Vị linh-mục De Viennay, một người cũng yêu chuộng khoa học như ông, giúp sức với ông trong công-việc kê-cứu và tìm tòi. Ba năm bèn gan vững chí, ông sắp sửa thành-công, thì dùng một cái, xảy ra một việc phi-thường nhất trong lịch sử loài người vượt lên không-gian : hai anh em ông Montgolfier đã chế ra được một quả khinh-khí-cầu nhờ hơi nóng mà bay được lên mây xanh.

● Ngày 5 tháng 6 năm 1783, tại thành phố ANNONAY của

Pháp, trước một công-chúng đông-đào và kinh-ngạc, say-mê, ông JOSEPH MONTGOLFIER, đã thả một quả khinh-khí cầu to lớn, bởi bằng giấy, nhờ hơi nóng đẩy lên không-trung bay vút lên cao được 2.000 MÉT.

— Montgolfier là ai, hả Minh?

— JOSEPH và ETIENNE MONTGOLFIER là hai anh em ruột, chủ một nhà máy giấy ở Annonay, một thành-phố nhỏ ở miền Nam nước Pháp.

Cả hai đều có óc thơ-mộng lại rất thích khoa-học, luôn luôn bị ám-ảnh bởi vấn đề lên không-gian. Đã lâu rồi, Joseph Montgolfier ngồi bàn giấy nhìn qua cửa sổ các đám mây bay lơ lửng trên đỉnh núi xa-xa, cứ mông-màng suy-nghĩ : « Làm sao lấy giấy chế-tạo được một vật gì cũng bay lơ-lửng như mây, và có ta ngồi trong đó ? Và chàng đã thí-nghiệm đủ cách với người em, Etienne. Một buổi chiều tháng 11 năm 1782, giời rét buốt, Joseph ngồi cạnh lò sưởi, để ý nhìn thấy chiếc áo sơ-mi phơi trên ngọn lửa bỗng bị hơi nóng un lên làm cho phồng ra, và muốn tung lên. Do đó mà Joseph, với óc thơ



mộng và khoa-học của chàng, đã khám-phá ra nguyên-tắc khinh-khí-cầu. Nếu ta lấy giấy bồi thành một quả bong-bóng tròn, to lớn, có thể chứa được hai mét-khối hơi nóng, thì quả bóng có thể vọt bay lên không-gian.

Thế rồi hai anh em lui-cui lấy giấy trong xưởng, bồi thành một quả bóng lớn. Ngày 5-6-1783, hai anh em nhất định đem thí-nghiệm quả khinh-khí-cầu này trước mắt công-chúng trong thành phố, và các nhà bác học, các vị chánh quyền.

Joseph tuyên bố : « Thưa các ngài, đây là một cái túi to-lớn bằng giấy. Chúng tôi sẽ đốt lửa ở dưới miệng nó, cho hơi nóng tràn vào trong, rồi các ngài sẽ thấy nó bay bổng lên mây. » Người ta xúm lại đốt một lò rơm và lồng cừu : cái túi giấy phồng lên thành một quả cầu mà bề kính được 12 thước, và đã dần dần bay bổng lên trời... cao 2.000 thước. Công chúng reo mừng nhiệt-liệt. Joseph Montgolfier hãnh-diện bảo : « Bây giờ chúng ta có thể ngồi trong một chiếc khinh-khí-cầu để vượt lên trên mây ».

Nhưng một nhà Thiên-văn-học, nổi danh thời bấy giờ tên là Lalande, trề môi, lắc đầu : « Xét kỹ về mọi phương diện, không thể nào một người vượt bay lên không-gian được cả. »

Câu nói thử thách của nhà Bác-học lạc hậu đã khiến cho một chàng thanh-niên tức giận vô cùng..

● Chàng trai ấy tên là PILATRE DE ROZIER, con một ông bán quán, nhờ tài học rộng đã trở nên giáo-sư Hóa-học và Vật-lý-học ở Paris. Chứng kiến

cuộc thí nghiệm phi thường của hai anh em Montgolfier, chàng được dịp gặp người em Etienne, và cùng Etienne chế tạo ra một khinh-khí-cầu mới, rất đẹp. Sơn màu xanh da trời, kẻ những đường kim-tuyến. Rồi ngày 19 tháng 10, 1783 tại thành phố Versailles, khinh - khí - cầu này được thả lên không-gian, ở trong ruột có nhốt **MỘT CON CỪU, MỘT CON VỊT VÀ MỘT CON GÀ CỒ.**

Quả cầu lên cao được 560 thước, rồi nguội hơi, rớt xuống nguyên vẹn.

● Kế tiếp ngày 15 - 10 - 1783, Pilâtre de Rozier VÀO NGỒI TRONG QUẢ CẦU, BAY lên cao được 30 mét.

● Ngày 21-11-1783, một chiếc Montgolfière (1) bằng giấy dầu, đựng 20 thước khối hơi nóng, trong đó có hai người ngồi, bay trên vòm trời thủ-dô Paris, lâu được 25 phút, làm cả thế giới kinh-ngạc. Dân chúng đông nghẹt các đường phố, ngược mắt lên trời xem quả cầu bay, hoan-hô dậy trời dậy đất. Phụ-nữ Paris liền đua nhau theo «mốt» mới: đội nón Montgolfière (một quả bóng bằng giấy dầu sơn xanh, kẻ chỉ

vàng, đúng y như kiêu khinh-khí cầu của Montgolfies, chụp trên một độn tóc giả, lắc qua lắc lại trên đầu các bà mạng-phụ, các bà nữ-sĩ, các cô nữ-sinh và các cô gái «mới» năm 1783 !)

Đó là chiếc *Phi-thuyền đầu-tiên chở hai người bay trên không gian*. Một chuyện rất lý-thú là lúc 2 giờ 19 phút chiếc montgolfière vừa hạ xuống một cánh đồng ở Petit-Gentilly, thì toàn thể dân-chúng vùng ấy kéo ùa đến hoan-hô hai «người không-gian» đầu-tiên, là PILÂTRE DE ROZIER và Hầu-tước D'ARLANDES, và đua nhau xin cho được mỗi người một miếng vải áo vải quần của hai ông này, để giữ «bửu-vật» ấy làm kỷ-niệm. Hai ông bị dân chúng cả đàn ông lẫn đàn bà xúm lại xé hết áo quần, chỉ mỗi người xin lấy một miếng dẻ thôi mà hai ông không còn một mảnh che thân. Vua Louis XVI và Hoàng-hậu Marie Antoinette được tin phải vội-vàng phái Công-tước Charles đem quần-áo mới đến cho hai ông thay, để trở về Versailles. Thấy dân-chúng

(1) Khinh-khí-cầu làm theo kiểu mẫu của Montgolfier.

say-sưa vui mừng, rầm-rộ đón-tiếp hai «Người-bay» đầu tiên của thế-giới, một kẻ ganh-ghét trẻ-môi nhún vai hỏi một ông lão trong đám đông người:

— Tôi không hiểu những quả bóng kia được lợi ích gì nhỉ ?

Ông già 77 tuổi trở mắt hỏi lại người kia:

— Vậy tôi hỏi ông, đứa con nít mới ra đời thì được lợi-ích gì không ?

Ông già 77 tuổi ấy chính là nhà Bác-học Mỹ đã nổi danh khắp hoàn-cầu: Benjamin Franklin!

— Câu trả lời của Franklin hay quá, Minh ơi! Nguyên-văn như thế nào, hả Minh?

— Nguyên văn còn ghi lại trong sách sử là: «*Monieur, à quoi peut servir l'enfant qui vient de naître?*» Khinh-khí-cầu của hai anh em Montgolfier chính là đứa hài-nhi của Khoa-học Không gian, ra đời ngày 5-6-1783, và trải qua những lịch-trình tiến triển trong hai thế-kỷ để đến nay đã thành những phi-cơ phản-động-lực, những bỏa-tiền, và những phi - thuyền sắp bay vun-vút lên cung Trăng!..

— Ô! Tiến-bộ! Tiến-bộ! Ô! Trí-óc thông-minh của loài người! Đẹp thay! Vĩ-dại thay! Thật là một may mắn, một vinh-dự, một hạnh-phúc cho chúng ta được sinh-trưởng ở giữa Thế-kỷ XX này để chứng kiến những việc phi-thường, kinh thiên động địa! Em yêu khoa-học lắm, Minh ơi!

Ông Tú thì không cao-húng húng-biện như bà Tú. Ông trầm-ngâm, khe bảo:

— Nhưng tiếc thay, loài người lại dùng khoa-học tiến-bộ ấy để gây ra chiến-tranh giết hại lẫn nhau! Thượng-đế sinh ra loài người thông-minh để loài người tự tiêu-diệt loài người... Ý trời thật là khó hiểu vậy thay!

— Nếu thí-dụ Minh là ông Trời, em là bà Trời, thì hễ thấy kẻ nào gây chiến tranh, kẻ nào giết hại loài người, nhất-định là em sẽ vạ cò cho chết nghèo hết!

Ông Tú lắc đầu:

— Đừng có nói tầm-bậy, em Diệu-Huyền!

Diệu - Huyền



Truyện dài tình cảm thời-đại \* NGUYỄN-VỸ

## CHƯƠNG I

### Phần Thứ Hai

(Tiếp theo P. T. số 66)

**C**ô Phạm - thị - Toàn được bổ đi dạy tại trường Nữ Trung-học Mỹ-tho. Cô ở trọ nhà một bà dì đường Lê-Lợi.

Ngày đầu tiên cô đến đây, với một chiếc va-li, có mẹ cô đi theo để gởi gắm cô cho em gái của bà, mà ở đây người ta thường gọi là chị Tư Đen, vợ anh Tư Hót-tóc. Vợ chồng anh Tư niềm-nữ đón-

tiếp Toàn, ra điều hành-diện có đưa cháu gái làm cô giáo, từ nay ăn ở trong nhà chị, và được đi dạy ngay ở trường Nữ Trung-học trong tỉnh.

Chị Tư dọn-dẹp lại nhà cửa để cho xứng-dáng là nơi ở trọ của một cô Giáo, chị nghĩ : rồi nữa những ngày chủ nhật học trò và cha mẹ học-trò sẽ đến đây thăm cô Giáo, chà ! vè-vang và danh-giá cho gia đình chị xiết bao ! Chị sửa-sang lại căn phòng ngủ của chị ở nhà giữa để làm phòng-ngủ của Toàn, còn hai vợ chồng chị thì dọn xuống căn-phòng nhỏ hẹp hơn ở kề bếp. Toàn tuy mang tiếng là ở trọ nhà bà dì ruột, nhưng cô đã ngó ý với mẹ

## MỒ HÔI NƯỚC MẮT

cô đề nói lại cho dì biết rằng mỗi tháng Toàn sẽ đưa cho dì một ngàn đồng bạc để thanh-toán tiền nhà và tiền cơm, gọi là một chút đóng góp với gia-dình, chớ không dám làm bận-rộn dì và dượng. Có lẽ vì món lợi nho-nhỏ đó mà vợ chồng chị Tư Đen đón tiếp cô cháu gái rất vui-vẻ, thân-thiết và nồng-hậu như thế. Ngoài ra, còn có tâm-lý rất dễ hiểu của một đôi vợ chồng thuộc về thành phần lao-động, không biết chữ-nghĩa, không có địa-vị trong xã-hội, từ nay được làm dì và dượng một cô Giáo trẻ đẹp được bao nhiêu người trọng-vọng. Má của Toàn ngồi ăn trà, nói chuyện với em rề và em gái, về những thành-tích vè-vang của Toàn trong học-đường và sự giúp-đỡ tận tâm của ông Giáo-sư Ngọc-Minh ở trường Đại-học. Với tính thực-thà sẵn có của những phụ-nữ chất-phác hiền-lành trong giới bình dân, Má cô Toàn có ý khoe với em gái và em rề :

— Ông Giáo sư thương nó lắm. Tội-nghiệp, ông chưa có vợ con gì hết, trên 30 tuổi rồi mà còn cứ ở câu-ky vậy hoài, không chịu lấy vợ. Ông thương con nhỏ hết sức

thương vậy đó, nó thì đồ Trung-học là nhờ tiền của ông cho, nó học ba năm sư-phạm rồi đồ đạt được cũng là nhờ tiền của ông cho. Chớ dượng nghĩ coi, nhà mình nghèo tiền của đâu cho nó học ! Thấy ông tử-tế quá với nó như vậy, tui có nói cho con Hai nó biết hể chừng nào ông Giáo Ngọc-Minh muốn hỏi nó làm vợ, thì tui gả liền.

Chị Tư Đen gật đầu :

— Được người danh-giá mà không gả, thì gả cho ai !

Chồng chị, anh Tư Hót-tóc, cũng nói hùa theo :

— Chớ sao ! con Hai ngày nay đã được địa vị sang trọng là nhờ người ta tác-thành cho, thì phải lấy người ta để đền ơn người ta chớ. Nhưng con Hai nó có ưng ông Giáo đó không ?

Má của Toàn cười :

— Ai biết gì nó ! Nhưng coi bộ con-nhỏ khen ông vàng trời. Tui có hỏi thiệt nó : ông có tình ý gì với mày không mà ông giúp tiền giúp của cho mày ăn học làm vậy ? Tui hỏi vậy để cho biết, mà con nhỏ cứ nhe răng cười, không nói có, không nói không...



Chị Tư Đen hỏi :

— Chị có gặp ông Giáo đó lần nào chưa ?

— Ai mà gặp ! Con Hai, thì nó đến nhà ông hoài.

— Thời buổi này là thời buổi tự-do. Con trai con gái thương yêu nhau tưới hột sen ! Nhứt là học-trò với Thầy giáo đời nay thì khỏi nói. Không phải như thời xưa đâu, chị ơi. Cứ kệ họ. Nhưng mà phải bắt họ cưới hỏi dằng - hoàng, chứ làm chuyện núp lén rồi trót tay nhúng phải thùng chàm, bụng làm dạ chịu biết làm sao đây. Đề bữa nào tui đổ-dành con Hai, tui hỏi coi nó nói sao.

— Ủ, bữa nào dì hỏi nó thử coi. Chớ tui hỏi nó, nó cứ nói nửa nạc nửa mỡ, hông biết đầu mà rờ hết trội hết trơn...

Câu chuyện bàn-tính giữa Má của Toàn và vợ chồng chị Tư Đen là câu chuyện nói lên trong lúc Toàn không có ở nhà. Đến Mỹ-Tho hồi 1 giờ chiều, dọn cất vali và thay đồ-đặc xong, đến 5 giờ Toàn rủ đưa em gái con bà dì, tên là Ngọc, 12 tuổi, Nữ-sinh trường tiểu - học Mỹ - tho, đưa Toàn đi xem qua trường Nữ

Trung-học, để coi địa-điểm như thế nào, và có ở gần nhà bà dì không. Toàn rất vừa ý, vì từ nhà ở đường Lê Lợi đến trường Nữ Trung học ở đường Ngô-Quyền, Toàn đi bộ không đầy 15 phút. Nhân tiện, em Ngọc đưa Toàn đi rảo qua vài đường lớn trong thành phố, Hùng-Vương, Gia-long... Đến một vườn hoa dọc theo bờ sông, Toàn thấy dưới một bóng cây có một đám đông người chen đứng chật ních, nghe một người gảy đàn guitare, vừa ca bài «Con thuyền không bến».

Toàn không chú-ý đến lắm vì không phải thật lúc rỗi-rảnh để nghe đàn. Cô nắm tay em Ngọc đi nhanh, tránh đám đông người. Em Ngọc bảo :

— Chàng nghệ-sĩ mù đấy, chị Hai à.

Toàn hơi ngạc-nhiên :

— Chàng nghệ-sĩ mù nào ?

— Cái anh hát và dờn guitare đó.

— Người mù à ?

— Dạ. Anh ấy dui hết hai con mắt.

— Ai đặt cái tên «chàng nghệ-sĩ mù» đó ?

— Dạ, em đâu có biết. Em nghe tụi trong lớp em gọi anh ta như thế, em cũng bắt chước gọi theo.

— Tụi bạn trong lớp em đùa nào cũng biết anh ta sao ?

— Dạ, biết hết chớ. Học trò đùa nào cũng biết. Chàng nghệ-sĩ mù hát hay lắm, chị ơi ! Đờn cũng hay nữa. Sáng nào đi học em cũng thấy anh ấy ngồi hát và dờn ở góc đường Lê-đại-Hành, người ta bu lại nghe rồi cho anh tiền.

— Vậy hả.

— Dạ.

— Em có cho không ?

— Em đâu có tiền mà em cho. Toàn cười, rồi hỏi tiếp :

— Sao em biết «chàng nghệ-sĩ mù» hát hay ?

— Sáng nào đi học, em cũng đi tới góc đường Lê-đại-Hành đứng nghe một chặp rồi mới đến trường. Mỗi đứa trong lớp em cũng vậy. Ở Saigon có nghệ-sĩ mù đi hát và dờn để kiếm tiền như vậy không, chị Hai ?

— Có chớ. Nhưng không phải là nghệ-sĩ.

— Thế thì nghệ-sĩ là sao hả - chị ?

— Không phải ai ca hát được, chơi đàn được, là nghệ-sĩ. Phải là người có tài, đàn thật là hay, giọng hát thật là trong, hoặc thật cao, hoặc thật ảm, thế mới là nghệ-sĩ. Chị thấy mấy người mù đi hát dạo ở trong Sở-Thú Saigon hoặc trong các tiệm ăn, người ta cho họ tiền vì thấy họ mù-lòa người ta thương, chứ đâu phải họ hát hay.

— Nhưng chàng nghệ-sĩ mù hồi nãy đó hát và dờn hay tuyệt lắm, chị ơi. Tụi em nghe mê !

Câu chuyện phiếm về «chàng nghệ-sĩ mù» đến đây vừa hết vì Toàn và em Ngọc đã về đến nhà. Ở nhà, Má Toàn và vợ chồng chị Tư Đen nói lên về chuyện Toàn, cũng vừa chấm-dứt vì Toàn đã về.

★

Đêm đầu-tiên ở Mỹ-Tho, Toàn trần-trọc không ngủ được. Đúng là đêm đầu-tiên, vì tuy Mỹ-tho chỉ cách Sài-gòn vào khoảng chín chục cây-số, nhưng

## MỒ HÔI NƯỚC MẮT

với Toàn nó vẫn là một thành-  
phố xa lạ. Từ nhỏ đến lớn Toàn  
chưa bước chân đến đây bao giờ.

«Lạ nước lạ cái», lạ nhà lạ  
cửa, một cô gái đang có bao  
nhiều ý-nghĩ băn khoăn về thân  
phận, về duyên kiếp, về nghề-  
nghiệp, làm sao ngủ được ?

Trong phòng riêng, đèn tắt  
tối om, Toàn khế nghiêng mình kê  
chiếc bàn con, dòm mặt đồng hồ có  
những con số phát lân-tinh, màu  
xanh sáng ngời. Toàn ngạc nhiên  
nhìn thấy cây kim giờ chỉ con  
số 1. Mới đó mà đã 1 giờ rồi  
sao ? Toàn nằm trở lại ngay thẳng  
trên chiếc giường lạ, nhắm riết  
mắt và tự bảo thầm : Khuya quá  
rồi, phải ngủ, để sáng dậy tỉnh  
táo vào trường trình-diện với bà  
Hiệu-trưởng.

Nhưng rồi Toàn vẫn không  
ngủ được. Đếm thầm từ 1 đến  
10... 15... 20... 25... 30 không  
bao giờ đến 100 cả, Toàn cứ thấy  
bằng con số đứt đoạn, và thay vào  
đó những hình-ảnh quen-thuộc,  
quyển rũ, say mê của dĩ-vãng...  
Toàn ôn lại tóm tắt đoạn đời  
của Toàn vừa mới trải qua...  
Một đoạn đời xinh đẹp không  
ngờ ! Đáng lẽ không bao giờ  
Toàn làm được cô Giáo. Số  
phận hăm-hiu của Toàn từ  
hồi niên-thiếu, tưởng đâu không

thề nào thoát ra được khỏi  
tối - tăm, bần - hàn, khổ-nhục.  
Ngay từ thuở bé, Toàn còn để  
chôm tóc trên đầu, đã bị mẹ bắt ở  
nhà giữ em, và dọn dẹp bếp-núc  
quét tước nhà cửa, rửa chén, nấu  
cơm, để cho bà đi buôn thúng bán  
mẹt kiếm tiền nuôi một đàn con  
dại. Ba Má Toàn đã nghèo mà  
sinh con chi cho lắm thế : Toàn  
phải bồng-bế và săn-sóc bốn đứa  
em. Ba của Toàn làm thợ trong  
một xưởng cưa, lương tháng hụt  
trước thiếu sau, cố tiện-tặn cho  
mấy cũng không tránh khỏi nợ nần,  
Cơm ăn bữa no bữa đói, quần áo  
tăm rách tấm lành, nhiều khi  
Toàn đã trông thấy cảnh Ba Má  
Toàn cãi lộn và đánh nhau vì công  
nợ, vì nghèo, vì rách-trười. May  
sao Ba Toàn cố gắng làm việc  
được tăng lương, thêm tiền phụ-  
cấp gia-đình, Mẹ Toàn cũng tần-  
tảo bán buôn. Khi Toàn lên 9 tuổi,  
cha mẹ Toàn cố gắng dành-dụm  
chút ít tiền cho Toàn được đi học.  
Toàn không ngờ học mau tấn tới,  
đến 14 tuổi đỗ bằng tiểu-học. Tấm  
bằng tiểu-học này là cả mồ hôi  
nước mắt của cha mẹ Toàn kết  
thành. 18 tuổi, Toàn học Đệ-tứ,  
gặp lúc vận nhà nguy-biến, cha mẹ  
Toàn không còn cách nào cho  
Toàn tiếp-tục học được nữa.  
Toàn bị đuổi ra khỏi trường,  
xuýt phải về nhà trở lại nghề

giữ em, làm bếp, đi chợ, và dành  
ôm phận dốt-nát thấp hèn, sống  
đời hăm-hiu, tuyệt-vọng. Cha  
Toàn lại bị đau nặng, nằm nhà  
thương Biah-dân. Mẹ Toàn buồn  
bán ế-ảm. Ngẫu-nhiên, ông Giáo  
Ngọc-Minh đến cứu Toàn, không  
khác nào một vị Thiên-thần từ  
trên Thiên-dình giáng xuống để  
nâng đỡ Toàn lên khỏi vực thẳm.  
Toàn đỗ bằng Trung-học, rồi bằng  
Sư-phạm, là hoàn-toàn nhờ sự  
giúp đỡ tinh-thần và tiền-bạc của  
ông Giáo-sư Ngọc-Minh... Toàn  
thật không ngờ ngày nay Toàn có  
phước được làm cô giáo ở trường  
Nữ Trung-học. Toàn nhớ lại hầu

hết những lời - lẽ thâm - thúu  
và xinh đẹp vô ngần mà Ngọc-  
Minh đã nói với cô trong bữa  
tiệc mừng cô thi đậu. Ông Ngọc-  
Minh là một ánh sáng tươi đẹp  
và tinh-khiết chiếu vào đời cô !

Nhưng... than ôi... sao Toàn  
vẫn nhìn thấy ánh sáng ấy gần lắm,  
mà cũng xa lắm ! Cô được tia sáng  
chiếu vào tim cô, vào hồn cô.  
tràn ngập trên tuổi hoa-niên,  
tưng bừng, thanh-khiết, ấm-áp,  
nhưng cao quá... xa quá..., cô vói  
không đến. Cô cảm thấy ông Ngọc  
Minh như một mặt Trời rực-rỡ mà  
cô chỉ là một đóa hoa hoang-dại  
ở bên đường ! (còn nữa)

## SÁCH TRIẾT - HỌC

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ 62 Lê-lợi Saigon

Tâm lý học	Cao Văn Luận	60 \$
Luận lý học	—	35 —
Đạo đức học	—	50 —
Tâm lý học	Trần Văn Hiến Minh	90 —
Luận lý học	—	70 —
Đạo đức học	—	70 —
Siêu hình học	—	50 —
Luận triết học : Tâm lý học	—	60 —
— Luận lý học	—	60 —
— Đạo đức học	—	60 —
Luận lý học	Bùi hữu Sùng	60 —
Luận triết học : Tâm lý học	—	50 —
— Luận lý học	—	50 —
— Đạo đức học	—	50 —
Luận triết học : Tâm lý học	Nguyễn hữu Trọng	65 —
Luận triết học : Đạo đức học	Trần bích Lan	50 —
Tâm lý học ứng dụng	Phạm xuân Độ	30 —
Tâm lý quần chúng	Guitave Le Bon	76 —
Biết người	Ph Girardet	96 —
Tâm lý ban gái	Hoàng xuân Việt	73 —
Tâm lý ái tình	Phạm cao Tùng	75 —
Triết học tổng quát	Nguyễn văn Trung	32 —
Luận lý học	—	33 —
Đạo đức học	—	33 —
Đạo đức học tổng quát	Trần trịnh Khiết	35 —
Triết học nhập môn	Jaspers	60 —
Danh từ triết học	Cao văn Luận	60 —



## ● Mến gửi chị Diệu-Huyền

Xem trong các số « Phổ Thông »,  
Những lời chị giải em không được rành  
Em đây muốn rõ ngọn-ngành  
Chị ơi ! nhờ chị phân rành giùm em...



Chị Diệu-Huyền ! chị Diệu-Huyền !  
Tuổi xuân nay mấy tình-duyên thế nào ?  
Cùng anh Nguyễn-Vỹ ra sao ?  
Hai người hay một ? khác nhau hay trùng ?  
Phải cùng nhau bạn tình chung ?  
Chị anh, anh chị, lạ-lùng khó phân,  
Đọc qua, đọc lại nhiều lần,  
Đọc nhiều em thấy phân-vân càng nhiều !.



Lời thơ chị rất mỹ-miệu  
Ý văn chị đẹp như khêu lòng người  
Gọi hồn theo gió lả-loi,  
Phiêu-diêu Tiên-cảnh là đời chị mơ  
Thoát trần, thoát cảnh phồn hoa,  
Lâng-lâng mang nặng bầu thơ, phím đàn,  
Chị đi, em cũng theo cùng,  
Hai vai ta nặng nhưng lòng ta vui !

VÕ THỊ DUY-HIỀN  
(Tán-long -- Nhơn-an)



## ★ Kịch thích tổ A và B.

(của Ô. Ngô-Hữu, Trần-quý-Cáp, Ninh-Hòa)

Trong *Phở-Thông* số 64, nơi mục « Minh ời » cô Diệu-Huyền bàn về kinh-nguyệt, có viết :

« Thí dụ bắt em có đường kinh ngày mồng 1, thì trong buồng trứng cũng tự nhiên phát tiết ra kịch thích tổ gọi là kịch thích tổ A... »

Thưa cô, buồng trứng chỉ tiết ra kịch thích tổ khi hết kinh. Lại nữa Hormone A là do tuyến não thùy (*Hypophyse*) tiết ra. Chính chất này làm phát triển noãn châu và *Follicule de De Graaf*. Hormone B cũng không tiết ra cùng một lúc với Hormone A để nuôi dưỡng noãn châu trong thời gian 11 ngày. Nó bắt đầu tiết ra khi trứng sắp rụng và do Não thùy (*Hypophyse*) ở não tiết ra. Dưới ảnh hưởng của chất này trứng chín và rụng, *Follicule de graaf* đã vỡ vì trứng rụng biến thành *Coprs jaune*. Noãn châu sống được 2 tiếng đồng hồ : Nơi trang 103 cô Diệu Huyền viết : « Noãn châu rụng trong tử cung nhưng chỉ sống được 2 tiếng đồng hồ... Nhưng thưa cô, theo *Larousse médical* noãn-châu có thể sống non 48 tiếng đồng hồ.

● ĐÁP.— Bác-sĩ NEFERT, Hàn-lâm-viện Y-khoa Pháp chuyên về khoa sinh-sản, có viết trong tạp-chí « *Guérir* » rằng : Về nguyên-tắc, Noãn-châu chỉ sống trong 2 giờ, nhưng đôi khi cũng có thể chờ đợi đến non 24 tiếng đồng-hồ. (En principe l'ovule ne peut être fécondé que pendant 2 heures, mais il peut tont aussi bien attendre la fécondation environ 24 heures, pratiquement un jour par mois).

Bác-sĩ M. HADET, thì nói rằng người đàn-bà chỉ có thể có thai vài giờ trong mỗi tháng mà thôi, theo sự phát-minh của hai nhà

bác-học Ogino và Knauss (Nons savons de façon précise, depuis les travaux poursuivis vers 1930, par deux savants gynécologues, Ogino au Japon et Knauss en Autriche, chacun ignorant les recherches de l'autre, que LA FEMME N'EST FÉCONDABLE QUE QUELQUES HEURES PAR MOIS.)

Bác-sĩ Hadet lại còn quả-quyết hơn. Theo ông, thì Noãn-châu được thành thai bởi tinh-trùng chỉ trong khoảng thời gian **KHÔNG QUÁ 2 GIỜ**.

(L'ovule qui s'engage dans la trompe ne reste apte à être fécondé par le spermatozoïde que pendant un **LAPS DE TEMPS QUI N'EXCÈDE GUÈRE DEUX HEURES**).

— Cũng theo Bác-sĩ Ogino, Não-thùy (Hypophyse) tiết ra kích thích số A TRONG LÚC BẮT ĐẦU CÓ ĐƯỜNG KINH. "Dès le début du cycle, c'est-à-dire DÈS L'APPARITION DES RÈGLES. (L'hypophyse, chef de file des glandes endocrines, secrète une hormone spéciale, hormone A, quantité progressivement croissante...)

—... Tont en continuant à secreter l'hormone A, l'hypophyse secrete alors en plus une Hormone B, dite de lutéinisation..)

Có lẽ quyền Larousse Médical mà ông dẫn-chứng đó, đã cũ quá chẳng?

### ★ Điện-tích nước Việt-Nam.

(Của ông Hoàng-thế-Mỹ, Ty Tiêu học Kontum)

Trong tạp-chí Phổ-Thông số 65, ở mục "Thư bạn đọc", một độc-giả thắc-mắc về sự sai-biệt giữa những con số chỉ điện-tích nước VIỆT-NAM trong ba quyển Địa-lý và Việt-sử của ba tác-giả.

Riêng về quyển Địa-lý HOÀNG-THẾ-MỸ, tôi trân-trọng nhờ Ông GIÁM-ĐỐC trả lời giúp là tôi đã lấy con số 330.000 km<sup>2</sup> chỉ điện-tích nước VIỆT-NAM ở trong quyển ANNUAIRE STATISTIQUE của người Pháp về năm 1946, một tài liệu có thể nói là đáng tin cậy.

Sách thống-kê nói trên có lẽ trong những thư-viện Huế, Đà-lạt và Sài-gòn cũng có. Trân-trọng kính chào Ông.

## ★ Này Công-dân ơi | Quốc-gia đến ngày giải phóng !...

(Của Cô Lê Tuyết-Lan, Trung-phần)

Thưa chị... theo em, đã gọi rằng Quốc-Ca, thì chắc là phải thống nhất chứ. Nhưng em thắc mắc như sau đây : Những tỉnh miền Nam Trung phần và Nam phần, thì dùng bài suy tôn Ngô Tổng-Thống là : " — Ai bao năm vì sông núi quên thân mình ", và bài quốc ca với lời là : " Này Công-dân ơi, quốc gia đến ngày giải phóng, đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống, vì tương lai Quốc-dân, cùng xông pha tiến lên, làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền...".

Những tỉnh miền Bắc Trung phần lại áp dụng khác. Có tỉnh thì hát bài Quốc-ca giống bài trên, nhưng bài suy tôn lại hát : " Việt-Nam anh linh còn trong huyết thống..." và bài đó thì gọi là bài " ghi ơn". Có tỉnh thì áp dụng bài Suy tôn và bài ghi ơn như trên, mà bài Quốc-Ca lại khác. Họ hát lời là : " Này thanh niên ơi đứng lên đáp lời sông núi..."

Không biết rằng bài nào đúng và bài nào sai, hoặc là đều đúng cả?

### ★ Thanh-minh...

(của ông Lương-trọng-Minh, Giáo-sư Tân-Bình, Qui-nhơn)

...Trong số Trung-Thu, nơi trang 131, mục " Thư bạn đọc " có mấy câu :

"... Vài giáo-sư ở đây đồn rằng ông hô hào dạy Sinh-ngữ ở các Trường, có lẽ ông là tay sai của thực-dân Anh-Pháp.

Thật là động trời ! Rất mong Ông cho biết ý kiến..."

Đọc những giòng ấy, chúng tôi vô cùng băn-khoan, thắc-mắc. Vậy chúng tôi xin thanh-minh là giáo sư trường trung-học thực Tân-Bình (Qui-nhơn) không bao giờ có ý-tưởng lạc-hậu như thế vì chúng tôi rất sợ độc giả hiểu lầm chữ "Vài giáo sư ở đây".

"Vài giáo sư ở đây" có nghĩa là vài giáo sư ở Qui-nhơn vì thành kiến sai lầm đối với Sinh-ngữ và "tiếng mẹ đẻ" mà phát ngôn vô trách nhiệm như thế. Kính mong Ông cảm thông.

## ★ Lại ăn trộm Văn ?

(của em Trần-thị-Mai, Nữ-sinh Gia-long, Saigon)

...Chị Diệu-Huyền ơi, cách nay ít lâu, trong xấp báo hàng ngày, tình-cờ em đọc một mẩu chuyện «hồi ký» của hai vị ký-giả kiêm văn-sĩ ở báo «N.M.», thuật lại một chuyện «luân-hồi, có thật tại Việt Nam». em giật nảy người lên, và đưa bài báo cho bác em coi. Tề ra từ câu chuyện, từ lời văn đến tên của các nhân-vật trong chuyện Sơn và Ngọc Oanh đều lấy trong quyển tiểu thuyết của bác em, ông thú-y-sĩ TRẦN-QUANG-HIÊN, tiểu-thuyết ấy nhan-đề «TÁI SANH», do nhà sách Minh-Tân xuất-bản tại Ba-lé năm 1952. Sách đó, em đang có trước mắt đây, chị ạ. Rõ thật là xấu hổ cho nhà văn, nhà báo xứ mình ! Đạo văn đến thế là cùng. Trách sao một vị luật-sư tập-sự vô-vê làm văn, đã chẳng rêu-rao rằng văn-sĩ miền Nam không có quá-khứ ! Chẳng ngờ cái ông văn-sĩ (dẫn hồi đây) không biết tí văn chương miền Nam là cái chi chi, mà dám wòn ngược nói giọng thầy đời, dám phi-nhỏ cả một nền văn chương miền Nam !

Ấy, thưa chị Diệu-Huyền, cũng tại một vài «ký-giả» của ta hay lấy văn của người làm của mình, như trường-hợp hai ông trên kia chẳng hạn !

Bác em tác-giả quyển «Tái Sanh», vừa nói vừa cười kể ra một vài cái lỗi lằng khác nữa trên văn đàn Việt-Nam, làm em cười quá xá, chị Diệu-Huyền ơi !

Em không muốn vui một mình, em viết thơ này cho chị cười chơi, để chị làm một bài thơ. Có tiện thì hãy trao lại cho bác Nguyễn-Vỹ để nhà thơ của em hết hồn coi ông phản ứng ra sao. Biểu ông cho đăng thơ này đi chị Diệu-Huyền, gọi là nhân nhủ hai vị ký-giả tài-ba kia, để từ nay họ đừng chơi cái mớng đó nữa. Tề chi mà không sanh ra được một «hồi-ký» của mình ? Lại phải chép nguyên-văn cuốn «Tái-sanh» của người ta mà la của mình, rồi ký tên của mình ? Làm trò cười cho con bé 15 ?

Thật là, chán đời !

Thán mển chào chị. Em sẽ đón đọc bức thơ này đó chị Diệu-Huyền. Đừng bỏ qua, em giận đó, nghe chị.



# ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

## ★ DIỆU-HUYỀN

### ★ Bạn Thùy-Nhung, Vĩnh-Phước, Khánh-Hòa

Sinh song-thai vì hai trường-hợp bất thường :

1º) Có khi MỘT CÁI TRỨNG mà chia làm đôi, thì sẽ sinh ra hai đứa con cùng một giống (hoặc hai trai, hoặc hai gái) và giống với nhau lắm, vì cũng do MỘT TINH TRỪNG.

2º) Có khi buồng trứng đẻ rụng xuống HAI CÁI TRỨNG một lượt, và có HAI TINH TRỪNG, thành hai cái thai khác nhau : sẽ sinh ra hoặc một trai một gái, hoặc có thể hai trai, hay hai gái, nhưng ít giống với nhau.

Trong trường-hợp thứ hai này, có khi buồng trứng đẻ rụng xuống 3 trứng, hoặc 4, là cùng. Họạ hoãn lắm mới có 5 trứng thụ thai một lúc, như trường-hợp 5 đứa con của bà DIONNE sinh năm 1934 ở CANADA. Cả 5 đều sống, toàn là gái và hiện nay 3 cô đã có chồng, 1 cô đi tu, 1 cô bị bệnh chết lúc 20 tuổi. Sách Y-học Pháp nói cũng có khi 6 cái trứng thụ thai một lần, nhưng hi-hữu.

Những sự thụ thai dị-thường ấy đều do ở buồng trứng đặc biệt của người đàn-bà. Báo Anh vừa báo tin hôm đầu tháng 10 vừa qua, ở tỉnh Karonga, xứ Nyassaland (Nam Phi-châu) một thiếu-phụ sinh ra 6 đứa con. Thiếu phụ người da đen, năm nay 35 tuổi, đã đẻ lần đầu tiên 4 đứa con một lượt, rồi kế tiếp lần thứ hai sanh 2 đứa, lần thứ ba 5 đứa, lần thứ tư 4 đứa, lần thứ năm 5 đứa,

lần thứ sáu 3 đứa, rồi lần thứ bảy, mới đây, 6 đứa nữa | Cong lại  
bà đẻ 7 lần mà 29 đứa con | Nhưng chỉ sống được 7 đứa thôi

Theo các Bác-sĩ chuyên môn, thì trong 100 người đàn bà,  
có thể có 1 người đẻ song thai. Trong 328 TRIỆU người, mới  
có 1 người thọ thai một lượt 5 đứa.

Ngoài ra, lại còn có trường-hợp HAI TINH-TRÙNG cùng  
vào một lúc trong MỘT NOĂN-CHÂU, (polyspermie) sinh ra  
quái-thai.

★ **Bạn Trần-văn-Nghĩa, Saigon**

Ba chữ C.E.E mà bạn thường thấy trên xe của công-ty nhà  
Đền, là viết tắt ba chữ Compagnie des Eaux et Electricités (Công-  
ty Thủy Điện)...

★ **Cô Đoàn Kim-Dung, Gia-định**

Bà Sương-nguyệt-Anh sinh năm 1863, chết năm 1921, như  
danh Nguyễn-thị-Khuê, biệt-hiệu Nguyệt-Anh là con gái của ông  
Nguyễn-đình-Chiều, tác-giả truyện *Lục-vân-Tiên*. Người ta lấy tên  
bà đặt tên đường phố, vì bà là một Nữ-sĩ nổi danh ở Nam-Việt.

Về lịch-sử các Kỳ-quan Vũ-trụ, cô xem lại P.T. số 61  
(15-7-61).



**CÙNG BẠN ĐỌC THÂN MẾN,**

Vì kỳ này bài nhiều quá, nên mục Đáp Bạn  
Bốn Phương chỉ đăng được 2 trang, trong số tới  
sẽ trả lời tất cả các thư còn gác lại. Xin bạn  
đọc thông cảm.



**ĐẠI-BÔ  
BÁC-SỸ TÍN**

CẦN DÙNG CHO NGƯỜI ỒM YẾU, MẤT MÁU,  
SỐT RÉT XANH XAO. ĐÀN BÀ TRONG KHI  
DUỠNG THAI HAY SAU KHI SANH ĐẼ.  
ĐẠI BÔ CHO NGƯỜI LAO-LỰC VÀ ĐAU MỎI MẠNH.

VIÊN BẢO CHẾ CÓ BÀN TẠI CÁC ĐẠI LÝ  
343, D. LUC-TINH-C. KHUYNH-ĐIỆP BÁC-SỸ TÍN

★ **KHUYNH-ĐIỆP BÁC-SỸ TÍN** chẳng những bảo-  
vệ sức-khỏe mà còn giữ gìn GIỌNG CA ÊM ẨM,  
TIẾNG HÁT THANH TAO, BỘ PHỔI TRONG  
LÀNH.

★ Anh chị em CA NHẠC SĨ thường dùng **KHUYNH-  
ĐIỆP BÁC-SỸ TÍN** nhều vào khăn tay hít cho hơi thở  
khoan-khoái, khử trùng trong khí-quần, khỏi vướng đảm  
trong cổ họng khi trình-diễn.

★ Anh chị em thường đi dự Đại-Nhạc-Hội hay Cải-  
liơng, Chóp bóng cũng cần dùng **KHUYNH ĐIỆP BÁC-  
SĨ TÍN** nhều vào khăn tay hít để khỏi sợ **NHIỄM BỆNH**  
của những người bị **CẢM, HO** ngồi quanh mình.

*Nhà thuốc* **VAN-XUAN**  
Phát hành tại THUỐC BÒ

**HUYET-SON-DUONG**

Sở liên Đại-ly  
và khố, hàng, tại

*Nhà thuốc* **VAN-XUAN**  
4. Đường THUAN-KIEU CHOLON

**LÀM TRẺ MÁU HUYẾT, HẠCH GAN**

*Retour de*  
SANG PHU, SINH-VIÊN  
NGƯỜI ĐAU MỎI MẠNH

**HEPATANA**

Pharmacie **TANA**  
82-84 NGUYEN-TRAI CHOLON

#### 4 DƯỢC PHẨM CỦA BÁC-SĨ ĐẶNG-VĂN-HỒ

### MORINDOL

**T**ẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều bác-học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công-nhận rễ nhàu là môn-thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (*Hypertention artérielle*). Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774— 18-927).

### MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí - nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách « những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu* (neurasthénie), hay xúc động (*nervosité malade*), hay lo âu, tim « hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không « tỉnh táo (*gâtisme*) v. v.,

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »  
(B. s. Đặng văn Hồ)

### COQUELUCINE

Trị bằng thuốc này, bệnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

### HOMOPTY SOL

Số bệnh lao ra máu ở bệnh viện Ngô-Quyền trong năm thí-nghiệm thuốc này chỉ còn 1, 2 phần 10, so với mấy năm trước.

Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng khái huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan y.

Bốn dược phẩm kể trên đều có bán ở các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

**Bán-sĩ tại 246 Đường Cống-Quỳnh và 550 E Đại lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon.**

AI ĐAU GAN NÊN DỪNG THUỐC

# HEPATIC

Ai đau gan ?

NÊN DỪNG THUỐC

## HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

# HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu